

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

BỘ Y TẾ



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
DƯỢC LIỆU – DƯỢC YHCT**

Đối tượng: CHUYÊN KHOA I DƯỢC

HÀ NỘI - 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành đề cương các học phần trong chương trình đào tạo Tiến sĩ, Chuyên khoa II, Chuyên khoa I, Thạc sĩ định hướng nghiên cứu, Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền, chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền và chuyên khoa I ngành Châm cứu

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ- TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

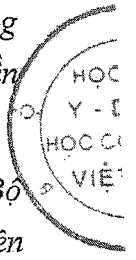
Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 04 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-BYT ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;



Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 06 năm 2021 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-HVYDCT ngày 22 tháng 3 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu;

Căn cứ Quyết định số 649/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 3 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-HVYDCT ngày 07 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 976/QĐ-HVYDCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa I ngành Châm cứu;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Dược sĩ chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 997/QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 1053/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành Y học cổ truyền;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này đề cương các học phần trong chương trình đào tạo Tiến sĩ, Chuyên khoa II, Chuyên khoa I, Thạc sĩ định hướng nghiên cứu, Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền, chuyên khoa I ngành Châm cứu và chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền (Đề cương chi tiết học phần kèm theo).

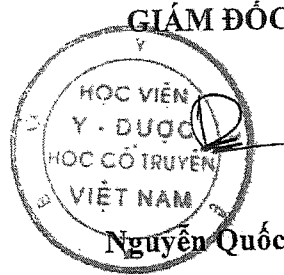
TIẾN
SĨ
RUY
NAM

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành và được áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2023.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Hành chính - Tổng hợp, Tài chính kế toán, các Trưởng khoa Khoa học cơ bản, Y học lâm sàng, Dược và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường (đề b/c);
- Ban Giám đốc (đề b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SDH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Huy

1
2
1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC

Trình độ đào tạo: Chuyên khoa I

Mã ngành đào tạo: Dược sĩ chuyên khoa I, Ngành: Dược liệu – Dược học cổ truyền;

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Triết học

* Tiếng Anh: Philosophy

- Mã học phần:.....

- Số tín chỉ: .03.LT/...0..TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết

+ Lý thuyết:...23 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng:...0.. tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: ...08...tiết

+ Kiểm tra:...01...tiết

+ Thời gian tự học: ...13..tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Nhất

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lý luận chính trị - Khoa KHCB

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Đinh Nguyễn An	0944371111	LLCT	Dinhnguyenan1181@gmail.com
2	Ths. Bùi Thị Phương Thúy	0989727656	LLCT	Phuongthuy12883.pt@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trang bị cho người học kiến thức tổng quát về lịch sử triết học Phương Đông và Phương Tây, đặc biệt là Tư tưởng triết học Việt Nam.
MT HP2	Cung cấp những nội dung cơ bản của Triết học Mác - Lênin, mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học, vai trò của khoa học, công nghệ hiện nay đối với sự phát triển chung của xã hội.
MT HP3	Hình thành phương pháp tư duy khoa học và ý thức trách nhiệm của người học.
MT HP4	Người học hiểu được tầm quan trọng của Triết học Mác - Lênin và vai trò của khoa học, công nghệ đối với việc phát triển ngành Dược nói chung và Dược liệu – Dược học cổ truyền nói riêng.

Bảng 3.2. Mối liên hệ giữa Mục tiêu của Học phần với Mục tiêu của Chương trình đào tạo (MTCTĐT)

	MTTQ	MTCTĐT1	MTCTĐT2	MTCTĐT3	MTCTĐT4
MT HP1	x				x
MT HP2	x				
MT HP3	x				
MT HP4	X				x

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Hiểu được đặc điểm và vai trò của triết học Mác – Lênin trong thời đại ngày nay.
CLO2	Trình bày khái quát được sự phát triển đa dạng của triết học Phương Đông và Phương Tây
CLO3	Vận dụng được kiến thức triết học Mác – Lênin và các nội dung liên quan đến sự phát triển khoa học, công nghệ trong công tác phát triển lĩnh vực chuyên môn.
CLO4	Có tư duy logic, tư duy phản biện; Có kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.
CLO5	Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, xã hội.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CLO 1	2												
CLO 2	1												
CLO 3	3												
CLO 4	1								1	1			1
CLO 5	2												

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần; Máy chiếu, loa, mic, bảng viết, bút (phân)...

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp:
 + Tham gia học tập ít nhất 80% số tiết giáo viên giảng dạy và hướng dẫn thảo luận trên lớp.
 + Không nói chuyện riêng, không dùng điện thoại di động, không làm việc riêng của cá nhân trong giờ học.

- Tự học: Học viên tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo tại nhà những nội dung giáo viên yêu cầu.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- + Bài kiểm tra điều kiện đạt điểm 5/10 trở lên
- + Nghi học không quá 20% số tiết giáo viên giảng dạy và hướng dẫn thảo luận trên lớp.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Triết học thuộc kiến thức chung, bao gồm 4 chương cung cấp:

1/ Những kiến thức khái lược về lịch sử triết học Phương Đông và Phương Tây cũng như những ảnh hưởng của một số trào lưu tư tưởng triết học tiêu biểu đến đời sống xã hội Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử;

2/ Kiến thức Triết học Mác – Lênin nâng cao, củng cố và phát triển tư duy biện chứng, định hướng hoạt động thực tiễn cho người học;

3/ Tầm quan trọng của Triết học và vai trò của Khoa học công nghệ đối với sự phát triển của các ngành khoa học nói riêng và đối với toàn xã hội nói chung.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với CDR

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Chương	Các nội dung cơ bản của chương	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR chương	Liên quan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

<p>Chương 1</p>	<p>KHÁI LƯỢC VỀ TRIẾT HỌC</p> <p>I. Triết học là gì?</p> <p>1. Khái niệm triết học</p> <p>2. Đối tượng của triết học</p> <p>3. Vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>4. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm</p> <p>5. Khả tri và bất khả tri</p> <p>6. Biện chứng và siêu hình</p> <p>II. Triết học phương Đông</p> <p>1. Triết học Ấn Độ cổ đại</p> <p>2. Triết học Trung Hoa cổ đại</p> <p>III. Tư tưởng triết học Việt Nam</p> <p>1. Nho giáo ở VN</p> <p>2. Một số tư tưởng triết học Việt Nam tiêu biểu.</p> <p>- Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh.</p>	<p>16 tiết</p>	<p>+ Hiểu được bản chất của Triết học và sự khác biệt căn bản giữa phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình.</p> <p>+ Phân loại được các hình thức triết học cơ bản trong lịch sử.</p> <p>+ Hiểu được đặc điểm và những nội dung chính trong các trường phái triết học nổi tiếng của Phương Đông và Phương Tây.</p> <p>+ Xác định được giá trị cốt lõi trong tư tưởng một số tư tưởng triết học VN tiêu biểu – đặc biệt là triết học Hồ Chí Minh</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO4 CLO5</p>	<p>PP. Thuyết trình; PP. Thảo luận nhóm;</p>	<p>+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</p> <p>+ Phát biểu ý kiến liên quan đến bài học</p> <p>+ Tự nghiên cứu những nội dung giáo viên yêu cầu</p>	
---------------------	--	----------------	---	--	--	---	--

<p>Chương 2</p>	<p>TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN</p> <p>I. Sự ra đời của triết học Mác - Lênin</p> <p>1. Điều kiện kinh tế - xã hội</p> <p>2. Tiền đề lý luận</p> <p>3. Tiền đề khoa học tự nhiên</p> <p>4. Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và phát triển triết học Mác - Lênin.</p> <p>5. Đối tượng và đặc điểm chủ yếu của triết học Mác - Lênin.</p> <p>II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <p>1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>2. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</p>	<p>12 tiết</p>	<p>+ Hiểu được sự ra đời của Triết học Mác – Lênin là một hiện tượng tất yếu, khách quan của lịch sử, dựa trên những tiền đề nhất định và đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của thực tiễn những năm 40 của thế kỷ XIX.</p> <p>+ Nhớ được đối tượng và các đặc điểm của Triết học Mác – Lênin.</p> <p>+ Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc phương pháp luận rút ra từ việc học tập 2 nguyên lý, 3 quy luật, 6 cặp phạm trù của Phép biện chứng duy vật trong công tác</p>	<p>CLO1 CLO3</p>	<p>PP. Thuyết trình; PP. Thảo luận nhóm;</p>	<p>+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</p> <p>+ Phát biểu ý kiến liên quan đến bài học</p> <p>+ Tự nghiên cứu những nội dung giáo viên yêu cầu</p>	
-----------------------------------	--	----------------	---	----------------------	--	---	--

	<p>III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>1. Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>2. Biện chứng giữa LLSX và QHSX</p> <p>3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>4. Biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội</p> <p>5. Tiến bộ xã hội. Quy luật về sự tiến bộ của xã hội loài người</p> <p>IV. Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay</p> <p>1. Những biến đổi của thời đại</p> <p>2. Vai trò của Triết học Mác - Lênin</p>		<p>chuyên môn và trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p>+ Hiểu được các quy luật xã hội đều mang tính khách quan; từ đó có cái nhìn đúng đắn về con đường đi lên CNXH của Việt Nam.</p> <p>+ Xác định được vai trò quan trọng của Triết học Mác – Lênin trong bối cảnh thời đại có nhiều biến đổi ngày nay.</p>				
<p>Chương 3</p>	<p>MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC HỌC VỚI CÁC KHOA HỌC</p>	<p>8 tiết</p>	<p>Hiểu được mối quan hệ biện chứng giữa khoa học với triết học và vai trò thế giới quan, phương</p>			<p>+ Chuẩn bị bài trước khi</p>	

	<p>I. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học.</p> <p>II. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học.</p> <p>1. Thế giới quan và Phương pháp luận</p> <p>2. Triết học là cơ sở để giải thích và định hướng nhận thức, hoạt động của các khoa học.</p> <p>3. Nhà khoa học không thể thiếu phương pháp luận triết học sáng suốt dẫn đường.</p>		pháp luận của triết học đối với sự phát triển của các khoa học nói chung và đối với nhà khoa học nói riêng.	CLO1	PP. Thuyết trình; PP. Thảo luận nhóm;	đến lớp + Phát biểu ý kiến liên quan đến bài học yêu cầu	
Chương 4	<p>VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI</p> <p>I. Khoa học và Công nghệ</p> <p>1. Khoa học</p> <p>2. Kỹ thuật</p> <p>3. Công nghệ</p>	9 tiết	+ Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa khoa học, kỹ thuật và công nghệ; Cách mạng kỹ thuật, cách mạng công nghệ và cách mạng công nghiệp.	CLO3	PP. Thuyết trình; PP. Thảo luận nhóm;	+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp + Phát biểu ý	

	<p>4. Cách mạng kỹ thuật, cách mạng công nghệ, cách mạng công nghiệp.</p> <p>II. Cách mạng khoa học và công nghệ.</p> <p>1. Tiến trình phát triển của khoa học, kỹ thuật và công nghệ</p> <p>2. Bản chất, tác động và các xu hướng cơ bản của cách mạng khoa học và công nghệ.</p> <p>III. Khoa học và công nghệ VN</p> <p>1. Thành tựu của nền khoa học và công nghệ VN.</p> <p>2. Những hạn chế, yếu kém của khoa học và công nghệ VN</p> <p>3. Nguyên nhân của thành tựu và hạn chế</p>		<p>+ Hiểu được những thành tựu, hạn chế yếu kém của khoa học và công nghệ VN và chỉ ra được nguyên nhân của thực trạng này.</p>		<p>kiến liên quan đến bài học</p> <p>+ Tự nghiên cứu những nội dung giáo viên yêu cầu</p>	
--	--	--	---	--	---	--

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Stt	Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần	Mức điểm (thang điểm 10)
1	Đi học đúng giờ và tham gia đầy đủ 100% các buổi học trên lớp	10 điểm
2	Đi học muộn	Trừ 01 điểm
3	Nghỉ học	Trừ 02 điểm/ 01 buổi nghỉ

9.2.2. Rubric đánh giá điểm kiểm tra giữa kỳ:

Stt	Tiêu chí đánh giá điểm kiểm tra giữa kỳ	Mức điểm (thang điểm 10)
1	Trả lời đúng và đủ ý	09 điểm
2	Trình bày bài khoa học, chữ viết dễ đọc	01 điểm
	<i>Những học viên hăng hái phát biểu xây dựng bài trên lớp được cộng tối đa 03 điểm vào bài kiểm tra giữa kỳ.</i>	

9.2.3. Rubric đánh giá bài thi hoặc tiểu luận:

Stt	Tiêu chí đánh giá giá bài thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận	Mức điểm (thang điểm 10)
1	Trả lời đúng và đủ ý	10 điểm

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Điểm Chuyên cần	10%			R1		GV điểm danh học viên đầu buổi học
Điểm kiểm tra giữa kỳ	30%	Chương 1: Khái lược về triết học		R2	CLO3	GV ra đề bài kiểm tra 01 tiết cho học viên; bài làm viết tay không đánh máy
Điểm thi kết thúc học phần hoặc làm bài tiểu luận	60%	Chương 1,2,3,4		R3	CLO1 CLO2 CLO3	GV ra đề thi chẵn – lẻ, học viên làm bài thi tại lớp theo quy định. Trong trường hợp học viên làm bài Tiểu luận thì GV ra đề mở, yêu cầu học viên viết tay, không đánh máy bài làm.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần

+ Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm chuyên cần; Điểm kiểm tra giữa kỳ và Điểm thi kết thúc học phần (hoặc viết bài tiểu luận) theo Bảng 9.3.1

+ Điểm học phần phải đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5 điểm).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính: Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Giáo trình Triết học* (dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo:

- Trần Văn Thụy (2013): *Triết học Lý luận và vận dụng*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2004), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



ĐOÀN QUANG HUY



ĐINH NGUYỄN AN

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH**

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:
- * Tiếng Việt: **Tiếng Anh chuyên ngành**
- * Tiếng Anh: English for Medical Purposes
- Mã học phần: 313102
- Số tín chỉ: 03 TC
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 135 tiết
- + Lý thuyết: 45 tiết
 - + Thực hành: 0 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: 0 tiết
 - + Thời gian tự học: 90 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược cổ truyền, năm thứ nhất
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
- + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Không
 - + Học phần học trước (đã học): Không
 - + Học phần song hành: Không có
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Thông tin về giảng viên

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	ThS. Doãn Thị Lan Anh	0904368503	anhminh0409@gmail.com
2	ThS. Phạm Ngân Hà	0983894482	phamnganha2703@gmail.com
3	TS. Phí Thị Việt Hà	0902222779	vietha79vatm@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thanh Hoa	0984328968	thanhhoa.nguyen1609@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Văn Trang	0977670786	vantrang0609@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Thúy	0778489238	nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Học viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu
MT1 Kiến thức	Kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh trong lĩnh vực y khoa ở mức độ trung cấp để vận dụng trong giao tiếp chuyên ngành y khoa.
MT2 Kỹ năng	Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp trong các tình huống giao tiếp về chuyên ngành y khoa; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; khả năng tư duy phản biện; kỹ năng thuyết trình, tổ chức làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.
MT3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm	Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1		√	
MT2		√	
MT3		√	

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng được từ vựng tiếng Anh chuyên ngành y khoa theo các chủ điểm: Chẩn đoán bệnh, khai thác bệnh sử, giải thích các xét nghiệm và quy trình y tế cho bệnh nhân, điều trị cho bệnh nhân, đưa ra lời khuyên, giải thích trường hợp bệnh cho người thân, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, hướng dẫn xuất viện và trấn an người bệnh & người nhà bệnh nhân, xử lý bệnh nhân nguy kịch, mô tả và xác định nguyên nhân gây đau, thông báo tin xấu, hỗ trợ phục hồi và chăm sóc dài hạn, giao tiếp với người nhà bệnh nhân, giải thích kết quả xét nghiệm cho bệnh nhân và thân nhân, giải thích các điều kiện chăm sóc dài hạn và đưa ra hướng dẫn về vật lý trị liệu, giới thiệu bệnh nhân chuyển viện, đưa ra lời khuyên sau phẫu thuật, v.v. vào học tập, tìm hiểu, trao đổi và nghiên cứu chuyên môn.
CLO2	Vận dụng được các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp, kiến thức và từ vựng ở các chủ điểm: Chẩn đoán bệnh, khai thác bệnh sử, giải thích các xét nghiệm và quy trình y tế cho bệnh nhân, điều trị cho bệnh nhân, đưa ra lời khuyên, giải thích trường hợp bệnh cho người thân, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, hướng dẫn xuất viện và trấn an người bệnh & người nhà bệnh nhân, xử lý bệnh nhân nguy kịch, mô tả và xác định nguyên nhân gây đau, thông báo tin xấu, hỗ trợ phục hồi và chăm sóc dài hạn, giao tiếp với người nhà bệnh nhân, giải thích kết quả xét nghiệm cho bệnh nhân và thân nhân, giải thích các điều kiện chăm sóc dài hạn và đưa ra hướng dẫn về vật lý trị liệu, giới thiệu

	bệnh nhân chuyển viện, đưa ra lời khuyên sau phẫu thuật, v.v. vào các hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh.
CLO3	Vận dụng các kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc theo cặp và nhóm vào thảo luận và trình bày các vấn đề liên quan đến bài học một cách hiệu quả bằng tiếng Anh.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
CLO1		2											
CLO2		2											
CLO3		2										1	1

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

- Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2
- Máy chiếu, máy tính, loa, đài, mic, phấn, bảng ...

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành:

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10) để đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Bài tập/ thực hành/ thảo luận: Thực hiện đầy đủ bài thảo luận được giao.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại mục 8, tự học phần tự đọc được giao, thời gian ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành bài kiểm tra thường xuyên.

7. Mô tả chung học phần

Học phần **Tiếng Anh chuyên ngành** gồm 05 nội dung lớn, với tổng số 30 bài học. Mỗi nội dung bài học bao gồm các phần ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm và thực hành Nghe, Nói, Đọc, Viết về lĩnh vực y khoa.

Mục đích của học phần TACN là trang bị cho học viên ngôn ngữ và kỹ năng sống mà họ cần để thực hiện mục tiêu nghề nghiệp của họ, đồng thời cung cấp nhiều cơ hội cho học viên xây dựng nhận thức và thực hành ngôn ngữ trong các tình huống thực tế. Phương pháp tiếp cận kỹ năng tích hợp của học phần TACN này giúp phát triển sự tự tin của học viên để tồn tại và thành công trong các cuộc gặp gỡ chuyên nghiệp và xã hội trong một cộng đồng toàn cầu nói tiếng Anh. Học phần TACN cung cấp các cơ hội cho học viên chuẩn bị cho sự nghiệp tương lai của họ bằng cách thực hành các kỹ năng tiếng Anh trong các tình huống liên quan đến công việc mà họ đang và sẽ thực hiện. Các kỹ năng và ngôn ngữ sử dụng trong các tình huống cụ thể bao gồm: Chẩn đoán bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho bệnh nhân khi khai thác bệnh sử, viết tiền sử bệnh cách đặt câu hỏi mở, cách trình bày trường hợp, giải thích các xét nghiệm và quy trình y tế cho bệnh nhân, điều trị cho bệnh nhân, đưa ra lời khuyên, giải thích trường hợp bệnh cho người thân, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, hướng dẫn xuất viện và trấn an người bệnh & người nhà bệnh nhân, xử lý bệnh nhân nguy kịch, mô tả và xác định nguyên nhân gây đau, nhận biết và áp dụng ngữ điệu hỗ trợ, thông báo tin xấu, hỗ trợ phục hồi và chăm sóc dài hạn, giao tiếp với người nhà bệnh nhân, giải thích kết quả xét nghiệm cho bệnh nhân và thân nhân, giải thích các điều kiện chăm sóc dài hạn và đưa ra hướng dẫn về vật lý trị liệu, giới thiệu bệnh nhân chuyển viện, đưa ra lời khuyên sau phẫu thuật...

Thông qua hoạt động học tập, học viên còn được rèn luyện và phát triển các phẩm chất cần thiết như khả năng tự học, tự tìm hiểu kiến thức, biết chia sẻ thông tin với người khác.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi	Các nội dung cơ bản của bài học	Số tiết (LT/KT /TH)	CĐR của bài học	Lquan đến CĐR nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV (*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<p>Nội dung 1: Making a diagnosis Lesson 1: So, what can I do for you Lesson 2: When did the problem begin Lesson 3: I'd like to examine you Lesson 4: What's the diagnosis Lesson 5: Let me explain your diet Lesson 6: To put it more simple Team Project 1</p>	9/0/18	Vận dụng các kỹ năng, cấu trúc ngôn ngữ và từ vựng, thuật ngữ tiếng Anh để phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong việc chẩn đoán, tương tác với bệnh nhân và truyền đạt thông tin một cách hiệu quả trong lĩnh vực y học và chăm sóc sức khỏe.	CLO1 CLO2 CLO3	1. Thuyết trình, hướng dẫn, làm mẫu 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên. 2. Nghe (băng, ghi chép, đặt câu hỏi 3. suy nghĩ - trả lời 4. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
	<p>Nội dung 2: Working under pressure Lesson 1: If you are not sure, ask Lesson 2: He'll be fine, Mr Slenkovich</p>	9/0/18	Vận dụng các kỹ năng, cấu trúc ngôn ngữ, từ vựng, thuật ngữ trong diễn đạt tiếng Anh để phát	CLO1 CLO2 CLO3	1. Thuyết trình, hướng dẫn, làm mẫu	1. Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn	

	<p>Lesson 3: Has he ever fainted before</p> <p>Lesson 4: I'd like to ask you a few questions</p> <p>Lesson 5: We need to take a sample</p> <p>Lesson 6: Can I explain the procedure</p> <p>Team Project 2</p>		<p>triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả và làm việc dưới áp lực, bảo đảm an toàn và hiệu quả trong tình huống khẩn cấp trong ngữ cảnh y tế.</p>		<p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>của giảng viên.</p> <p>2. Nghe (băng, giảng), ghi chép, đặt câu hỏi</p> <p>3. suy nghĩ - trả lời</p> <p>4. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
	<p>Nội dung 3: Breaking bad news</p> <p>Lesson 1: Can you describe the pain</p> <p>Lesson 2: It's how you say it</p> <p>Lesson 3: It's getting you down, isn't it</p> <p>Lesson 4: We need a psychiatric evaluation</p> <p>Lesson 5: It might be multiple sclerosis</p> <p>Lesson 6: I'm afraid to say that...</p> <p>Team Project 3</p>	<p>9/0/18</p>	<p>Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống nhạy cảm khi truyền đạt tin tức xấu trong lĩnh vực y học hoặc chăm sóc sức khỏe.</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3</p>	<p>1. Thuyết trình, hướng dẫn, làm mẫu</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>2. Nghe (băng, giảng), ghi chép, đặt câu hỏi</p> <p>3. suy nghĩ - trả lời</p> <p>4. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
	<p>Nội dung 4: Calling in the Stroke Team</p> <p>Lesson 1: She can hardly speak</p> <p>Lesson 2: How many fingers can</p>	<p>9/0/18</p>	<p>Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành bằng</p>				

	<p>you see Lesson 3: We need to run a few more tests Lesson 4: What medication would you prescribe Lesson 5: Let's decide your rehabilitation plan Lesson 6: I'm going to teach you some exercises Team Project 4</p>	<p>tiếng Anh để phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong việc nhận biết, chẩn đoán và chăm sóc bệnh nhân sau đột quỵ trong lĩnh vực y học hoặc chăm sóc sức khỏe.</p>			
<p>Nội dung 5: Referring a patient Lesson 1: I can't put up with the pain Lesson 2: Thank you for referring the patient Lesson 3: Let's examine your mouth Lesson 4: Follow the postoperative advice Lesson 5: Your test results are back Lesson 6: You are very lucky Team Project 5</p>	<p>9/0/18</p>	<p>Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ, từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh để phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong quá trình giới thiệu bệnh nhân đến các chuyên gia hoặc chuyên khoa khác nhau trong hệ thống chăm sóc sức khỏe.</p>			
<p>Thi kết thúc học phần</p>	<p>2 tiết (90 phút)</p>				<p>Gồm 80 câu trắc nghiệm và 01 câu tự luận, nội dung bao quát toàn bộ chương trình.</p>

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi kết thúc học phần	100%	Bài thi cuối kỳ: Thi trắc nghiệm và tự luận trên giấy	01 Bài thi kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Học viện

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ) theo bảng 9.3.1.

Công thức điểm học phần:

Điểm đạt khi: Điểm thi kết thúc học phần từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Giáo trình học tập:

1. Martin Milner (2006). *English for Health Sciences: Professional English*. Thomson Press

10.2. Tài liệu tham khảo:

1. Eric H. Glendinning, Ron Howard (2009). *Professional English in use – Medicine*. NXB Đồng Nai.

2. Sam McCarter. *Medicine 1 (Student's Book) - Essential skills for doctor-patient communication*. Oxford University

3. Steve Hart (2015). *Writing in English for the Medical Sciences: A Practical Guide*. CRC Press.

4. Phạm Ngọc Trí (2008). *Từ Điển Y Học Anh Việt*. NXB Y Học.

5. Vương Thị Thu Minh (2012). *Tiếng Anh chuyên ngành*. NXB Giáo dục Việt Nam.

Và các websites chuyên ngành.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓ Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

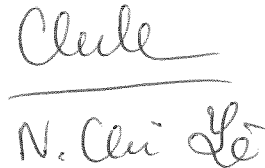
12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)



Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN NGOẠI NGỮ
(Ký, ghi rõ họ tên)



N. Chi Lê

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1:	Người cập nhật Doãn Thị Lan Anh
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG TRUNG CHUYÊN NGÀNH

Trình độ đào tạo: Chuyên khoa I, Ngành: Dược liệu - Dược học cổ truyền

Mã số đào tạo: CKI 9720206

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: **Tiếng Trung chuyên ngành**

* Tiếng Việt: Tiếng Trung chuyên ngành

* Tiếng Anh: **Chinesse for Pharmaceutical Purposes**

- Mã học phần: C-2

- Số tín chỉ: **02 LT/ 01 TH**

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: **75 tiết**

+ Lý thuyết: **30 tiết**

+ Thực hành: **25 tiết**

+ Bài tập, thảo luận, hoạt động nhóm: **20 tiết**

+ Thời gian tự học: **90 tiết**

- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ Nhất

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Thi tuyển sinh đầu vào tương đương trình độ B1 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Chi Lê	0936719966	chile982002@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Thanh An	0768288858	nguyenthanhan78@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Phương Dung	0986056598	phuongdungbmnn@gmail.com
4	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	honghanh.bmnn@gmail.com
5	Ths. Phạm Thu Hằng	0904772323	phamhangvutm@gmail.com
6	Ths. Phạm Thị Hoa	0395556928	phamhoa0778@gmail.com
7	Ths. Trần Thị Ngọc Liên	00979639199	tranngoclien08121984@gmail.com
8	TS. Đàm Tú Quỳnh	0905131520	tuquynh19762015@gmail.com
9	Ths. Nguyễn Thị Thừa	0977166638	minhthua78@gmail.com
10	Ths. Lê Thu Trang	0936719696	thutrang293@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Học viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	<ul style="list-style-type: none">- Hiểu và ứng dụng từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Trung trong đọc hiểu các tài liệu chuyên môn về ngành nghề dược y học cổ truyền, bài thuốc, công dụng và cách sử dụng một số vị thuốc...- Phân tích và vận dụng những chủ điểm ngữ pháp được trình bày ngắn gọn và lồng ghép vào bài học, bài tập.- Nắm được những kiến thức về y học ở mức tổng quan, những kiến thức về Dược y học cổ truyền ở mức độ chuyên môn

MT2	<p>Kỹ năng Nói, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp và trên trung cấp thông qua việc tiếp cận kiến thức nền và các tình huống xác thực trong môi trường chuyên ngành dược.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng phân tích đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành dược y học cổ truyền bằng tiếng Trung và kỹ năng làm bài tập chuyên ngành về từ vựng, ngữ pháp và đọc hiểu. - Kỹ năng ứng dụng các công cụ công nghệ hỗ trợ dịch thuật và phân tích tiếng Trung chuyên ngành nhanh và hiệu quả.
MT3	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng làm việc độc lập, hỗ trợ nhau trong quá trình làm việc nhóm học tiếng Trung và có thái độ hợp tác trong ứng xử, giao tiếp với mọi người và có khả năng sáng tạo trong học tập. - Nhận thức tầm quan trọng việc học và ứng dụng tiếng Trung trong chuyên ngành dược y học cổ truyền để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Trung.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1		√	
MT2		√	
MT3		√	

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
Kiến thức	
CLO1	<p>Từ vựng: Nhận biết các thuật ngữ về dược học cổ truyền bằng tiếng Trung, liệt kê các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến các chủ đề bài học.</p> <p>Vận dụng được các thuật ngữ về dược y học cổ truyền tiếng Trung và các cấu trúc ngữ pháp liên quan trong nhiều tình huống khác nhau trong môi trường y khoa thông qua hoạt động thảo luận cặp, nhóm, phát biểu ý kiến trước lớp, thuyết trình một bài nói có chuẩn bị trước hoặc một bài viết về một lĩnh vực liên quan đến nội dung bài học.</p>
CLO2	Phát âm: Diễn đạt được các hình thức phát âm đối với các câu hỏi, câu hỏi ngắn, trọng âm, ngữ điệu lên/xuống trong câu, và nhấn âm từ và câu.
CLO3	Ngữ pháp: Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành và các bài đọc hiểu chuyên ngành.
CLO4	<p>Kiến thức nền và kỹ năng nghề nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện các kiến thức nền, kỹ năng nghề nghiệp trong thực hành

	<p>được y học cổ truyền, các giá trị văn hóa trong giao tiếp của môi trường chuyên ngành dược.</p> <p>- Nhận diện được những kiến thức về văn hóa, lịch sử về Trung dược và những tài liệu chuyên môn gắn liên quan đến Y học cổ truyền.</p>
Kỹ năng	
CLO5	Kỹ năng Nói: Sử dụng chính xác các thuật ngữ chuyên ngành trong các hoạt động trao đổi chuyên môn, tìm kiếm tài liệu tham khảo phục vụ học tập và nghiên cứu; có khả năng thuyết trình độc lập hoặc thảo luận theo nhóm về các chủ đề cụ thể của từng bài học.
CLO6	Kỹ năng Đọc: Vận dụng đúng kỹ năng đọc lướt, đọc kỹ, đọc tốc độ nhanh, hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp có khối lượng từ vựng phong phú về lĩnh vực chuyên ngành dược y học cổ truyền.
CLO7	Kỹ năng Viết: Vận dụng đúng các phong cách ngôn ngữ viết khác nhau đối với các loại hình văn bản khác nhau như viết tóm tắt thông tin, viết tóm tắt một bài báo, viết email, viết miêu tả quy trình, đơn xin tham dự khóa đào tạo... để tạo ra các bài viết chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ làm nổi bật được những ý quan trọng, hỗ trợ các lập luận bằng các bằng chứng, ví dụ cụ thể, dẫn đến kết luận phù hợp.
CLO8	Kỹ năng dịch: Ứng dụng các công cụ công nghệ hỗ trợ dịch thuật và phân tích tiếng Trung chuyên ngành dược liệu và dược y học cổ truyền nhanh và hiệu quả.
Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
CLO9	Có khả năng làm việc độc lập, hỗ trợ nhau trong quá trình làm việc nhóm có thái độ hợp tác trong ứng xử, giao tiếp với mọi người. Có khả năng sáng tạo trong học tập và nghiên cứu. Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu các nội dung, chủ đề liên quan đến chuyên ngành dược liệu và dược y học cổ truyền.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1		2												
CLO 2		2												
CLO 3		2												
CLO 4		2												

CLO 5								2						
CLO 6								2						
CLO7								2						
CLO8								2						
CLO9													2	2

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần

Yêu cầu chung

- Giảng viên lên lớp đúng giờ theo quy định về giờ giảng của Học viện.
- Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung trong Kế hoạch giảng dạy đã được Bộ môn phê duyệt.
- Giảng viên có trách nhiệm cung cấp giáo trình, tài liệu giảng dạy...theo nội dung bài giảng trong Kế hoạch giảng dạy cho sinh viên trước khi lên lớp 1 ngày.
- Giảng viên lên lớp buổi đầu tiên có trách nhiệm:
 - + Gửi cho lớp trưởng/đại diện lớp hai văn bản: (1) Kế hoạch giảng dạy của học phần môn học; (2) Quy định về quản lý lớp học đối với sinh viên.
 - + Đảm bảo sinh viên được nhận đủ các thông tin và quy định về môn học.
 - Về việc điểm danh sinh viên:
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thực hiện điểm danh sinh viên trong mỗi buổi học theo Thời khóa biểu, triển khai và quản lý lớp học theo đúng nội dung trong hai văn bản nói trên;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm tổng hợp số buổi nghỉ của sinh viên (có phép/không phép) và nộp lại danh sách điểm danh cho giáo vụ/giảng viên phụ trách điểm khối đó sau khi kết thúc buổi giảng cuối cùng theo Lịch trình/Kế hoạch giảng dạy để làm cơ sở xét điều kiện dự thi kết thúc học phần;
- ✓ Giảng viên có trách nhiệm thông báo trước lớp những sinh viên đủ/không đủ điều kiện dự thi trong buổi học cuối cùng của học phần môn học;
- ✓ Các giảng viên tham gia giảng dạy cùng một lớp cần phối hợp với nhau trong việc điểm danh sinh viên (thời gian, số lần điểm danh trong một buổi học...), đảm bảo sự nhất quán trong cách thực hiện.

Yêu cầu đối với hình thức học trực tuyến

- Giảng viên có trách nhiệm thông báo cho lớp trưởng/đại diện lớp những thông tin cần thiết khi tham gia lớp học trực tuyến như: tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thời gian đăng nhập...trước buổi học ít nhất 30 phút.

- Các giảng viên tham gia dạy cùng một lớp thống nhất với nhau về việc thông báo cho sinh viên thời gian bắt đầu mở phòng học, đảm bảo giờ học bắt đầu đúng quy định.

- Giảng viên đề nghị lớp trưởng/đại diện lớp cùng phối hợp trong việc điểm danh sinh viên bằng hình thức chụp màn hình và gửi lại cho giảng viên trước khi kết thúc buổi học 15 phút.

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập. Trong trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ minh chứng đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định Sinh viên đi muộn 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại (đối với giờ học trực tiếp), máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên, tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

- Trong quá trình học, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả chung học phần

Học phần gồm 07 bài, là những bài thuốc tiêu biểu, gồm 5 phần: (1) Bài khóa là bài thuốc tiêu biểu, gồm các mục: cấu tạo bài thuốc, cách sử dụng, công dụng, chủ trị, giải thích bài thuốc, vận dụng bài thuốc, 5 câu hỏi về nội dung bài khóa; (2) Từ mới gồm hai mục: từ mới thông thường (15-20 từ) và thuật ngữ chuyên ngành (10-15 từ); (3) Giải thích từ ngữ thông thường (3-5 từ); (4) Giải thích thuật ngữ chuyên ngành (3-5 từ/ cụm từ); (5) Bài tập gồm các bài như: Dựa vào phiên âm để viết chữ Hán (10 từ), Dựa vào chữ Hán để viết phiên âm (10 từ), Chọn từ thích hợp điền vào ô trống (10 câu – 10 từ), Sắp xếp các từ/cụm từ

thành câu có nghĩa (5 câu), Dịch các cụm từ/ câu/ đoạn văn ngắn chuyên ngành sang tiếng Việt (5-10 câu).

Thông qua các bài khóa là các bài thuốc gồm các phần: cấu tạo bài thuốc, cách sử dụng, công dụng, chủ trị, giải thích bài thuốc, vận dụng bài thuốc, học viên hiểu được các thuật ngữ dược liệu, dược y học cổ truyền và phương tế trong tiếng Trung, hiểu được các nội dung chính của bài thuốc, xử lý và tự đọc được các bản hướng dẫn sử dụng thuốc.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi	Các nội dung cơ bản của bài học	Số tiết (LT/TH/ TL)	CDR của bài học	Lquan đến CDR nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV (*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	第一课：麻黄汤 Ma hoàng thang Từ mới + Bài khóa + Giải thích thuật ngữ y dược học cổ truyền + Bài tập	8	- Phân tích nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành. - Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thảo luận nhóm theo chủ đề của bài học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8 CLO9	- GV sử dụng tài liệu [1] và projector để hướng dẫn	- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên. - Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.	
2	第二课：败毒散 Bại độc tán	8	- Phân tích nội dung và tìm ra	CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài	- Đọc giáo trình, đọc	

	Từ mới + Bài khóa + Giải thích thuật ngữ y dược học cổ truyền + Bài tập		<p>được các ý chính của bài đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành. - Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thảo luận nhóm chủ đề của bài học. 	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8 CLO9	liệu [1] và projector để hướng dẫn	<p>tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.
3	第三课: 大黄牡丹汤 Đại hoàng mẫu đơn thang Từ mới + Bài khóa + Giải thích thuật ngữ y dược học cổ truyền + Bài tập	8	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành. - Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thảo luận nhóm chủ đề của bài học. 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8 CLO9	- GV sử dụng tài liệu [1] và projector để hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên. - Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.
4	第四课: 大黄附子汤 Đại hoàng phụ tử thang	8	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích nội dung và tìm ra các ý chính của bài đọc. 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1] và	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo

	Từ mới + Bài khóa + Giải thích thuật ngữ y dược học cổ truyền + Bài tập		<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành. - Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thảo luận nhóm chủ đề của bài học. 	CLO5 CLO6 CLO8 CLO9	projector để hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên. - Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.
5	第五课: 大柴胡汤 Đại sài hồ thang Từ mới + Bài khóa + Giải thích thuật ngữ y dược học cổ truyền + Bài tập	8	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành. Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thảo luận nhóm chủ đề của bài học. 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8 CLO9	- GV sử dụng tài liệu [1] và projector để hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên. - Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.
6	第六课: 逍遥散 Tiêu dao tán Từ mới + Bài khóa + Giải thích thuật ngữ y dược học cổ truyền + Bài tập	8	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vựng 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8	- GV sử dụng tài liệu [1] và projector để hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn

			<p>để đọc hiểu được các chủ đề liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành. <p>Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thảo luận nhóm chủ đề của bài học.</p>	CLO9		<p>của giảng viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. 	
7	<p>第七课：四物汤 Tứ vật thang Từ mới + Bài khóa + Giải thích thuật ngữ y dược học cổ truyền + Bài tập</p>	8	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích nội dung và tìm ra được các ý chính của bài đọc. - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu được các chủ đề liên quan - Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành. - Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng chuyên ngành để thảo luận nhóm chủ đề của bài học. 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO8 CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - GV sử dụng tài liệu [1] và projector để hướng dẫn 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên. - Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. 	
8	<p>第八课：复习 Ôn tập</p>	9	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được từ vựng để đọc hiểu. - Vận dụng các từ vựng, để viết các biểu mẫu, văn bản chuyên môn. 	CLO1 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - GV sử dụng tài liệu [1] và projector để hướng dẫn 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình, đọc tài liệu để chuẩn bị bài. - Nghe giảng, thảo luận 	

Theo lịch thi của phòng Đào tạo SDH			<ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học. - Phân biệt từ loại và các cấu trúc ngữ pháp đã học. - Áp dụng các kiến thức đã học để hoàn thành bài thi. 	CLO1 → CLO9			
-------------------------------------	--	--	--	-------------------	--	--	--

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết		Điểm chuyên cần	Dự lớp tối thiểu 80% tổng số thời lượng của học phần.	0%			Giảng viên thực hiện việc điểm danh học viên mỗi buổi lên lớp theo quy định.

100%	Điểm thuyết trình nhóm	Học viên làm việc theo nhóm, chọn đọc tài liệu đọc hiểu mở rộng, viết báo cáo về quá trình đọc hiểu mở rộng của mình theo chủ đề lựa chọn.	20%	CLO1 CLO2 CLO5 CLO9	- Giảng viên giao chủ đề cho từng nhóm ngay từ đầu học phần. Việc đánh giá Bài thuyết trình nhóm có thể thực hiện ở gần cuối học phần.
	Điểm bài thi kết thúc học phần (trắc nghiệm trên giấy)		80%	CLO1 CLO3 CLO6 CLO7 CLO8	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm thuyết trình nhóm* và *Điểm bài thi kết thúc học phần* theo bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Ngoại ngữ biên soạn, *Hán ngữ phương tế*, lưu hành nội bộ, 2020.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. 罗根海、薄彤主编, 《实用中医汉语》, 外语教学与研究出版社, 2010年。

[2]. 高学敏主编, 《中药学》(新世纪全国高等中医药院校规划教材), 中国中医药出版社, 2007年。

[3]. 高学敏主编, 《方剂学》(新世纪全国高等中医药院校规划教材), 中国中医药出版社, 2007年。

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2022

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)



PGS.TS Đoàn Quang Huy

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Chi Lê

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: 21/9/2022	Người cập nhật TS. Nguyễn Chi Lê
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: Ngày/tháng/năm.	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:
TIN HỌC ỨNG DỤNG**

3

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:

*Tiếng Việt: Tin học ứng dụng

* Tiếng Anh: Applied Informatics

- Mã Học phần/ Môn học: 313103

- Số tin chi: 2TC(0,5LT/1,5TH)

+ Lý thuyết: 08 tiết

+ Thực hành: 45 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: tiết

+ Thời gian tự học: tiết

- Đối tượng học: Chuyên Khoa I ngành Dược liệu – Dược cổ truyền

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và luận văn
Bắt buộc	<input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn	<input type="checkbox"/>	
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Tin học đại cương và ứng dụng

+ Học phần học trước: Tin học đại cương và ứng dụng

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Toán – Tin học

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS.Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	nguyenvantuyetdt@gmail.com
2	ThS.Bùi Thị Lan Anh	0986560899	lanem79vatm@gmail.com

3	ThS.Hoàng Thị Thu Hằng	0966346054	hoangthuhang2183@yahoo.com
4	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	nguyentukhaothi@gmail.com
5	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	Trinhnt83@gmail.com
6	ThS.Nguyễn Minh Hiền	0918356602	hienloveu2101@gmail.com
7	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	nguyenducvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Tìm hiểu hệ thống mạng LAN và Internet(Nâng cao).
MT HP2	Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, Opacs, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google (Google drive, google translate,...), đặc biệt trong đó có Google form để tạo ra bảng hỏi sử dụng rất hữu dụng cho các công việc phục vụ nghiên cứu khoa học và phần mềm thống kê. Sử dụng chương trình Power Point nâng cao để tạo slide, chèn (hình ảnh, video, biểu đồ, sơ đồ...), tạo hiệu ứng, trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận văn.
MT HP3	Vận dụng được công nghệ thông tin vào quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học cuộc sống.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)
MT HP1				
MT HP2				
MT HP3				2

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
-------------	-----------------------

CLO1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức nâng cao về mạng LAN, tìm kiếm tài liệu tham khảo trên Google nâng cao, các trang web chuyên dụng trong và ngoài nước, chương trình trình chiếu Power Point.
CLO2	Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nâng cao về tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên Google, Opacs, các Website uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google(Google drive, Google translate,...), đặc biệt trong đó có Google form để tạo ra bảng hỏi sử dụng rất hữu dụng cho các công việc phục vụ nghiên cứu khoa học và phần mềm thống kê.
CLO3	Sử dụng chương trình Power Point nâng cao để tạo slide, chèn (hình ảnh, video, biểu đồ, sơ đồ...), tạo hiệu ứng, trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận văn.
CLO4	Có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin từ đó có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào thực hành nghề nghiệp

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CLO 1		2											
CLO 2		3											
CLO 3		3											
CLO 4												2	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Phòng giảng dạy lý thuyết có đầy đủ các thiết bị như: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy tính, máy chiếu, loa, mic, kết nối Internet.

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1.	Phòng thực hành Tin học 405
2.	Máy vi tính: 61 MT China Core I3 CMS, màn hình CMS 22

	I. Hệ thống mạng LAN & Internet	1.5/0/3		CLO1			
Buổi 1 (1.5tiết)	1. Hệ thống mạng LAN	0.5	- Học viên vận dụng kiến thức nâng cao để chia sẻ và sử dụng tài nguyên trên hệ thống mạng LAN và Internet		1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Đọc quyền giáo trình Tin học ứng dụng, cho học viên CK1 trang3-29. 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. suy nghĩ - trả lời, lắng nghe ghi chép	Không
	2. Hệ thống mạng Internet	1					
	II. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	2/0/4		CLO1			
Buổi 1 (2tiết)	1. Các loại OPACs.	1	Học viên biết địa chỉ kho lưu trữ dữ liệu trực tuyến như sách, bài báo và tài liệu tham khảo khác chuyên ngành Y, dược		1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Đọc quyền giáo trình Tin học ứng dụng, cho học viên CK1: trang 31-40 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. suy nghĩ - trả lời, lắng nghe ghi chép	Không
	2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí						
	3. Thông tin y học trực tuyến	1					
	III. Chương trình microsoft powerpoint 2016	4/0/8		CLO1			
Buổi 1 (4 tiết)	1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản	1	Mô tả được các tính năng nâng cao của chương trình Power Point: thanh công		1. Thuyết trình 2. Động não	1. Đọc quyền giáo trình Tin học ứng dụng, cho học viên	Không
	2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio						

3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt	1	cụ, hộp Ribbon, Slide, chèn, hiệu ứng, hiệu ứng đặc biệt...	3. Giải quyết vấn đề	CK1: trang 41-61 2. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 3. suy nghĩ - trả lời, lắng nghe ghi chép
4. Hiệu ứng Slide	1			
5. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger	1			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	I. Hệ thống mạng LAN & Internet	10/0/10		CLO2				
Buổi 1 (4 tiết)	1. Hệ thống mạng Lan - Kiểm tra địa chỉ Ip và tên máy - Chia sẻ thư mục - Chia sẻ máy in trên mạng Lan - Ngắt chia sẻ thư mục và máy in	5	Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nâng cao về mạng LAN, tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến trên		- Máy tính: + 61 MT China Core I3 CMS, màn hình 22, - Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China - Hệ thống tủ mạng: 01 tủ	1. Thuyết trình 2. Làm mẫu 3. Giải quyết vấn đề 4. Vấn đáp	1. Đọc giáo trình Tin học UD, trang 3-29. 2. Chuẩn bị các bài tập TH theo yêu cầu trong sách Bài tập tự lượng giá: bài tập 1,2 3. Nghe, trả lời	Không
Buổi 2 (2 tiết)	2. Hệ thống mạng Internet - Thư điện tử - Tìm kiếm thông tin trên google	5	Google, các Wedside uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính					
Buổi 3 (2 tiết)	3. Tìm kiếm trên Google: Book, Scholar, Pubmed,...							

	- Một số ứng dụng văn phòng trên Google (Google drive, google translate, google form.....)		năng chuyên sâu của Google .		mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ổn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KVA		4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả.	
	II. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	12/0/12		CLO2				
Buổi (2 tiết)	31. Các loại OPACs.	2	Học viên tìm kiếm dowload		Máy tính: + 61 MT	1. Thuyết trình	1. Đọc giáo trình Tin học	Không
Buổi (4 tiết)	42. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí	4	được các tài liệu theo yêu cầu trên các kho dữ liệu trực tuyến chuyên ngành y, dược		China Core I3 CMS, màn hình 22, - Bảng trưng tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China	2. Làm mẫu 3. Giải quyết vấn đề 4. Vấn đáp	2. Chuẩn bị các bài tập TH theo yêu cầu trong sách Bài tập tự luận giá: trang 40.	
Buổi (4 tiết)	53. Thông tin y học trực tuyến - Tìm kiếm các bài báo y dược học toàn văn miễn phí qua HINARI - Y học dựa trên bằng chứng (Evidence-base Medicine - EBM) - Thông tin về bệnh tật - Giới thiệu một số website về sinh sản, SKBMTE, dinh dưỡng	4			- Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ổn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KV		3. Nghe, trả lời 4. Tiến hành thực hành	
Buổi (2 tiết)	6 Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia	2					5. Báo cáo kết quả.	
	III. Chương trình microsoft powerpoint 2016	23/0/23		CLO3				
Buổi (4 tiết)	7 Giới thiệu và những thiết lập nâng cao - Màn hình khởi động	4	- Sử dụng các thao tác nâng		Máy tính: + 61 MT China Core	1. Thuyết trình	1. Đọc giáo trình Tin học	Không

	- Lựa chọn Slide Size cho Presentation - Sử dụng thanh công cụ truy cập nhanh - Sử dụng hiển thị tùy chọn Ribbon		cao của Power Point. - Biết các tính năng tạo hiệu ứng nâng cao bài thuyết trình theo các mẫu được định dạng sẵn		13 CMS, màn hình 22, - Bảng tương tác thông minh: 01 bảng FX-79E1 HITACHI China - Hệ thống tủ mạng: 01 tủ mạng, 02 switch, 02 cáp AMP, 01 hộp mạng. - Ôn áp Lioa: 01 cái SH-15000 15KV	2. Làm mẫu 3. Giải quyết vấn đề 4. Vấn đáp	UD, trang 41-61 2. Chuẩn bị các bài tập TH theo yêu cầu trong sách Bài tập tự lượng giá: trang 61 3. Nghe, trả lời 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả.
Buổi 8 (4 tiết)	Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio - Thêm hoặc xóa Slide trong Presentation - Chèn và chỉnh sửa hình ảnh - Chèn Video, audio	4	- Hiệu trình được bài thuyết trình, tạo các hiệu ứng văn bản				
Buổi 9 (4 tiết)	Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt Sử dụng hình vẽ	2 2	- Biết cách chuẩn bị bài thuyết trình theo đúng các thao				
Buổi 10 (4 tiết)	Sử dụng Slide Master	2	thao				
Buổi 11 (4 tiết)	Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide	6	- Thao tác được các cách trình chiếu bài thuyết trình				
Buổi 12 (2 tiết)	Hiệu ứng chuyển Slide Hiệu ứng cho các đối tượng trong Slide		- Thực hiện các hiệu chỉnh văn bản, kiểm tra văn bản trước khi in.				
Buổi 13 (3 tiết)	Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger	3					

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	30%	Báo cáo tiểu luận	Báo cáo qua PowerPoint			CLO1,2,3,4	Đưa ra các chủ đề khác nhau, chia nhóm, bốc thăm theo chủ đề, phân công thành viên trong nhóm, báo cáo trực tiếp tại phòng thực tập Tin học.
Thực hành	70%	Điểm thi thực hành	Thi trực tiếp trên máy tính			CLO1,2,3,4	Thi thực hành trực tiếp trên máy tính tại phòng thực tập Tin học. Mỗi học viên một đề khác nhau. Bộ môn sẽ phân công 02 cán bộ trông thi, các giảng viên chấm bài thi trực tiếp. Kết quả thi sẽ được công khai luôn ngay sau mỗi buổi thi.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

$$\text{Điểm học phần} = \text{điểm lý thuyết} * 30\% + \text{điểm thực hành} * 70\%$$

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Tin học (2019). *Giáo trình Tin học cho học viên CK1*. Học viện Y – dược học cổ truyền VN

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. *Giáo trình IC3 GS4 CCI Learning*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Joan Lambert(2016), *Microsoft PowerPoint 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[3]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Cuộc sống Trực tuyến*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).

[4]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Các ứng dụng chủ chốt*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)


TM BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Tuyết

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: Ngày/tháng/năm.	Người cập nhật  Bùi Thị Lan Anh
--	--

Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
--	-----------------------

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN THUỐC TỪ DƯỢC LIỆU**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN THUỐC TỪ DƯỢC LIỆU

* Tiếng Anh: Herbal medicines discovery and development

- Mã học phần/ mô đun: 213204

- Số tín chỉ: 02 LT/ 0TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 0 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 70 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Dược sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Nguyễn Duy Thuần	0913328031	thuanhvdyd@gmail.com
2	PGS. TS. Phương Thiện Thương	0972872418	phuongthienthuong@yahoo.com

3	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy	0984398989	huyhup2010@gmail.com
4	TS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
5	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	ducloi82@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0965765929	hiennguyen.duochn@gmail.com
7	ThS. Nguyễn Phương Nhi	0986528142	nguyennhi212@gmail.com
8	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Nắm vững và hiểu được khái niệm về thuốc từ dược liệu; lịch sử phát triển thuốc dùng để phòng và điều trị bệnh; vai trò của dược liệu trong việc nghiên cứu tìm kiếm thuốc mới; nguồn gốc dược liệu để phát triển thuốc trên thế giới và ở Việt Nam
MT2	Phân tích được nguyên tắc tìm kiếm và phát triển thuốc từ dược liệu (phát triển thuốc mới từ thuốc đã biết và phát triển thuốc từ dược liệu mới); nội dung, các bước tiến hành trong việc nghiên cứu phát triển thuốc từ dược liệu
MT3	Phân tích được các quy định và quy trình nghiên cứu sản xuất, lưu thông phân phối thuốc từ dược liệu
MT4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)
MT HP1	2			
MT HP2	3	2		
MT HP3	2		1	
MT HP4				3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được khái niệm về thuốc từ dược liệu; lịch sử phát triển thuốc dùng để phòng và điều trị bệnh; vai trò của dược liệu trong việc nghiên cứu tìm kiếm thuốc mới; nguồn gốc dược liệu để phát triển thuốc trên thế giới và ở Việt Nam
CLO2	Phân tích được nguyên tắc tìm kiếm và phát triển thuốc từ dược liệu (phát triển thuốc mới từ thuốc đã biết và phát triển thuốc từ dược liệu mới); nội dung, các bước tiến hành trong việc nghiên cứu phát triển thuốc từ dược liệu
CLO3	Phân tích được các quy định và quy trình nghiên cứu sản xuất, lưu thông phân phối thuốc từ dược liệu
CLO4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
CLO 1			2										
CLO 2			2										
CLO 3			2										
CLO 4									2	2	2	2	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Nghiên cứu phát triển thuốc từ dược liệu dành cho đối tượng Dược sĩ Chuyên khoa I là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ Chuyên khoa I, giữ vai trò trong việc cung cấp cho người học khái niệm, lịch sử phát triển thuốc dùng để phòng và điều trị bệnh; vai trò của dược liệu trong việc nghiên cứu tìm kiếm thuốc mới; nguồn gốc dược liệu để phát triển thuốc trên thế giới và ở Việt Nam; nguyên tắc tìm kiếm và phát triển thuốc mới từ dược liệu (phát triển thuốc mới từ thuốc đã biết và phát triển thuốc từ dược liệu mới); nội dung, các bước tiến hành trong việc nghiên cứu phát triển một thuốc mới (Các bước tiến hành nghiên cứu và phát triển; Nghiên cứu thành phần hoá học và sàng lọc tác dụng dược lý, dược động học; nghiên cứu dạng bào chế; nghiên cứu tính an toàn và tác dụng của thuốc trên lâm sàng); quy trình nghiên cứu sản xuất, lưu thông phân phối thuốc.

Từ đó người học có thể nhận biết được tầm quan trọng của dược liệu và thuốc cổ truyền trong chăm sóc sức khoẻ, góp phần bảo tồn và phát triển dược liệu, thuốc cổ truyền.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khái niệm thuốc từ dược liệu; lịch sử, phát triển thuốc dùng để phòng và điều trị bệnh	2/0/2	Phân tích được khái niệm về thuốc từ dược liệu; lịch sử phát triển thuốc dùng để phòng và điều trị bệnh	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
	Vai trò của dược liệu trong việc nghiên cứu tìm kiếm thuốc mới; nguồn gốc dược liệu để phát triển thuốc trên thế giới và ở Việt Nam	2/0/4	Phân tích được vai trò của dược liệu trong việc nghiên cứu tìm kiếm thuốc mới; nguồn gốc dược liệu để phát triển thuốc trên thế giới và ở Việt Nam	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
2+3	Nguyên tắc tìm kiếm và phát triển thuốc mới từ dược liệu (phát triển thuốc mới từ thuốc đã biết và phát triển thuốc từ dược liệu mới)	8/0/8	Phân tích được các nguyên tắc tìm kiếm và phát triển thuốc mới từ dược liệu (phát triển thuốc mới từ thuốc đã biết và phát triển thuốc từ dược liệu mới)	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
4+5	Nội dung, các bước tiến hành trong việc nghiên cứu phát triển một thuốc mới (Các bước tiến hành nghiên cứu và phát triển; Nghiên cứu thành phần hoá học và sàng lọc tác dụng dược lý, được động học; nghiên cứu dạng bào chế; nghiên cứu tính an toàn và tác dụng của thuốc trên lâm sàng)	8/0/16	Phân tích được nội dung, các bước tiến hành trong việc nghiên cứu phát triển một thuốc mới	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
6+7	Các quy định và quy trình nghiên cứu sản xuất, lưu thông phân phối thuốc	6/0/6	Vận dụng được kiến thức đã học về quy trình nghiên cứu sản xuất, lưu thông phân phối thuốc.	CLO 3	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
8	Nghiên cứu phát triển thuốc được liệu, thuốc cổ truyền (bài tập thảo luận nhóm)	4/0/4	Vận dụng các kiến thức đã học để thiết kế một nghiên cứu phát triển thuốc mới từ dược liệu	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	Bài tập thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phân biện, nhận xét	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
9	Tiểu luận kết thúc học phần	0/0/28		CLO 1 CLO 2 CLO 3			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1. Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5-6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	- Nội dung môn chuyên đúng, theo đúng, theo đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung đúng hệ thống, logic	- Nội dung môn chuyên đúng, theo trích đẫn còn sai sót phù hợp	- Nội dung môn chuyên đúng, trích đẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống, logic	Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống, logic	

Mức độ								
STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
2	Hình thức các slides	10%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic - Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung không chính xác 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO 4	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	

Rubric 2. Đánh giá tiểu luận

Tiêu chí		Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng		
					8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm
Nội dung	Đặt vấn đề	<ul style="list-style-type: none"> - Ngắn gọn, rõ ràng - Phù hợp giữa mục tiêu và tên tiểu luận 	10%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	<p>Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiểu luận và dài không quá 1,5 trang.</p> <p>Đáp ứng yêu cầu đầy đủ cả 3 nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và nước ngoài</p>	<p>Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được mục tiêu phù hợp tên tiểu luận và dài không quá 2 trang.</p> <p>Trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu</p>	<p>Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiểu luận và dài quá 2 trang.</p> <p>- Thiếu hai nội dung hoặc</p> <p>- 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu</p>
	Tổng quan tài liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hóa được thông tin liên quan quan trọng: + Về cơ sở lý luận + Về thực tiễn trong nước + Về thực tiễn ngoài nước 	20%		<p>- Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác</p>	<p>Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu;</p> <p>hoặc</p> <p>- 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu</p>	<p>- Thiếu 1 nội dung</p> <p>hoặc</p> <p>- Cả hai nội dung không đáp ứng yêu cầu</p>
	Phương pháp, phương tiện tiên tiến hành và kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp và tiện nghiên cứu - Phù hợp với mục tiêu - Tương đối chính xác <p>Kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng được mục tiêu - Trung thực, đáng tin cậy - Minh chứng rõ ràng, chính xác 	20%		<p>Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác</p> <p>Đáp ứng cả 4 nội dung đầy đủ và chính xác</p>	<p>Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu</p>	<p>- Thiếu 1 nội dung hoặc</p> <p>- Cả hai nội dung không đáp ứng yêu cầu</p>

Tiêu chí		Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng		
					8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm
Kết luận và đề xuất	- Nhận xét, bản luận ngắn gọn, logic, xác đáng	- Thâu tóm được nội dung	10%	- Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70%	Cả 2 nội dung đáp ứng yêu cầu trên 50%	- Thiếu 1 nội dung Hoặc - Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu	
	- Đề xuất đúng vấn đề						
Tài liệu tham khảo	- Trích dẫn đủ, đúng quy định	- Viết tài liệu tham khảo đúng quy định	10%	Viết tài liệu tham khảo đúng quy định; Trích dẫn đủ số tài liệu > 20, trích dẫn đúng quy định về cách viết và vào phần nội dung tiêu chí, có cả tài liệu trong nước và nước ngoài	Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 5-9 hoặc chỉ có tài liệu trong nước hoặc nước ngoài	- Mắc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết tài liệu tham khảo sai quy định hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (<5)	
	- Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài						
Trình bày	- Format đúng quy định	- Bảng biểu rõ ràng, chính xác	10%	Đúng và chính xác cả 3 nội dung yêu cầu	Format đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10	- Format > 5 chỗ chưa đúng quy định, - Nhiều Bảng biểu rời rạc khó hiểu, - Lỗi chính tả 11-20	
	- Lỗi chính tả:					- Format > 5 chỗ chưa đúng quy định, - Nhiều Bảng biểu rời rạc khó hiểu hoặc vẽ sai - Lỗi chính tả > 20	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	30%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Theo KH của Bộ môn
Điểm kết thúc học phần	70%	Tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm tiểu luận kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết = điểm tiểu luận kết thúc học phần

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng = điểm báo cáo phần thực hành

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Thực vật - Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2023), *Nghiên cứu phát triển thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền*, Tài liệu lưu hành nội bộ

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ Y tế (2018), *Thông tư 21/2018/TT-BYT Quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu*

[2] Bộ Y tế (2021), *Thông tư 39/2021/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu*

11. Hướng dẫn thực hiện


- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Thu Hiền

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
MỘT SỐ MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ TÁC DỤNG DƯỢC LÝ CỦA DƯỢC LIỆU,
THUỐC CỔ TRUYỀN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HVYDHCTVN ngày tháng năm 2022
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sỹ chuyên khoa I Mã số đào tạo: CKI 9720206

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Một số mô hình đánh giá tác dụng dược lý của Dược liệu, thuốc cổ truyền

* Tiếng Anh: Some Pharmacological Methods for Evaluating Effectiveness and Toxicology of medicinal herbs and traditional drugs.

- Mã học phần/ mô đun: CS-6.

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Học viên chuyên khoa 1, ngành Dược.

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

+ Lý thuyết: 26,5 tiết

+ Bài tập: 1,25 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 1,75 tiết

+ Kiểm tra: 0,5 tiết

+ Thời gian tự học: 0

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Dược lý.

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức khối ngành		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu): Sinh lý, Sinh lý bệnh và miễn dịch, Bệnh học, Hóa sinh, Hóa dược, Vi sinh - Ký sinh trùng, Dược lý 1 và Dược lý 2.

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành: Giải phẫu.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Bộ môn	Email
1	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	0912750167	Dược lý	minhthunimpe@gmail.com
	<i>Các trợ giảng</i>			
1	ThS. Tô Lê Hồng	0904469316		tolehong512@gmail.com
2	ThS. Phạm Phương Liên	0904646695		phamphuonglien22339@gmail.com
3	Tổng Thị Mai Vân	0945248815		tongmaivan@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/mô đun

Ký hiệu Mục tiêu học phần/ mô đun	Nội dung của mục tiêu học phần/ mô đun
MT HP 1	Giải thích được các yếu tố có ảnh hưởng đến phương pháp nghiên cứu dược lý: đáp ứng của cơ thể động vật, thuốc dùng trong thử nghiệm, chăm sóc động vật,...
MT HP 2	Mô tả được phương pháp sàng lọc tác dụng dược lý của thuốc từ dược thảo và cách chuẩn bị mẫu cho nghiên cứu dược lý.
MT HP 3	Trình bày và giải thích được một số phương pháp thử nghiệm tác dụng dược lý theo nhóm thuốc.

MT HP 4	Áp dụng được phương pháp ngoại suy liều có hiệu quả tương đương giữa người và động vật thí nghiệm, cách tính liều an toàn & liều có hiệu quả của thuốc.
MT HP 5	Luôn có trách nhiệm và ý thức tự nghiên cứu và phối hợp với đồng nghiệp để nâng cao khả năng thực hiện các nghiên cứu thử nghiệm tác dụng dược lý trong thực hành nghề nghiệp.

Bảng 3.2. Mối liên hệ giữa mục tiêu của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (theo phân loại ở dưới)
Kiến thức			
MT1	Giải thích được các yếu tố có ảnh hưởng đến phương pháp nghiên cứu dược lý: đáp ứng của cơ thể động vật, thuốc dùng trong thử nghiệm, chăm sóc động vật,...	PLO2, PLO3	3
MT2	Mô tả được phương pháp sàng lọc tác dụng dược lý của thuốc từ dược thảo và cách chuẩn bị mẫu cho nghiên cứu dược lý.	PLO2, PLO3	2
MT3	Trình bày và giải thích được một số phương pháp thử nghiệm tác dụng dược lý theo nhóm thuốc.	PLO2, PLO3	2
Kỹ năng			
MT4	Áp dụng được phương pháp ngoại suy liều có hiệu quả tương đương giữa người và động vật thí nghiệm, cách tính liều an toàn & liều có hiệu quả của thuốc.	PLO8	3.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Luôn có trách nhiệm và ý thức tự nghiên cứu và phối hợp với đồng nghiệp để nâng cao khả năng thực hiện các nghiên cứu thử nghiệm tác dụng dược lý trong thực hành nghề nghiệp.	PLO10, PLO13	2

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT

2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT

3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT.

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Liệt kê được các yếu tố ảnh hưởng đến một phương pháp nghiên cứu dược lý.
CLO2	Giải thích được nội dung chi tiết của các yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp nghiên cứu dược lý.
CLO3	Trình bày được phương pháp sàng lọc tác dụng dược lý của thuốc từ dược thảo
CLO4	Mô tả được cách chuẩn bị mẫu cho nghiên cứu dược lý.
CLO5	Mô tả được nguyên tắc thí nghiệm, trình bày được cách tiến hành thí nghiệm và giải thích được ý nghĩa của một số phương pháp thử nghiệm tác dụng dược lý của từng nhóm thuốc theo chương trình.
CLO6	Vận dụng được phương pháp ngoại suy liều có hiệu quả tương đương giữa người và động vật thí nghiệm để quy đổi liều trong thử nghiệm thuốc.
CLO7	Tính được tính liều an toàn & liều có hiệu quả của thuốc.
CLO8	Có khả năng tự nghiên cứu và phối hợp với đồng nghiệp để nâng cao năng lực nghiên cứu thử nghiệm tác dụng dược lý, có khả năng giải quyết vấn đề một cách độc lập

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

1 – CLO có đóng góp ít vào PLO

2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO

3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CLO 1		1	2										
CLO 2		2	3										
CLO 3		2	2										
CLO 4		2	2										
CLO 5		3	3										
CLO 6								3					
CLO 7								3					
CLO 8										2		2	

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Phòng học được trang bị đầy đủ phương tiện dạy học: máy vi tính, bàn, ghế, bảng, máy chiếu, màn chiếu, đèn, quạt, điều hòa, micro, phấn, giấy A0, bút dạ,...

6.1.2. Lâm sàng: Không

6.1.3. Thực hành: Không

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập thảo luận nhóm và tham dự các buổi giảng trên lớp tối thiểu đạt 80%.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần “*Một số mô hình đánh giá tác dụng dược lý của Dược liệu, thuốc cổ truyền*” cung cấp các kiến thức cơ bản về những điều kiện cần thiết để tiến hành nghiên cứu dược lý trên thực nghiệm, bao gồm: môi trường thí nghiệm, động vật thí nghiệm, các yếu tố ảnh hưởng đến đáp ứng của cơ thể động vật đối với thuốc, thuốc gây mê dùng cho động vật, cách chăm sóc, sinh sản và quản lý ĐVTN, phương pháp sàng lọc tác dụng dược lý của thuốc từ thảo dược và phương pháp chuẩn bị mẫu dùng cho nghiên cứu dược lý, phương pháp ngoại suy liều có hiệu quả tương đương giữa người và ĐVTN, cách tính liều an toàn & liều có hiệu quả của thuốc, liều ED₅₀.

Đặc biệt, sinh viên còn được học phương pháp tiến hành nhiều thử nghiệm tác dụng dược lý của từng nhóm thuốc cụ thể: thử nghiệm độc tính cấp, độc tính trường diễn, độc tính tại chỗ, tác dụng hạ đường huyết, tác dụng chống tăng lipid máu & chống xơ vữa động mạch, tác dụng bảo vệ gan của thuốc, tác dụng ức chế miễn dịch và kháng histamin, tác dụng chống viêm, giảm đau, tác dụng kháng khuẩn *in vitro*, chống nấm, tác dụng chống Alzheimer và tác dụng chống tăng sản tuyến tiền liệt lành tính.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (2-4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 9.3.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	1. Một số vấn đề chung 1.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến nghiên cứu DL 1.2. Nghiên cứu cơ chế tác dụng của thuốc 1.3. Thuốc gây mê dùng cho động vật thí nghiệm 1.4. Chăm sóc, sinh sản và quản lý động vật thí nghiệm.	2	1. Mô tả và giải thích được được những yếu tố ảnh hưởng <u>đến</u> đáp ứng của cơ thể động vật với thuốc. 2. Liệt kê được một số thuốc hay dùng để gây mê động vật thí nghiệm. 3. Trình bày được yêu cầu về chăm sóc và quản lý động vật thí nghiệm.	CLO1, CLO2 CLO1 CLO1	GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo luận để hướng dẫn.	SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận.	A1
	2. Phương pháp sàng lọc tác dụng DL của cây thuốc và cách chuẩn bị mẫu cho nghiên cứu	1	1. Trình bày được tầm quan trọng và mục tiêu NC sàng lọc tác dụng sinh học của cây thuốc.	CLO1	GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo	SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời	A1

	<p>2.1. Phương pháp sàng lọc tác dụng của thuốc từ cây trồng</p> <p>2.2. Phương pháp chuẩn bị mẫu sử dụng trong nghiên cứu tác dụng được lý.</p>		<p>2. Liệt kê được một số phương pháp thử nghiệm sàng lọc được lý điển hình.</p> <p>3. Mô tả được PP chuẩn bị mẫu cho NC sàng lọc TTD được lý và xác định nhóm hoạt chất từ cây thuốc.</p>	CLO3	<p>luận đề hướng dẫn.</p>	<p>câu hỏi, tham gia thảo luận.</p>	
	<p>3. Phương pháp ngoại suy liều có hiệu quả</p> <p>3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến liều có hiệu quả tương đương giữa các loài động vật</p> <p>3.2. Ngoại suy liều có hiệu quả tương đương giữa người và động vật thí nghiệm</p> <p>3.3. Xác định diện tích bề mặt cơ thể của người</p>	1	<p>1. Mô tả và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến liều có hiệu quả tương đương giữa các loài DV.</p> <p>2. Vận dụng được cách ngoại suy liều có hiệu quả giữa người và một số loài vật TN vào tình huống cụ thể.</p> <p>3. Trình bày và vận dụng được PP xác định diện tích bề mặt cơ thể người trong tính liều lượng của thuốc.</p>	CLO2, CLO6, CLO8	<p>GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo luận để hướng dẫn, ra bài tập để SV luyện tập.</p>	<p>SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận.</p> <p>SV làm bài tập theo yêu cầu của GV.</p>	A1
2	<p>4. Phương pháp xác định liều ED50</p> <p>4.1. Đại cương</p> <p>4.2. Cách xác định ED50</p>	1	<p>1. Trình bày được khái niệm và các nguyên tắc xác định ED₅₀.</p> <p>2. Mô tả và vận dụng được phương pháp xác định ED₅₀ của thuốc.</p>	CLO7, CLO7	<p>GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo luận để hướng</p>	<p>SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham</p>	A1

				<p>dẫn, ra bài tập đề SV luyện tập.</p>	<p>gia thảo luận. SV làm bài thập theo yêu cầu của GV.</p>	
<p>5. Phương pháp xác định tính an toàn và liều có hiệu quả</p> <p>5.1. Đặt vấn đề</p> <p>5.2. Những điểm cần quán triệt khi xác định tính an toàn và liều có hiệu quả của thuốc</p> <p>5.3. Phương pháp xác định liều có hiệu quả cho một thuốc mới</p> <p>5.4. Xác định tính an toàn của thuốc</p> <p>5.5. Tính liều có hiệu quả tương đương trên người</p> <p>5.6. Trường hợp xác định độc tính cấp, nhưng không tìm được LD50</p>	2	<p>1. Mô tả được phương pháp xác định liều có hiệu quả cho một thuốc mới.</p> <p>2. Trình bày và vận dụng được phương pháp xác định tính an toàn của thuốc.</p>	CLO7, CLO7, CLO8	<p>GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo luận để hướng dẫn, ra bài tập đề SV luyện tập.</p>	<p>SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận. SV làm bài thập theo yêu cầu của GV.</p>	A1
<p>6. Phương pháp xác định độc tính cấp của thuốc</p> <p>6.1. Đại cương về nghiên cứu độc tính</p>	1	<p>1. Trình bày được khái niệm và các nguyên tắc chung xác định LD₅₀.</p>	CLO5	<p>GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo</p>	<p>SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời</p>	A1

	6.2. Phương pháp xác định độc tính cấp của thuốc.		2.Liệt kê được yêu cầu về DVVTN và mẫu thử dùng trong TN. 3.Trình bày và giải thích được yêu cầu về đường dùng, cách dùng thuốc và cách thăm dò liều. 4. Mô tả được các bước tiến hành thử nghiệm độc tính cấp và tính kết quả.	CLO1, CLO4 CLO4 CLO5	luận đề hướng dẫn, ra bài tập để SV luyện tập.	câu hỏi, tham gia thảo luận. SV làm bài tập theo yêu cầu của GV.	
3	7. Nghiên cứu độc tính bán trường diễn 7.1. Đại cương về nghiên cứu độc tính 7.2. Phương pháp nghiên cứu độc tính trường diễn	2	1.Trình bày được mục tiêu và nguyên tắc PP thử độc tính trường diễn của thuốc 2.Mô tả và giải thích được yêu cầu về DVVTN và mẫu thử dùng trong TN 3.Liệt kê được yêu cầu về đường dùng, và liều dùng 4.Trình bày được các bước tiến hành thử nghiệm và các thông số theo dõi trong TN độc tính trường diễn.	CLO5 CLO1, CLO4 CLO4 CLO5	GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo luận để hướng dẫn.	SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận.	A1
	8. Nghiên cứu độc tính tại chỗ 8.1. Đặt vấn đề	2	1.Mô tả và giải thích được PP thử tác dụng kích ứng da của thuốc NC so với thuốc tham chiếu và thuốc kích ứng chuẩn	CLO5	GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo	SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời	A1

	<p>8.2. Nghiên cứu tác dụng kích ứng da</p> <p>8.3. Thử tác dụng kích ứng da của thuốc so với một số thuốc tham chiếu</p> <p>8.4. Thử tác dụng kích ứng da của thuốc so với một thuốc kích ứng chuẩn</p> <p>8.5. Xác định mức độ kích ứng da của thuốc nguyên dạng</p> <p>8.6. Xác định nồng độ kích ứng ngưỡng</p>		<p>2.Trình bày được PP xác định mức độ kích ứng da của thuốc nguyên dạng</p> <p>3.Liệt kê được các bước tiến hành xác định nồng độ kích ứng ngưỡng.</p>	CLO5	<p>luận đề hướng dẫn.</p>	<p>câu hỏi, tham gia thảo luận.</p>	
4	<p>9. Nghiên cứu tác dụng hạ glucose máu trên ĐVTN</p> <p>9.1. Thử nghiệm tác dụng hạ đường máu trên chuột cống trắng bình thường</p> <p>9.2. Thử nghiệm tác dụng hạ đường huyết trên động vật đại tháo đường</p> <p>9.3. Thử nghiệm dung nạp glucose</p>	2	<p>1.Mô tả được PP thử tác dụng hạ đường máu trên chuột cống trắng bình thường và trên ĐV đại tháo đường</p> <p>2.Trình bày được các bước thử nghiệm dung nạp glucose</p> <p>3.Mô tả được PP thử tác dụng trên sự tiết insulin <i>in vitro</i></p> <p>4.Trình bày được PP TN ngoài tuyến tụy</p>	CLO5 CLO5 CLO5	<p>GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo luận để hướng dẫn.</p>	<p>SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận.</p>	A1

<p>9.4. Thử nghiệm tác dụng trên sự tiết insulin in vitro</p> <p>9.5. Thử nghiệm tác dụng ngoài tuyến tụy</p> <p>9.6. Thử nghiệm tác dụng trên hoạt độ của superoxyd dismutase ở đảo tụy động vật đái tháo đường</p> <p>9.7. Thử nghiệm tác dụng ức chế aldose reductase</p> <p>9.8. Thử nghiệm tác dụng trên hàm lượng sorbitol</p>						A1
<p>10. Nghiên cứu tác dụng chống tăng lipid của thuốc và thuốc tác dụng trên xơ vữa động mạch</p> <p>10.1. Thử nghiệm trên động vật có cholesterol máu bình thường trong sàng lọc ban đầu</p> <p>10.2. Thử nghiệm trên động vật có tăng cholesterol máu</p> <p>10.3. Các mô hình thực nghiệm trên động vật trung gian</p>	2	<p>1.Mô tả được PP thử tác dụng hạ cholesterol máu trên DV có giới hạn lipid máu bình thường</p> <p>2.Trình bày và giải thích được PP thử tác dụng của thuốc trên DV tăng cholesterol máu</p> <p>3.Trình bày được 1 số mô hình thử TD hạ lipid máu ở DV được gây tăng cholesterol máu bằng các tác nhân khác nhau</p>	CLO5	<p>GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo luận để hướng dẫn.</p>	<p>SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận.</p>	

	<p>10.4. Tăng cholesterol máu gây bởi estrogen ở chim</p> <p>10.5. Tăng cholesterol máu gây bởi triton</p> <p>10.6. Tăng cholesterol máu gây bởi tween 80</p> <p>10.7. Bàn lận và phân tích các phương pháp đánh giá các thuốc hạ cholesterol máu</p>							
5	<p>11. Nghiên cứu tác dụng bảo vệ TB gan của thuốc</p> <p>11.1. Đặt vấn đề</p> <p>11.2. Nghiên cứu tác dụng bảo vệ gan trên tổn thương gan do các chất độc với gan</p> <p>11.3. Nghiên cứu tác dụng của thuốc trên xơ gan thực nghiệm</p>	2	<p>1. Trình bày và giải thích được tầm quan trọng của việc NC thuốc bảo vệ gan.</p> <p>2. Mô tả được PP NC tác dụng bảo vệ gan trên tổn thương do các chất độc.</p> <p>3. Trình bày được NC tác dụng của thuốc trên xơ gan TN.</p>	CLO5 CLO5	GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo luận để hướng dẫn.	SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận.	A1, A2	
	<p>12. Nghiên cứu tác dụng ức chế điều hòa miễn dịch</p> <p>12.1. Đặt vấn đề</p> <p>12.2. Nghiên cứu tác dụng ức chế điều hòa miễn dịch</p>	2	<p>1. Mô tả và giải thích được một số PP NC thuốc ức chế & điều hòa miễn dịch.</p> <p>2. Trình bày được PP NC các thuốc kháng histamin trên thực nghiệm.</p>	CLO5 CLO5	GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo luận để hướng dẫn.	SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận.	A1	

6	<p>13. Nghiên cứu tác dụng chống viêm của thuốc</p> <p>13.1. Các phương pháp nghiên cứu trên phù thực nghiệm</p> <p>13.2. Thử nghiệm trên ban đỏ gây bởi tia tử ngoại ở chuột lang</p> <p>13.3. Các phương pháp nghiên cứu trên u hạt thực nghiệm</p> <p>13.4. Thử nghiệm gây dịch rỉ màng phổi trên chuột cống trắng già</p> <p>13.5. Thử nghiệm trên viêm đa khớp thực nghiệm do Mycoplasma arthritis</p> <p>13.6. Thử nghiệm trên viêm khớp thực nghiệm gây bởi chất bổ trợ Freund</p> <p>13.7. Thử nghiệm trên viêm đa khớp ở chuột cống trắng gây bằng chất bổ trợ (chất sáp D) phân lập từ trực khuẩn lao</p> <p>13.8. Nghiên cứu sự dung nạp thuốc chống viêm bởi da dày</p>	2	<p>1. Trình bày được các phương pháp NC phù/u hạt thực nghiệm.</p> <p>2. Trình bày được các PP NC gây ban đỏ bởi tia tử ngoại và gây ịch rỉ màng phổi ở DVTN</p> <p>3. Mô tả được một số PP NC gây viêm khớp thực nghiệm</p> <p>4. Trình bày được PP NC thuốc chống viêm da dày.</p>	CLOS	<p>GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo luận để hướng dẫn.</p>	<p>SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận.</p>	A1
---	--	---	--	------	---	--	----

<p>14. Nghiên cứu tác dụng giảm đau của thuốc</p> <p>14.1. Phương pháp nghiên cứu được lý thuốc giảm đau gây ngủ</p> <p>14.2. Phương pháp nghiên cứu được lý thuốc giảm đau không gây ngủ</p>	2	<p>1.Trình bày và giải thích được các phương pháp NC được lý thuốc giảm đau gây ngủ</p> <p>2.Mô tả và giải thích được các PP NC được lý thuốc giảm đau không gây ngủ.</p>	CLO5	GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo luận để hướng dẫn.	SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận.	A1
<p>7</p> <p>15. Nghiên cứu tác dụng kháng khuẩn in-vitro</p> <p>15.1. Những yếu tố ảnh hưởng</p> <p>15.2. Kỹ thuật định tính để thăm dò tác dụng trên vi khuẩn</p> <p>15.3. Phương pháp nghiên cứu tác dụng kháng khuẩn bằng kỹ thuật dùng khoan giấy trên môi trường khác</p> <p>15.4. Phương pháp nghiên cứu tác dụng kháng khuẩn bằng kỹ thuật dùng ống trụ trên môi trường đặc</p> <p>15.5. Phương pháp nghiên cứu tác dụng kháng khuẩn bằng kỹ</p>	2	<p>1.Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến NC kháng khuẩn <i>in vitro</i></p> <p>2.Trình bày được kỹ thuật định tính để thăm dò TD trên VK</p> <p>3.Mô tả được một số PP NCTD kháng khuẩn:</p> <p>- PP khoan giấy trên MT đặc</p> <p>- Ống trụ trên MT đặc</p> <p>- Vi định lượng trong MT lỏng</p> <p>- Sinh tự ký.</p>	CLO1 CLO5 CLO5	GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo luận để hướng dẫn.	SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận.	A1

<p>17.5. Mô hình gây nhiễm vi nấm ở âm đạo chuột nhắt trắng</p> <p>17.6. Mô hình gây nhiễm vi nấm toàn thân ở chuột nhắt trắng</p> <p>17.7. Mô hình gây nhiễm vi nấm phổi ở chuột nhắt trắng</p> <p>17.8. Một số mô hình khác</p>						
<p>18. Nghiên cứu tác dụng chống tăng sản tuyến tiền liệt</p> <p>18.1. Đặt vấn đề</p> <p>18.2. Nghiên cứu tác dụng chống tăng sản tuyến tiền liệt</p>	1	1.Mô tả được thử nghiệm tác dụng của thuốc trên mô hình gây tăng sản tuyến tiền liệt ở chuột nhắt trắng.	CLO5	GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo luận để hướng dẫn.	SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận.	A1
Tổng	30					
Thi cuối kỳ		Theo lịch chung của HV.				A3

Ghi chú:

- (3) *Số tiết (LT/KT...): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương*
- (6) *PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR*
- (7) *Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).*

	<p>thuật hệ nông độ trong môi trường lòng</p> <p>15.6. Phương pháp nghiên cứu tác dụng kháng khuẩn bằng kỹ thuật vi định lượng trong vi môi trường lòng</p> <p>15.7. Phương pháp sinh tự ký</p>						
	<p>16. Nghiên cứu tác dụng chống bệnh Alzheimer</p> <p>16.1. Đặt vấn đề</p> <p>16.2. Phương pháp nghiên cứu tác dụng chống bệnh Alzheimer</p>	1	1. Trình bày và giải thích được thử nghiệm tác dụng của thuốc trên mô hình bệnh Alzheimer ở chuột cống trắng.	CLO5	GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo luận để hướng dẫn.	SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận.	A1
8	<p>17. Nghiên cứu tác dụng kháng nấm</p> <p>17.1. Nghiên cứu tác dụng kháng vi nấm in vitro</p> <p>17.2. Nghiên cứu tác dụng kháng vi nấm in vivo</p> <p>17.3. Mô hình gây nhiễm vi nấm da thực nghiệm ở chuột lang</p> <p>17.4. Mô hình gây nhiễm nấm giác mạc ở chó</p>	2	<p>1. Trình bày được các phương pháp NC TD kháng nấm <i>in vitro</i> & <i>in vivo</i>.</p> <p>2. Trình bày được các mô hình gây nhiễm nấm ở da, giác mạc, phổi DVTN.</p> <p>3. Mô tả được các mô hình gây nhiễm nấm ở âm hộ, âm đạo chuột nhắt trắng (CNT).</p> <p>4. Trình bày được mô hình gây nhiễm nấm toàn thân ở CNT.</p>	CLO5 CLO5	GV sử dụng bài giảng điện tử, projector, đặt câu hỏi thảo luận để hướng dẫn.	SV đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận.	A1

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra: Không có.

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Đánh giá học phần

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

HV cần dự tối thiểu 80% số giờ giảng mới đủ điều kiện dự thi. Điểm tối đa chuyên cần là 10 điểm khi học viên đi dự đủ số buổi giảng, tích cực tham gia thảo luận nội dung học tập và làm bài tập đầy đủ. HV nghỉ 1 buổi trừ 2 điểm, nghỉ 2 buổi trừ 4 điểm chuyên cần. HV nghỉ từ 3 buổi trở lên không được dự thi cuối kỳ. Điểm chuyên cần chiếm 10% trọng số điểm đánh giá học phần.

9.2.2. Đánh giá thi giữa kỳ

HV làm bài kiểm tra giữa kỳ vào buổi học thứ 5, làm bài thi trắc nghiệm dạng google form, thời gian 15 phút. Điểm giữa kỳ được tính là thang điểm 10 và chiếm 30% trọng số điểm đánh giá học phần.

9.2.3. Thi cuối kỳ

Học viên làm bài thi cuối kỳ dạng viết tiểu luận. Điểm cuối kỳ được tính là thang điểm 10, chiếm 60% trọng số điểm đánh giá học phần.

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	100	A1. Chuyên cần		10		CLO 1-8	- Điểm danh hàng ngày vào thời điểm bất kỳ. - Khi thảo luận: gọi tên HV bất kỳ. - Bài tập vận dụng: HV làm ra giấy và nộp luôn tại lớp.
		A2. Đánh giá giữa kỳ		30		CLO 1-7	- HV làm bài kiểm tra tại lớp trong 15 phút, dạng trắc nghiệm trên google form.
		A3. Đánh giá cuối kỳ (viết tiểu luận)		60		CLO 1-8	HV làm bài thi viết tiểu luận.

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.4.1. Ma trận đề kiểm tra giữa kỳ

Bài kiểm tra giữa kỳ gồm 10 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu 1 điểm. Tổng điểm được tính theo thang điểm 10. Nội dung nằm trong kiến thức đã học từ buổi 1-4.

9.4.2. Ma trận đề kiểm tra cuối kỳ và thang điểm đánh giá

Bài thi cuối kỳ gồm 2-3 nội dung để học viên viết tiểu luận, được chọn trong 18 bài học của chương trình. Điểm được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm chuyên cần, Điểm kiểm tra giữa kỳ và Điểm thi cuối kỳ theo bảng 9.3.1.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Viện Dược liệu (2006), *Phương pháp nghiên cứu tác dụng dược lý của thuốc từ dược thảo*, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Đỗ Trung Đàm (2014), *Phương pháp xác định độc tính cấp của thuốc*, Nhà xuất bản Y học.

[2]. OECD (2001), “Acute oral toxicity – Acute toxic class method”, *OECD guideline for testing of chemicals*, No. 423.

11. Hướng dẫn thực hiện

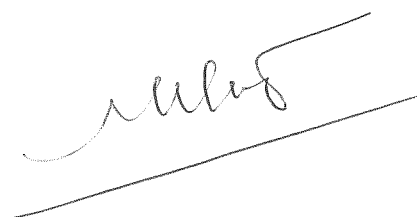
- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN



Nguyễn Thị Minh Thu

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày 26/8/2022.</i>	Người cập nhật Nguyễn Thị Minh Thu
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày 01/11/2022.</i>	Người cập nhật Nguyễn Thị Minh Thu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
MÔN PHƯƠNG PHÁP SẮC KÝ TRONG PHÂN TÍCH CÁC HỢP CHẤT
TỪ DƯỢC LIỆU, THUỐC YHCT

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: **Phương pháp sắc ký trong phân tích các hợp chất từ dược liệu, thuốc YHCT**

* Tiếng Việt: Phương pháp sắc ký trong phân tích các hợp chất từ dược liệu, thuốc YHCT

* Tiếng Anh: Chromatographic methods in the analysis of compounds from pharmacognosy, traditional medicine

- Mã học phần/ mô đun: 213207

- Số tín chỉ: 1,0 LT/1,0 TH

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 30 tiết

+ Kiểm tra: 10 tiết

+ Thời gian tự học: 45 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ nhất - Chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Học phần học trước: Không

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Cao Sơn	0988683282	
2	Nguyễn Thị Vân Anh	0964541313	vananhchem.vutm@gmail.com
3	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng kiến thức về phương pháp sắc ký trong phân tích các hợp chất từ dược liệu, thuốc YHCT
MT HP2	Thực hiện được một số quy trình định tính, định lượng bằng phương pháp sắc ký
MT HP2	Có kỹ năng phản biện, thuyết trình, viết báo cáo theo cá nhân và theo nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)
MT HP1			3	2
MT HP2			3	2
MT HP2				1

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Giải thích được nguyên tắc của các phương pháp sắc ký
CLO2	Hiểu được các thông số đặc trưng trong các phương pháp sắc ký
CLO3	Vận dụng các phương pháp sắc ký trong phân tích các hợp chất từ dược liệu, thuốc YHCT
CLO4	Sử dụng thành thạo các máy móc, dụng cụ, thiết bị cơ bản liên quan đến phân tích các hợp chất từ dược liệu, thuốc YHCT bằng phương pháp sắc ký

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO5	Có kỹ năng phản biện, thuyết trình, viết báo cáo theo cá nhân và theo nhóm trong học tập

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
CLO 1		2	3					2	1	2			
CLO 2		2	3					2	1	2			
CLO 3		2	3					2	1	2			
CLO 4		2	3					2	1	2	2	2	3
CLO 5								2	1	2		2	3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)
2	Máy sắc ký bản mỏng hiệu năng cao (HPTLC)
3	Máy sắc ký khí (GC)
4	Cân phân tích
5	Cân kỹ thuật
6	Máy đo pH
7	Bể siêu âm
8	Bộ lọc hút chân không
9	Máy cất nước 1 lần
10	Máy cất nước 2 lần

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
11	Máy vortex
12	Bộ triển khai sắc ký lớp mỏng

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần sẽ giới thiệu nguyên tắc chung và các thông số đặc trưng của các phương pháp sắc ký. Đồng thời học phần cũng sẽ trình bày phạm vi ứng dụng của các phương pháp sắc ký trong phân tích các dược liệu và thuốc YHCT. Giúp học viên biết cách vận hành các thiết bị sắc ký lỏng, sắc ký khí trong phân tích và đưa ra được một số phương án khắc phục sự cố có thể xảy ra.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1/1	Chương 1: Đại cương về sắc ký 1. Giới thiệu chung 2. Các thông số đặc trung 3. Tối ưu hóa hệ sắc ký 4. Ứng dụng	2/0,5/4	1. Phân loại được các kỹ thuật sắc ký 2. Giải thích được các thông số đặc trưng cho sắc ký 3. Giải thích được nguyên tắc, ứng dụng của sắc ký trong phân tích	CLO1 CLO2 CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phần tự đọc	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời; 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời 4. Tự đọc phần [*]	Bài kiểm tra thường xuyên - Thực hiện sau mỗi chương - Hình thức: tự luận hoặc trắc nghiệm/thảo luận/ bài tập
1/1	Chương 2: Sắc ký khí 1. Nguyên tắc 2. Các đại lượng đặc trưng của sắc ký khí 3. Sơ đồ trang bị hệ thống sắc ký khí 4. Ứng dụng	2/0/4	1. Giải thích được nguyên tắc của sắc ký khí 2. Trình bày được các loại cột, các loại detector và vai trò của chương trình nhiệt độ	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phần tự đọc	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời; 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời 4. Tự đọc phần [*]	Không
1/2	Ứng dụng	2/0,5/4	3. Trình bày được ứng dụng của sắc ký khí	CLO3	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi	Bài kiểm tra thường xuyên

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
			trong phân tích Dược liệu và thuốc YHCT		2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc	2. Suy nghĩ - Trả lời; 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời 4. Tự đọc phần [*]	- Thực hiện sau mỗi chương - Hình thức: tự luận hoặc trắc nghiệm/thảo luận/ bài tập
1/2	Chương 3: Sắc ký lỏng 1. Sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	2/0/4	1. Giải thích được nguyên tắc hoạt động của sắc ký lỏng hiệu năng cao 2. Trình bày được về pha tĩnh, pha động, các loại detector và chương trình dung môi trong sắc ký lỏng hiệu năng cao 3. Trình bày được ứng dụng của sắc ký lỏng hiệu năng cao trong phân tích Dược liệu và thuốc YHCT	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời; 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời 4. Tự đọc phần [*]	
2/3	1. Sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	2/0/4		CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời; 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời 4. Tự đọc phần [*]	

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
2/3	2. Sắc ký lông siêu tới hạn 3. Sắc ký lớp móng 4. Sắc ký giấy 5. Sắc ký trao đổi ion	2/0/4	4. Trình bày được nguyên tác của sắc ký siêu tới hạn, sắc ký lớp màng, sắc ký giấy, sắc ký trao đổi ion	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời; 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời 4. Tự đọc phần [*]	
2/4	6. Ứng dụng	3/0,5/6	5. Trình bày được ứng dụng của sắc ký lớp màng, sắc ký giấy trong phân tích Dược liệu và thuốc YHCT	CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời; 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời 4. Tự đọc phần [*]	Bài kiểm tra thường xuyên - Thực hiện sau mỗi chương - Hình thức: tự luận hoặc trắc nghiệm/thảo luận/ bài tập
	Tiểu luận	6,0 tiết					

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:
 Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1/1	Bài 1: Định tính curcumin trong nghe (TLC)	6/0/0,5/3	1. Thực hiện được thao tác tráng bản mỏng 2. Định tính được curcumin trong nghe bằng phương pháp TLC với bản mỏng tự tráng và tráng sẵn	CLO4 CLO5	4, 5, 6, 9, 10, 12	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 1
1/2	Bài 2: Phép thử các dầu tạp bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng (TLC)	6/0/0,5/3	1. Thực hiện được thao tác tráng bản mỏng 2. Thử nghiệm được các dầu tạp bằng phương pháp TLC với bản mỏng tự tráng và tráng sẵn	CLO4 CLO5	4, 5, 6, 9, 10, 12	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 2

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
2/3	Bài 3: Định tính đầu béo bằng phương pháp sắc ký lớp màng (HPTLC)	6/0/0,5/3	theo Dược điển Việt Nam V 1. Vận hành được thiết bị HPTLC và đề xuất được các phương án giải quyết một số sự cố bất thường có thể xảy ra 2. Định tính được đầu béo bằng phương pháp sắc ký lớp màng (HPTLC) theo Dược điển Việt Nam V	CLO4 CLO5	2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 3
2/4	Bài 4: Phép thử các đầu tạp bằng phương pháp sắc ký khí	6/0/0,5/3	1. Vận hành được thiết bị GC và đề xuất được các phương án giải quyết một số sự	CLO4 CLO5	3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11	1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu	1. Chuẩn bị bài thực hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát	Đánh giá cho điểm bài 4

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
3/1	Bài 5: Định lượng hoạt chất trong Hoàng liên (thân, rễ) bằng phương pháp HPLC	6/0/0,5/3	có bất thường có thể xảy ra 2. Thử nghiệm được các đầu tạp bằng phương pháp sắc ký khí theo Dược điển Việt Nam V	CLO4 CLO5	1, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11	4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Vấn đáp	4.Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 5
			1. Vận hành được thiết bị HPLC và đề xuất được các phương án giải quyết một số sự cố bất thường có thể xảy ra 2. Định lượng hoạt chất trong Hoàng liên (thân, rễ) bằng phương pháp HPLC			1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến trình thực hành 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành 2.Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4.Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO2 CLO 3	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận
Hình thức trình bày;	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết được; Bỏ cục chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;

Rubric 2: Đánh giá bài tập thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			8,5 – 10,0 điểm	6,5 – 8,4 điểm	4,0 – 6,4 điểm	0 – 3,9 điểm	
Thái độ tham dự	20	CLO 2 CLO 3	Tích cực nghe, ghi chép, quan sát, thực hiện việc thực hành đúng theo yêu cầu	Tích cực nghe, ghi chép, quan sát; thực hiện việc thực hành đúng theo yêu cầu còn sai sót nhỏ	Chưa chú ý nghe, ghi chép, quan sát; thực hiện việc thực hành đúng theo yêu cầu còn sai sót 1 vài bước quan trọng	Không chú ý nghe, ghi chép, quan sát; thực hiện việc thực hành còn câu trả	100%
Kết quả thực hành	40		Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu	
	30		Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng	
Báo cáo thực hành	10		Đúng format và đúng hạn	Điểm tùy theo mức độ đáp ứng			

Rubric 3: Đánh giá Tiêu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ chất lượng			Điểm
				Giới 8.5-10	Khá 7.0-8.4	Trung bình 5.0-6.9	
Nội dung	Đặt vấn đề	10%	CLO1 CLO2	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiêu luận và dài không quá 1,5 trang.	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt tương đối tốt để đưa ra được mục tiêu phù hợp tên luận và dài không quá 2 trang.	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt để đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.	Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.
	Tổng quan tài liệu	20%		Đáp ứng yêu cầu đầy đủ cả 3 nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và nước ngoài	- Thiếu 1 nội dung; hoặc - Cả 3 nội dung trình bày cơ bản đáp ứng yêu cầu	Trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu	- Thiếu hai nội dung; hoặc - 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu
	Phương pháp và nghiên cứu (chiếm 20% độ dài tiêu luận)	20%		Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác	- Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu; hoặc	Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu	- Thiếu 1 nội dung; hoặc - Cả hai nội dung không

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ chất lượng			Điểm
				Giỏi 8.5 -10	Khá 7.0-8.4	Trung bình 5.0-6.9	
hành và kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với mục tiêu - Tương đối chính xác 			- 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu	đáp ứng yêu cầu		
				Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc - cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3 nội dung đạt trên 75%	Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc - Thiếu 2 nội dung 	
Kết luận và đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung - Đề xuất đúng vấn đề 	10%		- Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70%	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung ; Hoặc - Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu 		
				Thâu tóm được nội dung yêu cầu đầy đủ chính xác và có đề xuất xác đáng	Cả 2 nội dung đáp ứng yêu cầu trên 50%		
Tài liệu tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> - Trích dẫn đủ, đúng quy định 	10%		Trích dẫn đúng quy định trong đó có cả tài liệu tham khảo trong	Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong	<ul style="list-style-type: none"> - Mặc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết 	

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ chất lượng			Điểm	
				Giới 8.5 -10	Khá 7.0-8.4	Trung bình 5.0-6.9		Yếu 0-4.9
	<ul style="list-style-type: none"> - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài 			số tài liệu > 20, trích dẫn đúng quy định về cách viết và vào phần nội dung tiêu chí, có cả tài liệu trong nước và nước ngoài	và ngoài nước với số lượng 10-20	đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 5-9 hoặc chỉ có tài liệu trong nước hoặc nước ngoài	tài liệu tham khảo sai quy định hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (<5)	
Trình bày	<ul style="list-style-type: none"> - Fomat đúng quy định - Bảng biểu rõ ràng, chính xác - Lỗi chính tả: 	10%	CLO3	Đúng và chính xác cả 3 nội dung yêu cầu	Fomat đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10	<ul style="list-style-type: none"> - Fomat một vài chỗ chưa đúng quy định, - Bảng biểu rời rạc khó hiểu, - lỗi chính tả 11-20 	<ul style="list-style-type: none"> - Fomat > 5 chỗ chưa đúng quy định, - Nhiều Bảng biểu rời rạc khó hiểu hoặc vẽ sai - Lỗi chính tả > 20 	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Kiểm tra thường xuyên	Bài kiểm tra thường xuyên	100%	Rubric 1	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Theo KH của bộ môn
Điểm lý thuyết	60%	Điểm báo cáo tiểu luận	Tiểu luận	100%	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Theo lịch thi của Học viện
Điểm thực hành	30%	Đánh giá các bài thực hành tại cơ sở thực hành/phòng thí nghiệm	Điểm trung bình cộng từng bài thực hành	100%	Rubric 2	CLO 4 CLO 5	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5)

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Nguyễn Thị Kiều Anh (2022), *Một số phương pháp sắc ký dùng trong phân tích thuốc*, Nhà xuất bản Y học.

[2] Bộ Y tế (2019), *Dược điển Việt Nam V*, Nhà xuất bản Y Học

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Phạm Luận (2014), *Phương pháp phân tích sắc ký và chiết tách*, NXB Bách Khoa.

[2] Nguyễn Đức Thanh, Nguyễn Thị Thanh Hương (2021), *Phân tích công cụ*, NXB Quân đội nhân dân

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

P. BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Vân Anh

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC

Đối tượng đào tạo: Đào tạo học viên Chuyên khoa I Dược liệu,

Mã số đào tạo:

Năm thứ: 2

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Quản lý nhà nước về y tế

* Tiếng Việt: Quản lý nhà nước về y tế

* Tiếng Anh:

- Mã Học phần/ Môn học:

- Số tín chỉ: 01LT/01.TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết LT/30 tiết TH

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 30 tiết

+ Bài tập: tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết

+ Kiểm tra:.....tiết

+ Thời gian tự học: 105 tiết

(Hướng dẫn điền số tiết: Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học: Đào tạo học viên Chuyên khoa I Dược liệu
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>							
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Điều kiện tham gia học phần:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lưu Minh Châu	0963171071	minhchauytdp@gmail.com
2	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy		
3	PGS. TS. Phạm Quốc Bình		
4	PGS.TS. Phạm Vũ Khánh		
5	Ths. Trương Thị Minh Trang	0916359842	
	Mời giảng		

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Hiểu đại cương về quản lý nhà nước về y tế

MT HP2	Trình bày và phân tích được về hệ thống chính trị nhà nước; Nguyên tắc hoạt động và điều hành của hệ thống y tế Việt Nam
MT HP3	Phân tích được các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các Luật liên quan đến quá trình hành nghề
MT HP4	Xây dựng được kế hoạch hoạt động Y tế
MT HP5	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện và công tác quản lý chất thải bệnh viện; Sắp xếp đơn vị theo chuẩn 5S

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	3	3	3
MT HP2	3	3	3
MT HP3	3	3	3
MT HP4	3	3	3
MT HP5	3	3	3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modul (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT

2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT

3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Xác định được vai trò Quản lý nhà nước về y tế theo pháp luật
CLO2	Phân tích và Vận dụng nguyên tắc hoạt động và điều hành của hệ thống y tế Việt Nam

CLO3	Xây dựng được kế hoạch hoạt động Y tế
CLO4	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện và công tác quản lý chất thải bệnh viện; Sắp xếp đơn vị theo chuẩn 5S
CLO5	Vận dụng các Bộ luật liên quan hoạt động chăm sóc sức khỏe người dân

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CLO 1						3	3				3	3	
CLO 2						3	3				3	3	
CLO 3						3	3				3	3	
CLO 4						3	3				3	3	
CLO 5						3	3				3	3	

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

- 6.1.1. Lý thuyết: Giảng đường, máy chiếu, loa míc
- 6.1.2. Lâm sàng:
- 6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
-----	---

1	Giảng đường tiêu chuẩn
2	Máy chiếu
3	Loa mic

6.2. Yêu cầu đối với học viên

Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

– Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

– Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

– Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

– Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Học viên phải đạt điểm trung bình môn học đạt 5/10 trở lên

✓ Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức; Kỹ năng quản lý bệnh viện và vận dụng các Luật trong quá trình hành nghề, các văn bản quản lý Nhà nước về Y tế; các xây dựng kế hoạch hoạt động y tế, sắp xếp đơn vị theo tiêu chuẩn 5S.

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT /Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương về quản lý nhà nước; Các văn bản quy phạm pháp Luật trong quản lý nhà nước về Y học cổ truyền và Chiến lược phát triển Y học cổ truyền	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
2	Giới thiệu Luật Dược và Luật Bảo hiểm Y tế	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
3	Giới thiệu về Luật Khám chữa bệnh	4		1,6	Phương pháp giảng dạy tích	Hoạt động nhóm	

					cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Động não Học dựa trên vấn đề	
4	Xây dựng được kế hoạch hoạt động Y tế	3		1,6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			Đánh giá	
		Đạt				Không đạt
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	Tính độc lập	95-100% số tiết trên lớp	85-94% số tiết trên lớp	80-84% số tiết trên lớp	<80% số tiết trên lớp	Nếu 1 trong 2 tiêu chí không đạt là không

Tham gia các bài kiểm tra và hoạt động	Tính độ lặp	Tham gia đầy đủ các hoạt động và hoàn thành mức đạt ở tất cả các bài kiểm tra	Không tham gia và thiếu bài kiểm tra hoặc bài kiểm tra không đạt	đạt điều kiện thi kết thúc học phần
--	-------------	---	--	-------------------------------------

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt			Không đạt	
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Hình thức	10%	Không lỗi chính tả, trình bày rõ ràng, sạch			nhiều lỗi chính tả, trình bày không rõ ràng	
Bố cục	10%	Đầy đủ các phần theo quy định			không theo quy định	
Tài liệu Tham khảo	10%	Phong phú, sắp xếp theo đúng quy định			Rất ít, sắp xếp không theo đúng quy định	
Nội dung Đặt vấn đề, mục tiêu (điều kiện tiên quyết phải đạt)	20%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu	
Phần giới thiệu mở đầu	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Các nội dung cân đối, phù hợp mục tiêu	30%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Thông tin phân tích có nguồn gốc	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	Điều kiện thi kết thúc học phần	Bài tập	Thảo luận xác định nội dung báo cáo	Điều kiện thi kết thúc học phần	2	1,2	Thảo luận nhóm và viết báo cáo của các nhân (mỗi SV theo một vấn đề sức khỏe riêng biệt)
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	100%	Điểm tiểu luận	Báo cáo theo chuyên đề	100%	3	1,2,3,4,5	Mỗi HV hoàn thành báo cáo theo chuyên đề

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

Điểm kết thúc học phần đạt khi điểm trung bình chung học phần đạt điểm từ 5.0 trở lên

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình Quản lý nhà nước về y tế (tài liệu lưu hành nội bộ).

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2014). Tài liệu đào tạo liên tục quản lý chất lượng bệnh viện. Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2016), *Các thực hành tốt quản lý chất lượng và an toàn người bệnh tại một số bệnh viện Việt Nam*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội 2016
3. Bộ Y tế (2014), *Quản lý nhà nước về Y tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
4. Quản lý 5S trong y tế.
5. Bộ Y tế (2016), *Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam*

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)



TS. Lưu Minh Châu

13. Tiến trình cập nhật đề cương

<p>Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i></p>	<p>Người cập nhật</p>
---	------------------------------

<p>Cập nhật đề cương chi tiết lần 2:</p> <p><i>Ngày/tháng/năm.</i></p>	<p>Người cập nhật</p>
--	------------------------------

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC

* Tiếng Anh: Medicinal Plant Resources

- Mã học phần/ mô đun: 213308

- Số tín chỉ: 02 LT/ 01 TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết

+ Thời gian tự học: 88 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Dược sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Nguyễn Duy Thuần	0913328031	thuanhvvd@gmail.com
2	PGS. TS. Phương Thiện Thương	0972872418	phuongthienthuong@yahoo.com

3	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy	0984398989	huyhup2010@gmail.com
4	TS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
5	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	ducloi82@gmail.com
6	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0965765929	hiennguyen.duochn@gmail.com
7	ThS. Nguyễn Phương Nhị	0986528142	nguyennhi212@gmail.com
8	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Phân tích được khái niệm của tài nguyên cây thuốc, các giá trị của tài nguyên cây thuốc, hiện trạng tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc; một số chính sách của Đảng và Nhà nước về tài nguyên cây thuốc ở Việt Nam
MT2	Phân tích được các nguyên tắc và phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP.
MT3	Vận dụng được kiến thức đã học vào phân tích, đánh giá, triển khai thực hiện việc bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc; thu hái, làm khô, bảo quản, đánh giá chất lượng và sử dụng dược liệu tại địa phương/ đơn vị
MT4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)
MT HP1	3			
MT HP2	3			
MT HP3		3	1	
MT HP4				3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Phân tích khái niệm của tài nguyên cây thuốc, các giá trị của tài nguyên cây thuốc, hiện trạng tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc; một số chính sách của Đảng và Nhà nước về tài nguyên cây thuốc ở Việt Nam
CLO2	Phân tích các nguyên tắc và phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP.
CLO3	Vận dụng kiến thức đã học vào phân tích, đánh giá, triển khai thực hiện việc bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc; thu hái, làm khô, bảo quản, đánh giá chất lượng và sử dụng dược liệu tại địa phương/ đơn vị
CLO4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
CLO 1			2										
CLO 2			2										
CLO 3			3	3	2	2	2	3					
CLO 4									2	2	2	2	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Tủ sấy
2	Tủ bảo quản mẫu tiêu bản/ dược liệu
3	Mẫu tiêu bản tươi/ khô/ mẫu dược liệu

4	Phòng thực hành trang bị máy chiếu/ màn hình
5	Cơ sở thực hành điều tra về TNCT (vườn quốc gia/ khu bảo tồn...)
6	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ mẫu cây thuốc/ vị thuốc/ dược liệu hoặc tranh ảnh, cơ sở dữ liệu về các cây thuốc, vị thuốc, nhóm thuốc trong chương trình giảng dạy
7	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, dung môi, hóa chất phục vụ kiểm tra, đánh giá các cây thuốc, vị thuốc trong chương trình giảng dạy.

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt quy trình thực hành trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Tài nguyên cây thuốc dành cho đối tượng Dược sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền, giữ vai trò trong việc cung cấp cho người học khái niệm, giá trị của tài nguyên cây thuốc, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên cây thuốc, một số chính sách về tài nguyên cây thuốc; trồng cây thuốc và thu hái dược liệu hoang dã theo tiêu chuẩn GACP.

Từ đó người học có thể nhận biết được tầm quan trọng của dược liệu và thuốc cổ truyền trong chăm sóc sức khỏe, vận dụng kiến thức đã học vào phân tích, đánh giá, triển

khai thực hiện việc bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc; thu hái, làm khô, bảo quản, đánh giá chất lượng và sử dụng dược liệu tại địa phương/ đơn vị.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khái niệm về TNCT - Giá trị của cây thuốc và nhu cầu sử dụng	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về khái niệm về TNCT; Giá trị của cây thuốc và nhu cầu sử dụng	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
2	Tài nguyên cây thuốc trên thế giới	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về hiện trạng TNCT trên thế giới	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
3	Tài nguyên cây thuốc ở Việt Nam	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về hiện trạng TNCT ở Việt Nam	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
4	Bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về các phương pháp bảo tồn TNCT	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
5	Bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc (tiếp)	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về các phương pháp bảo tồn TNCT	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
6	Các chính sách về tài nguyên cây thuốc	4/0/4	Trình bày và phân tích về một số chính sách của Đảng và Nhà nước về TNCT ở Việt Nam	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phản biện, nhận xét	
7	Trồng cây thuốc và thu hái dược liệu hoang dại theo tiêu chuẩn GACP	4/0/4	Vận dụng các kiến thức về các nguyên tắc và phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phản biện, nhận xét	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
8	Trồng cây thuốc và thu hái được liệu hoang dại theo tiêu chuẩn GACP (tiếp)	2/0/2	trọt, thu hái được liệu theo tiêu chuẩn GACP. Vận dụng các kiến thức về các nguyên tắc và phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP.	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phán biện, nhận xét	
9	Kiểm tra	0/2/2		CLO 1 CLO 2	Tự luận ngắn kết hợp trắc nghiệm khách quan	Làm bài kiểm tra theo yêu cầu	Bài kiểm tra thường xuyên
10	Tiểu luận kết thúc học phần	0/0/16		CLO 1 CLO 2			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1-7	Thực hành tài nguyên cây thuốc	27//0/30	- Vận dụng kiến thức đã học vào vào phân tích, đánh giá, triển khai thực hiện việc bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc	CLO 3 CLO 4	Các TTB theo yêu cầu	Bài tập nhóm/ nhân theo chủ đề	Làm bài tập nhóm/ cá nhân theo yêu cầu	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
8	Báo cáo thực hành	3 tiết	- Vận dụng kiến thức đã học vào vào phân tích, đánh giá, triển khai thực hiện việc thu hái, làm khô, bảo quản và đánh giá chất lượng và sử dụng dược liệu trong điều trị bệnh.	CLO 3 CLO 4		Báo cáo, thảo luận theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	Báo cáo theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ; mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Cấu thả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

Rubric 2 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO3	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung đúng hệ thống, logic	- Nội dung chuyên môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic	- Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống	Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống, logic	

Mức độ								
STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic - Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung không chính xác 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man

Mức độ								
STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
				- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề	- Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề	- Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề	- Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề	
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO4	1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên	1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Ít chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên	1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên

Rubric 3. Đánh giá tiêu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Nội dung	Đặt vấn đề	10%	CLO 1 CLO 2	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiêu luận và dài không quá 1,5 trang.	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt tương đối tốt để đưa ra được mục tiêu phù hợp tên tiêu luận và dài không quá 2 trang.	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt dễ đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.	Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.
	Tổng tài liệu	20%		Đáp ứng yêu cầu đầy đủ cả 3 nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và nước ngoài	- Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả 3 nội dung trình bày cơ bản đáp ứng yêu cầu	Trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu	- Thiếu hai nội dung hoặc - 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu
	Phương pháp, phương tiện tiên hành và kết quả	20%		Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác	- Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu; hoặc - 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu	Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu	- Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả hai nội dung không đáp ứng yêu cầu
	Kết quả	20%		Đáp ứng cả 4 nội dung đầy đủ và chính xác	Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc - cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3 nội dung đạt trên 75%	Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu	- Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc - Thiếu 2 nội dung

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng		
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm
				0 – 4,9 điểm		
Kết luận và đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, bàn luận ngắn gọn, logic, xác đáng - Thâu tóm được nội dung - Đề xuất đúng vấn đề 	10%		<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70% 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung Hoặc - Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu 	
	Tài liệu tham khảo	10%	<ul style="list-style-type: none"> - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định; Trích dẫn đủ số tài liệu > 20, trích dẫn đúng quy định về cách viết và vào phần nội dung tiêu chí, có cả tài liệu trong nước và nước ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Trích dẫn đúng quy định trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 10-20 	<ul style="list-style-type: none"> - Mắc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết tài liệu tham khảo sai quy định hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (<5) 	
Trình bày	<ul style="list-style-type: none"> - Format đúng quy định - Bảng biểu rõ ràng, chính xác - Lỗi chính tả: 	10%		<ul style="list-style-type: none"> - Format đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10 	<ul style="list-style-type: none"> - Format một vài chỗ chưa đúng quy định, - Bảng biểu rời mắt khó hiểu, - Lỗi chính tả 11-20 	<ul style="list-style-type: none"> - Format > 5 chỗ chưa đúng quy định, - Nhiều Bảng biểu rời mắt khó hiểu hoặc vẽ sai - Lỗi chính tả > 20

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	Báo cáo thực hành	100%	Rubric 1 Rubric 2	CLO3 CLO4	Theo KH bài giảng
Điểm kết thúc học phần	60%	Tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Rubric 3	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm tiểu luận kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết = điểm tiểu luận kết thúc học phần

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng = điểm báo cáo phần thực hành

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Thực vật - Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2023), *Tài nguyên cây thuốc*, Tài liệu lưu hành nội bộ

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2019), *Thông tư 19/2019/TT-BYT Quy định thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên*

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Đan Thị Thu Hương

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
KỸ THUẬT TRỒNG, THU HÁI VÀ CHẾ BIẾN CÂY THUỐC**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: KỸ THUẬT TRỒNG, THU HÁI VÀ CHẾ BIẾN CÂY THUỐC

* Tiếng Anh: Techniques for cultivating, harvesting and processing medicinal plants

- Mã học phần/ mô đun: 213309

- Số tín chỉ: 01 LT/ 01 TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết

+ Thời gian tự học: 53 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Dược sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Nguyễn Duy Thuần	0913328031	thuanhvdyd@gmail.com
2	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy	0984398989	huyhup2010@gmail.com

3	TS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
4	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0965765929	hiennguyen.duchoan@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Phương Nhi	0986528142	nguyennhi212@gmail.com
6	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Nắm vững được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc
MT2	Vận dụng các kiến thức đã học để xác định biện pháp kỹ thuật nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến cho một loại cây trồng cụ thể.
MT3	Thực hành được một số quy trình trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc điển hình
MT4	Có thái độ học tập, nâng cao trình độ chuyên môn theo yêu cầu của công tác và tham gia hướng dẫn, đào tạo các nhân viên khác thực hành tốt công tác nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)
MT HP1	2	2		
MT HP2	2	2		
MT HP3		3	1	
MT HP4				3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được sơ lược về cây dược liệu, cơ sở lý luận và đặc điểm chung của cây thuốc, đại cương kỹ thuật trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc

CLO2	Trình bày được cách nhân giống cây dược liệu và quy trình nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến một số cây điển hình
CLO3	Thực hành được một số quy trình trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc điển hình
CLO4	Có thái độ học tập, nâng cao trình độ chuyên môn theo yêu cầu của công tác và tham gia hướng dẫn, đào tạo các nhân viên khác thực hành tốt công tác nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
CLO 1			2										
CLO 2			2										
CLO 3			3	2				2					
CLO 4									2	2	2	2	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Tủ sấy, tủ đựng dụng cụ thí nghiệm, tủ hoá chất, dụng cụ
2	Tủ bảo quản giống
3	Giống cây thuốc: hạt, quả, cây con, cành, lá cây giống
4	Phòng thực hành trang bị máy chiếu/ màn hình
5	Các TTB phục vụ trồng cây thuốc: cân kỹ thuật, cân phân tích, cân hàm ẩm, cốc/bình/bồn trồng cây, tủ ủ ẩm có điều chỉnh được nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, ...
6	Đất, chất dinh dưỡng, phân bón, nước,... nuôi trồng cây giống

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Kỹ thuật trồng, thu hái và chế biến cây thuốc dành cho đối tượng Dược sĩ Chuyên khoa I là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ Chuyên khoa I, giữ vai trò trong việc cung cấp các kiến thức đại cương về kỹ thuật nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc, bao gồm Sơ lược về cây dược liệu, cơ sở lý luận và đặc điểm chung của cây thuốc, Đại cương kỹ thuật trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc, Nhân giống cây dược liệu và trồng trọt, thu hái và chế biến một số cây thuốc điển hình: Đinh lăng, Actiso, Ba kích.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Sơ lược về cây được liệu, cơ sở lý luận và đặc điểm chung của cây thuốc	3/0/3	Trình bày được sơ lược về cây được liệu, cơ sở lý luận và đặc điểm chung của cây thuốc	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
2	Đại cương kỹ thuật trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc	4/0/4	Tóm tắt đại cương kỹ thuật trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
3	Nhân giống cây được liệu	4/0/4	Trình bày được cách nhân giống cây được liệu	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
4	Nhân giống, thu hái trồng trọt, thu hái và chế biến một số cây được liệu: Đinh Lăng, Ba kích Actiso, Ba kích	4/0/4	Áp dụng nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến một số cây được liệu: Đinh lăng, Actiso, Ba kích	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phản biện, nhận xét	
5	Kiểm tra	0/2/2		CLO 1 CLO 2	Tự luận ngắn kết hợp trắc nghiệm khách quan	Làm bài kiểm tra theo yêu cầu	Bài kiểm tra thường xuyên
6	Tiểu luận kết thúc học phần	0/0/66		CLO 1 CLO 2			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1-7	Thực hành Thiết kế thí nghiệm và thực hiện quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc	27//0/30	Vận dụng được các kiến thức đã học để thiết kế quy trình nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc	CLO 3 CLO 4	Các TTB theo yêu cầu	Bài nhóm/ nhân theo chủ đề	Làm bài tập nhóm/ cá nhân theo yêu cầu	
8	Báo cáo thực hành	3 tiết		CLO 3 CLO 4		Báo cáo, thảo luận theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	Báo cáo theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Kết quả đúng, đầy đủ Lập luận logic	Kết quả đúng đến 85% Lập luận logic, chưa đầy đủ	Kết quả đúng đến 70% Có lập luận; chưa rõ logic	Kết quả đúng đến 55% Có lập luận; chưa logic	Kết quả đúng dưới 40% Lập luận sai, không lập luận	100%
Lập luận	30%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Cấu thả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	
Hình thức trình bày;	20%							

Rubric 2 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO3	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung đúng hệ thống, logic	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp	- Nội dung chuyên môn dẫn còn sai sót - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic	Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống, logic	Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống, logic

Mức độ								
STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic - Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung không chính xác 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	

Rubric 3. Đánh giá tiêu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Đặt vấn đề	<ul style="list-style-type: none"> - Ngắn gọn, rõ ràng - Phù hợp giữa mục tiêu và tên tiêu luận 	10%	CLO 1 CLO 2	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiêu luận và dài không quá 1,5 trang.	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt tương đối tốt để đưa ra được mục tiêu phù hợp tên tiêu luận và dài không quá 2 trang.	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt để đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.	Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.
				<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hóa được thông tin liên quan quan trọng: + Về cơ sở lý luận + Về thực tiễn trong nước + Về thực tiễn ngoài nước 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả 3 nội dung trình bày cơ bản đáp ứng yêu cầu 	Trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu hai nội dung hoặc - 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu
Phương pháp, phương tiện tiên tiến hành và kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp và tiện nghiên cứu - Phù hợp với mục tiêu - Tương đối chính xác 	20%		Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu; hoặc - 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu 	Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả hai nội dung không đáp ứng yêu cầu
				<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng cả 4 nội dung đầy đủ và chính xác 	Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc	Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc - Thiếu 2 nội dung

		Mức độ chất lượng			
		8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Tiêu chí	Nội dung yêu cầu				
	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, bản luận ngắn gọn, logic, xác đáng - Thâu tóm được nội dung - Đề xuất đúng vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70% 	<ul style="list-style-type: none"> Cả 2 nội dung đáp ứng yêu cầu trên 50% 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung Hoặc - Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu 	
Tiêu chí	Tài liệu tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định; Trích dẫn đủ số tài liệu > 20, trích dẫn đúng quy định về cách viết và vào phần nội dung tiêu chí, có cả tài liệu trong nước và nước ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> Trích dẫn đúng quy định trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 10-20 	<ul style="list-style-type: none"> Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 5-9 hoặc chỉ có tài liệu trong nước hoặc nước ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Mắc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết tài liệu tham khảo sai quy định hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (<5)
	Trình bày	<ul style="list-style-type: none"> - Trích dẫn đủ, đúng quy định - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> Format đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10 	<ul style="list-style-type: none"> Format một vài chỗ chưa đúng quy định, - Bảng biểu rời mắt khó hiểu, - Lỗi chính tả 11-20 	<ul style="list-style-type: none"> - Format > 5 chỗ chưa đúng quy định, - Nhiều Bảng biểu rời mắt khó hiểu hoặc vẽ sai - Lỗi chính tả > 20
CDR học phần					
Tỉ trọng		10%			
Nội dung yêu cầu		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, bản luận ngắn gọn, logic, xác đáng - Thâu tóm được nội dung - Đề xuất đúng vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70% 	<ul style="list-style-type: none"> Cả 2 nội dung đáp ứng yêu cầu trên 50% 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung Hoặc - Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	Báo cáo thực hành	100%	Rubric 1 Rubric 2	CLO3 CLO4	Theo KH bài giảng
Điểm kết thúc học phần	60%	Tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Rubric 3	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm tiểu luận kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết = điểm tiểu luận kết thúc học phần

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng = điểm báo cáo phần thực hành

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Thực vật - Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2023), *Kỹ thuật trồng, thu hái và chế biến cây thuốc*, Tài liệu lưu hành nội bộ

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2019), *Thông tư 19/2019/TT-BYT Quy định thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên*

[2] WHO (2003), *Hướng dẫn của Tổ chức Y tế thế giới về Thực hành tốt nuôi trồng và thu hái Dược liệu*.

[3] Nguyễn Minh Khởi (2013), *Kỹ thuật trồng cây thuốc*, NXB. Nông nghiệp

[4] Chu Thị Thơm, Phan Thị Lại, Nguyễn Văn Tó (2006), *Kỹ thuật trồng cây thuốc*, NXB. Lao động

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phan Thị Thu Hiền

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
KỸ THUẬT TRỒNG, THU HÁI VÀ CHẾ BIẾN CÂY THUỐC**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: KỸ THUẬT TRỒNG, THU HÁI VÀ CHẾ BIẾN CÂY THUỐC

* Tiếng Anh: Techniques for cultivating, harvesting and processing medicinal plants

- Mã học phần/ mô đun: 213309

- Số tín chỉ: 01 LT/ 01 TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 100 tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết

+ Thời gian tự học: 53 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Dược sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Nguyễn Duy Thuần	0913328031	thuanhvdyd@gmail.com
2	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy	0984398989	huyhup2010@gmail.com

3	TS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
4	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0965765929	hienguyen.duochn@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Phương Nhi	0986528142	nguyennhi212@gmail.com
6	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Nắm vững được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc
MT2	Vận dụng các kiến thức đã học để xác định biện pháp kỹ thuật nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến cho một loại cây trồng cụ thể.
MT3	Thực hành được một số quy trình trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc điển hình
MT4	Có thái độ học tập, nâng cao trình độ chuyên môn theo yêu cầu của công tác và tham gia hướng dẫn, đào tạo các nhân viên khác thực hành tốt công tác nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)
MT HP1	2	2		
MT HP2	2	2		
MT HP3		3	1	
MT HP4				3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được sơ lược về cây dược liệu, cơ sở lý luận và đặc điểm chung của cây thuốc, đại cương kỹ thuật trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc

CLO2	Trình bày được cách nhân giống cây dược liệu và quy trình nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến một số cây điển hình
CLO3	Thực hành được một số quy trình trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc điển hình
CLO4	Có thái độ học tập, nâng cao trình độ chuyên môn theo yêu cầu của công tác và tham gia hướng dẫn, đào tạo các nhân viên khác thực hành tốt công tác nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
CLO 1			2										
CLO 2			2										
CLO 3			3	2				2					
CLO 4									2	2	2	2	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Tủ sấy, tủ đựng dụng cụ thí nghiệm, tủ hoá chất, dụng cụ
2	Tủ bảo quản giống
3	Giống cây thuốc: hạt, quả, cây con, cành, lá cây giống
4	Phòng thực hành trang bị máy chiếu/ màn hình
5	Các TTB phục vụ trồng cây thuốc: cân kỹ thuật, cân phân tích, cân hàm ẩm, cốc/bình/bồn trồng cây, tủ ủ ẩm có điều chỉnh được nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, ...
6	Đất, chất dinh dưỡng, phân bón, nước,... nuôi trồng cây giống

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Kỹ thuật trồng, thu hái và chế biến cây thuốc dành cho đối tượng Dược sĩ Chuyên khoa I là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ Chuyên khoa I, giữ vai trò trong việc cung cấp các kiến thức đại cương về kỹ thuật nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc, bao gồm Sơ lược về cây dược liệu, cơ sở lý luận và đặc điểm chung của cây thuốc, Đại cương kỹ thuật trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc, Nhân giống cây dược liệu và trồng trọt, thu hái và chế biến một số cây thuốc điển hình: Đinh lăng, Actiso, Ba kích.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Sơ lược về cây được liệu, cơ sở lý luận và đặc điểm chung của cây thuốc	3/0/3	Trình bày được sơ lược về cây được liệu, cơ sở lý luận và đặc điểm chung của cây thuốc	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
2	Đại cương kỹ thuật trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc	4/0/4	Tóm tắt đại cương kỹ thuật trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
3	Nhân giống cây được liệu	4/0/4	Trình bày được cách nhân giống cây được liệu	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
4	Nhân giống, thu hái và chế biến một số cây được liệu: Đinh Lăng, Actiso, Ba kích	4/0/4	Áp dụng nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến một số cây được liệu: Đinh lăng, Actiso, Ba kích	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phân biện, nhận xét	
5	Kiểm tra	0/2/2		CLO 1 CLO 2	Tự luận ngắn kết hợp trắc nghiệm khách quan	Làm bài kiểm tra theo yêu cầu	Bài kiểm tra thường xuyên
6	Tiêu luận kết thúc học phần	0/0/66		CLO 1 CLO 2			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1-7	Thực hành Thiết kế thí nghiệm và thực hiện quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc	27//0/30	Vận dụng được các kiến thức đã học để thiết kế quy trình nhân giống, trồng trọt, thu hái và chế biến cây thuốc	CLO 3 CLO 4	Các TTB theo yêu cầu	Bài tập nhóm/ cá nhân theo chủ đề	Làm bài tập nhóm/ cá nhân theo yêu cầu	
8	Báo cáo thực hành	3 tiết		CLO 3 CLO 4		Báo cáo, thảo luận theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	Báo cáo theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu thả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

Rubric 2 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO3	- Nội dung chuyên môn đúng, đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung đúng hệ thống, logic	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp	- Nội dung chuyên môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic	Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống, logic	Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống, logic

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%	CLO 2 CLO 3	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

Rubric 2 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO3	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung đúng hệ thống, logic	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp	- Nội dung chuyên môn trích dẫn còn sai sót - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic	Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống	Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống, logic

Mức độ								
STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic - Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung không chính xác 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man

Mức độ								
STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên

Rubric 3. Đánh giá tiêu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Nội dung	Đặt vấn đề	10%	CLO 1 CLO 2	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiêu luận và dài không quá 1,5 trang.	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt tương đối tốt để đưa ra được mục tiêu phù hợp tên tiêu luận và dài không quá 2 trang.	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt để đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.	Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.
	Tổng tài liệu	20%		Đáp ứng yêu cầu đầy đủ cả 3 nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và nước ngoài	- Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả 3 nội dung trình bày cơ bản đáp ứng yêu cầu	Trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu	- Thiếu hai nội dung hoặc - 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu
Phương pháp, phương tiện tiên tiến hành và kết quả	Phương pháp và tiện nghi nghiên cứu	20%		Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác	- Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu; hoặc - 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu	Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu	- Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả hai nội dung không đáp ứng yêu cầu
	Kết quả	20%		Đáp ứng cả 4 nội dung đầy đủ và chính xác	Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc - cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3 nội dung đạt trên 75%	Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu	- Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc - Thiếu 2 nội dung

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng		
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm
Kết luận và đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, bàn luận ngắn gọn, logic, xác đáng - Thâu tóm được nội dung - Đề xuất đúng vấn đề 	10%		<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70% 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung Hoặc - Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu 	
	Tài liệu tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> - Trích dẫn đủ, đúng quy định - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài 	10%	<ul style="list-style-type: none"> - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định; Trích dẫn đủ số tài liệu > 20, trích dẫn đúng quy định về cách viết và vào phần nội dung tiêu chí, có cả tài liệu trong nước và nước ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 10-20 	<ul style="list-style-type: none"> - Mắc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết tài liệu tham khảo sai quy định hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (<5)
Trình bày	<ul style="list-style-type: none"> - Format đúng quy định - Bảng biểu rõ ràng, chính xác - Lỗi chính tả: 	10%		<ul style="list-style-type: none"> - Format đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10 	<ul style="list-style-type: none"> - Format một vài chỗ chưa đúng quy định, - Bảng biểu rời mắt khó hiểu, - Lỗi chính tả 11-20 	<ul style="list-style-type: none"> - Format > 5 chỗ chưa đúng quy định, - Nhiều Bảng biểu rời mắt khó hiểu hoặc vẽ sai - Lỗi chính tả > 20

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	Báo cáo thực hành	100%	Rubric 1 Rubric 2	CLO3 CLO4	Theo KH bài giảng
Điểm kết thúc học phần	60%	Tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Rubric 3	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm tiểu luận kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết = điểm tiểu luận kết thúc học phần

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng = điểm báo cáo phần thực hành

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Thực vật - Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2023), *Kỹ thuật trồng, thu hái và chế biến cây thuốc*, Tài liệu lưu hành nội bộ

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2019), *Thông tư 19/2019/TT-BYT Quy định thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên*

[2] WHO (2003), *Hướng dẫn của Tổ chức Y tế thế giới về Thực hành tốt nuôi trồng và thu hái Dược liệu*.

[3] Nguyễn Minh Khởi (2013), *Kỹ thuật trồng cây thuốc*, NXB. Nông nghiệp

[4] Chu Thị Thom, Phan Thị Lại, Nguyễn Văn Tó (2006), *Kỹ thuật trồng cây thuốc*, NXB. Lao động

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Thu Hiền

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
CHIẾT XUẤT DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: CHIẾT XUẤT DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN

* Tiếng Anh: Herbal and traditional medicines extraction

- Mã học phần/ mô đun: 213310

- Số tín chỉ: 02 LT/ 02 TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 200 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 60 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết

+ Thời gian tự học: 108 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Dược sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Nguyễn Duy Thuần	0913328031	thuanhvyd@gmail.com
2	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy	0984398989	huyhup2010@gmail.com

3	TS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
4	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0965765929	hiennguyen.duochn@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Phương Nhi	0986528142	nguyennhi212@gmail.com
6	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Phân tích được khái niệm chiết xuất, nguyên liệu chiết xuất, dung môi, bản chất quá trình chiết xuất, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền, xử lý bã dược liệu sau khi chiết.
MT2	Phân tích được các kỹ thuật chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền trong phòng thí nghiệm và trong công nghiệp, chiết xuất cao dược liệu, thuốc cổ truyền, cô đặc dịch chiết và tạo cao khô
MT3	Phân tích được phương pháp và quy trình chiết xuất một số dược liệu, thuốc cổ truyền
MT4	Thiết kế được các thí nghiệm và thực hiện được quy trình chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền
MT4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)
MT HP1	3			
MT HP2	3			
MT HP3	3			
MT HP4		3		
MT HP5				3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được khái niệm chiết xuất, nguyên liệu chiết xuất, dung môi, bản chất quá trình chiết xuất, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền, xử lý bã dược liệu sau khi chiết.
CLO2	Phân tích được các kỹ thuật chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền trong phòng thí nghiệm và trong công nghiệp, chiết xuất cao dược liệu, thuốc cổ truyền, cô đặc dịch chiết và tạo cao khô
CLO3	Phân tích được phương pháp và quy trình chiết xuất một số dược liệu, thuốc cổ truyền
CLO4	Thiết kế được các thí nghiệm và thực hiện được quy trình chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền
CLO5	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
CLO 1			3	3									
CLO 2			3	3									
CLO 3			3	3									
CLO 4								3					
CLO 5									2	2	2	2	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Tủ sấy, tủ hút, tủ đựng dụng cụ thí nghiệm, tủ hoá chất
2	Tủ bảo quản mẫu tiêu bản/ dược liệu

3	Mẫu tiêu bản tươi/ khô/ mẫu dược liệu
4	Phòng thực hành trang bị máy chiếu/ màn hình
5	Các TTB phục vụ chiết xuất dược liệu: cân kỹ thuật, cân phân tích, cân hàm ẩm, máy thái dược liệu, máy xay dược liệu, hệ thống bình ngưng, bình ngưng kiệt, hệ thống chiết hồi lưu, bồn cách thủy, bể siêu âm, máy chiết siêu âm, máy khuấy từ gia nhiệt, máy lọc hút chân không, ...
6	Các TTB phục vụ cô cao, bào chế sản phẩm trung gian từ dược liệu: máy cô quay chân không, bồn cách thủy, tủ sấy, máy sấy tầng sôi, ...
7	Các TTB phục vụ kiểm tra chất lượng trong quá trình chiết xuất và bào chế sản phẩm trung gian từ dược liệu: máy quang phổ UV-Vis, hệ thống sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao, hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao, ...
8	Các dụng cụ, dung môi, hoá chất thường quy

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền dành cho đối tượng Dược sĩ Chuyên khoa I là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ Chuyên khoa I, giữ vai trò trong việc cung cấp các kiến thức đại cương về chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền bao gồm nguyên lý chung, bản chất quá trình chiết xuất, nguyên liệu chiết xuất, các dung môi và các thông số đặc trưng trong quá trình chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền; các

phương pháp và thiết bị sử dụng trong phòng thí nghiệm và trong công nghiệp để chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền (các phương pháp chiết xuất dựa trên nguyên lý tạo cân bằng nồng độ, chiết siêu âm, chiết xung điện, chiết xuất ngấm kiệt, chiết xuất ngược dòng, chiết xuất lỏng – lỏng, chiết xuất dung môi siêu tốc, chiết xuất bằng khí hoá lỏng siêu tới hạn); các phương pháp cô đặc dịch chiết; các phương pháp sấy tạo cao khô.

Bên cạnh đó học phần cũng giới thiệu phương pháp chiết xuất một số dược liệu, thuốc cổ truyền để làm tài liệu tham khảo cho người học trong việc lựa chọn phương pháp và xây dựng quy trình chiết xuất theo định hướng yêu cầu.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (L/T/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương về chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền	8/0/8	Phân tích được khái niệm chiết xuất, nguyên liệu chiết xuất, dung môi, bản chất quá trình chiết xuất, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền, xử lý bã dược liệu sau khi chiết.	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
2	Kỹ thuật chiết xuất	8/0/8	Phân tích được các kỹ thuật chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền trong phòng thí nghiệm và trong công nghiệp.	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
3	Chiết xuất cao dược liệu, thuốc cổ truyền, cô đặc dịch chiết và tạo cao khô	4/0/4	Phân tích được nội dung, phương pháp, quy trình chiết xuất cao dược liệu, thuốc cổ truyền, cô đặc dịch chiết và tạo cao khô	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
4	Chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền	10/0/10	Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích phương pháp và quy trình chiết xuất một số dược liệu, thuốc cổ truyền	CLO 3	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phân biện, nhận xét	
5	Kiểm tra	0/2/2		CLO 1 CLO 2 CLO 3	Tự luận ngắn kết hợp trắc nghiệm khách quan	Làm bài kiểm tra theo yêu cầu	Bài kiểm tra thường xuyên
6	Tiểu luận kết thúc học phần	0/0/16		CLO 1 CLO 2			

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
				CLO 3			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1-7	Thực hành Thiết kế thí nghiệm và thực hiện quy trình chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền	56//0/60 Tự học	Vận dụng được các kiến thức đã học để thiết kế các thí nghiệm và thực hiện quy trình chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền	CLO 4 CLO 5	Các TTB theo yêu cầu	Bài tập nhóm/ nhân theo chủ đề	Làm bài tập nhóm/ cá nhân theo yêu cầu	
8	Báo cáo thực hành	4 tiết		CLO 4 CLO 5		Báo cáo, thảo luận theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	Báo cáo theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận
Hình thức trình bày;	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả lời; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;
							100%

Rubric 2 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ			Điểm
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	
1	Nội dung báo cáo	25%		- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng	- Nội dung chuyên môn	Nội dung chuyên môn chưa đúng, dẫn chưa phù hợp

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5-6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
2	Hình thức các slides	10%	CLO4	<p>đảm bảo trích dẫn phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đúng hệ thống, logic 	<p>đảm bảo trích dẫn phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<p>đúng, theo trích dẫn còn sai sót</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<p>Nội dung chưa theo hệ thống</p>	<p>trích dẫn chưa phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung chưa theo hệ thống, logic
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ không chính xác - Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO5	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ			
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm
							- Chưa đánh giá thành viên

Rubric 3. Đánh giá tiêu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Đặt vấn đề	<ul style="list-style-type: none"> - Ngắn gọn, rõ ràng - Phù hợp giữa mục tiêu và tên tiêu luận 	10%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiêu luận và dài không quá 1,5 trang.	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt tương đối tốt để đưa ra được mục tiêu phù hợp tên tiêu luận và dài không quá 2 trang.	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt để đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.	Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.
	Tổng tài liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hóa được thông tin liên quan trọng: + Về cơ sở lý luận + Về thực tiễn trong nước + Về thực tiễn ngoài nước 	20%		Đáp ứng yêu cầu đầy đủ cả 3 nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả 3 nội dung trình bày cơ bản đáp ứng yêu cầu 	Trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu
Phương pháp, phương tiện tiên tiến	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp và tiện - Phương nghiên cứu - Phù hợp với mục tiêu 	20%		Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung; phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu; hoặc 	Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả hai nội dung không đáp ứng yêu cầu

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
hành và kết quả	- Tương đối chính xác			- 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu			
	Kết quả - Đáp ứng được mục tiêu - Trung thực, đáng tin cậy - Minh chứng rõ ràng, chính xác - Nhận xét, bàn luận ngắn gọn, logic, xác đáng	20%		Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc - cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3 nội dung đạt trên 75%	Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu		- Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc - Thiếu 2 nội dung
Kết luận và đề xuất	- Thâu tóm được nội dung - Đề xuất đúng vấn đề	10%		- Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70%	Cả 2 nội dung đáp ứng yêu cầu trên 50%		- Thiếu 1 nội dung Hoặc - Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu
Tài liệu tham khảo	- Trích dẫn đủ, đúng quy định - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài	10%		Viết tài liệu tham khảo đúng quy định; Trích dẫn đủ số tài liệu > 20, trích dẫn đúng quy định về cách viết và vào phần nội dung tiêu chí, có cả tài liệu trong nước và nước ngoài	Trích dẫn đúng quy định trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 10-20.	Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 5-9 hoặc chỉ có tài liệu trong nước hoặc nước ngoài	- Mắc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết tài liệu tham khảo sai quy định hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (<5)

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CĐR học phân	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Trình bày	<ul style="list-style-type: none"> - Format đúng quy định - Bảng biểu rõ ràng, chính xác - Lỗi chính tả: 	10%		<p>Đúng và chính các cả 3 nội dung yêu cầu</p>	<p>Format đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Format một vài chỗ chưa đúng quy định, - Bảng biểu rời mắt khó hiểu, - Lỗi chính tả 11-20 	<ul style="list-style-type: none"> - Format > 5 chỗ chưa đúng quy định, - Nhiều Bảng biểu rời mắt khó hiểu hoặc vẽ sai - Lỗi chính tả > 20

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	Báo cáo thực hành	100%	Rubric 1 Rubric 2	CLO3 CLO4	Theo KH bài giảng
Điểm kết thúc học phần	60%	Tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Rubric 3	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm tiểu luận kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết = điểm tiểu luận kết thúc học phần

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng = điểm báo cáo phần thực hành

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Thực vật - Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2023), *Chiết xuất dược liệu, thuốc cổ truyền*, Tài liệu lưu hành nội bộ

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Viện Dược liệu (2008), *Kỹ thuật Chiết xuất dược liệu*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

2. Đỗ Quyên (2015), *Chiết xuất và phân lập hợp chất thiên nhiên*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
3. Bộ môn Công nghiệp dược – Trường ĐH Dược Hà Nội (2017), *Kỹ thuật Chiết xuất dược liệu – Giáo trình đào tạo Dược sĩ đại học*, NXB Y học, Hà Nội.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Thu Hương

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Kỹ thuật bào chế và xây dựng tiêu chuẩn vị thuốc, thuốc cổ truyền

Trình độ đào tạo: Chuyên khoa cấp I, Ngành: Dược học. Mã số đào tạo: CKI9720206

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Kỹ thuật bào chế và xây dựng tiêu chuẩn vị thuốc, thuốc cổ truyền

* Tiếng Anh: Preparation techniques and standard construction of traditional Pharmacy

- Mã học phần: CN-11

- Số tín chỉ: 8TC trong đó: LT 2; TH: 6 TC

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 120 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành: 90 tiết

+ Bài tập:..... tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết

+ Kiểm tra:.....tiết

+ Thời gian tự học:tiết

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Tài nguyên cây thuốc, Dược liệu

11

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	Ducloi82@gmail.com
2	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
4	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn		

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

MT kiến thức:

-Trình bày được các kiến thức cơ bản về bào chế vị thuốc Y học cổ truyền.

-Trình bày được các kiến thức cơ bản về tiêu chuẩn hóa vị thuốc Y học cổ truyền

MT Kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Bào chế được một số vị thuốc YHCT thông dụng

- Xây dựng được tiêu chuẩn của một số vị thuốc YHCT

- Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và bào chế, tiêu chuẩn hóa vị thuốc YHCT nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về bào chế vị thuốc Y học cổ truyền.
CLO2	Trình bày được các kiến thức cơ bản về tiêu chuẩn hóa vị thuốc Y học cổ truyền
CLO3	Bào chế được một số vị thuốc YHCT thông dụng
CLO4	Xây dựng được tiêu chuẩn của một số vị thuốc YHCT
CLO5	Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và bào chế, tiêu chuẩn hóa vị thuốc YHCT nói riêng.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	3	4	7	8	11	12	13	Ghi chú
CLO 1	3	3						Không đóng góp cho các PLO khác
CLO 2	3	3						
CLO 3			3	3				
CLO 4			3	3				
CLO 5					3	3	3	

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết:

VD: Máy chiếu, loa, mic, bảng, ...

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy vi tính/laptop, máy chiếu, loa, mic, phần mềm giảng online
2	Bài 1: Chảo gang, bếp đun, dầm sàng, dao cầu.
3	Bài 2: Soxhlet, nồi cách thủy, dao, bếp điện, khay inox, chày cối, bản mỏng silicagel, dụng cụ thủy tinh.
4	Bài 3: Chảo gang, bản mỏng silicagen, cối chày, máy xay, dầm, sàng, dao cầu
5	Bài 4: Tủ sấy, dao cầu, khay inox sấy máy xay, bộ rây, dụng cụ thủy tinh

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: theo quy định chung của Học viện
- Bài tập: chuẩn bị ở nhà
- Tự học: có thời gian học viên tự học tập nghiên cứu tài liệu.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: theo quy định chung của Học viện

7. Mô tả chung học phần

Học phần dành cho đối tượng Dược sĩ sau đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Dược liệu-Dược cổ truyền, cung cấp cho người học các nội dung về các phương pháp chế biến, kỹ thuật chế biến vị thuốc cổ truyền và phương pháp, kỹ thuật trong tiêu chuẩn hóa vị thuốc cổ truyền. Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại được các nhóm thuốc và vị thuốc cổ truyền, có kỹ năng chế biến các vị thuốc, một số dạng thuốc cổ truyền và xây dựng được tiêu chuẩn cho một số vị thuốc cổ truyền.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tuần 1	I. Đặc điểm và yêu cầu của việc sử dụng thuốc YHCT	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động nã/ học dựa trên vấn đề	Bài kiểm tra giữa kỳ
Tuần 2	II.Chế biến thuốc YHCT	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao	hoạt động nhóm/động	

	và ý nghĩa của việc chế biến				đổi dựa trên vấn đề	nã/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 3	III. Phương pháp và kỹ thuật chế biến vị thuốc cổ truyền	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động nã/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 4	IV. Tiêu chuẩn hóa vị thuốc cổ truyền	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động nã/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 5	V. Phương pháp và kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn vị thuốc cổ truyền	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động nã/ học dựa trên vấn đề	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tuần 2	Bài 1: sao thuốc	2	CLO 3,4	7,8,11, 12,13	Mục 2	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	Đánh giá kết quả các bài thực hành

Tuần 3	Bài 2: chích gừng một số được liệu	2	CLO 3,4	7,8,11, 12,13	Mục 3	Trao đôi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo
Tuần 4	Bài 3: Chích giấm một số được liệu	2	CLO 3,4	7,8,11, 12,13	Mục 4	Trao đôi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo
Tuần 5	Bài 4: chích một số phụ liệu khác với một số được liệu	2	CLO 3,4	7,8,11, 12,13	Mục 5	Trao đôi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo
Tuần 6	Xây dựng tiêu chuẩn vị thuốc	5	CLO 3,4, 5	7,8,11, 12,13	Mục 5	Trao đôi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/LS/KT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, lâm sàng, bài tập, thảo luận, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự <70% buổi học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuyên cần	CLO 5	10%	Đến đúng giờ quy định ----- Đến muộn trên 15 phút				
Chuẩn bị lý thuyết	CLO 2,3	20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu	CLO 4	50%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm, xử lý số liệu sai	
Kết quả TN và trả lời câu hỏi	CLO 4, 5	20%	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 50% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Hình thức	CLO 3, 4,5	10%	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định ----- Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định				
Bố cục	CLO 3,4,5	10%	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic ----- Không theo quy định, không lô-gic				
Tài liệu tham khảo	CLO 3, 4	10%	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức ----- Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức				
Nội dung chính 1:	CLO 3,4	30%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Nội dung chính 2:	CLO 3,4	20%					

Nội dung chính 3:	CLO 3,4	20%				
ĐIỂM TỔNG						

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CĐR của học phần (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	10 + 60	Điểm chuyên cần		10%		CLO5	
		Điểm thảo luận nhóm, bài tập lớn,					
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...		60%		CLO 1,2,3	
Thực hành	30	Điểm chuyên cần					
		Điểm bài thực hành		30%		CLO 3,4,5	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Tên Chủ đề (nội dung, chương...)	Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
	TNKQ	TNKQ	TNKQ	Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
				TNKQ	TNKQ	
Chủ đề 1: Đặc điểm và yêu cầu của việc sử dụng thuốc YHCT		Chuẩn KT, KN cần kiểm tra (Ch)				
<i>Số câu</i>		<i>Số câu: 20</i>	<i>Số câu 28</i>	<i>Số câu: 27</i>	<i>Số câu</i>	<i>Số câu: 75</i>

<i>Số điểm Tỷ lệ %</i>	<i>Số điểm:</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>điểm=.16.66%</i>
Chủ đề 2: Chế biến thuốc YHCT và ý nghĩa của việc chế biến					
<i>Số câu</i>	<i>Số câu: 41</i>	<i>Số câu: 108</i>	<i>Số câu: 40</i>	<i>Số câu</i>	<i>Số câu: 189</i>
<i>Số điểm Tỷ lệ %</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>điểm=.36,67..%</i>
Chủ đề 3: Phương pháp và kỹ thuật chế biến vị thuốc cổ truyền Phân loại TYHCT					
<i>Số câu</i>	<i>Số câu: 51</i>	<i>Số câu 107</i>	<i>Số câu: 43</i>	<i>Số câu</i>	<i>Số câu: 201</i>
<i>Số điểm Tỷ lệ %</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>... điểm=36,67%</i>
Chủ đề 4: Tiêu chuẩn hóa vị thuốc cổ truyền và kỹ thuật, phương pháp tiêu chuẩn hóa					
<i>Số câu</i>	<i>Số câu: 16</i>	<i>Số câu: 24</i>	<i>Số câu: 11</i>	<i>Số câu</i>	<i>Số câu: 51</i>
<i>Số điểm Tỷ lệ %</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số điểm</i>	<i>... điểm=.10,0%</i>
Tổng số câu	Số câu: 161	Số câu: 235	Số câu: 120		Số câu: 516
Tổng số điểm	Số điểm	Số điểm	Số điểm		Số điểm
Tỷ lệ %	15 %	70 %	15 %		

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2010), Một số chuyên đề thuốc cổ truyền, NXB Y học, Hà Nội
2. Bộ Y tế (2014), *Dược học cổ truyền* – Sách đào tạo Dược sỹ đại học, NXB Y học, Hà Nội
3. Bộ môn Dược học cổ truyền – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam – *Thực hành Dược cổ truyền* – Tài liệu lưu hành nội bộ.
4. Vũ Đức Lợi (2017), *Thực hành thực vật, dược liệu, dược cổ truyền*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đỗ Tất Lợi (2005), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học
2. Nguyễn Trung Hòa (2009), *Đông y toàn tập*, NXB Thuận Hóa
3. Phan Văn Chiêu (2009), *Đông Nam Dược Nghiệm phương*, NXB Thuận Hóa
4. Phạm Xuân Sinh (2010), *Một số chuyên đề thuốc cổ truyền*, NXB Y học
5. Viện Y học cổ truyền Việt Nam (1993), *Phương pháp bào chế và sử dụng đông dược*, NXB Y

học, Hà Nội

6. Viện trung y Bắc Kinh (1998), *Phương tế học giảng nghĩa*, NXB Y học (TS. Dương Trọng Hiếu dịch)

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng ... năm 202...

PHỤ TRÁCH KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Văn Quân

PGS.TS. Vũ Đức Lợi

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
KIỂM NGHIỆM DƯỢC LIỆU VÀ CÁC CHẾ PHẨM CÓ NGỒN GỐC DƯỢC LIỆU

13

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: **Kiểm nghiệm Dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu**

* Tiếng Việt: Kiểm nghiệm Dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu

* Tiếng Anh: Testing of medicinal herbs and herbal products

- Mã học phần/ mô đun: **213313**

- Số tín chỉ: 6,0 (1,0 LT/5,0 TH)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 300 tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 150 tiết

+ Kiểm tra: 5 tiết

+ Thời gian tự học: 130 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ hai - Chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Học phần học trước: Không

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất, Bộ môn Hóa Dược, Bộ môn Thực vật -Dược liệu.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Cao Sơn	0988683282	
2	TS Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
3	Ths Nguyễn Thị Vân Anh	0964541313	vananhchem.vutm@gmail.com
4	Ths Nguyễn Thị Phương Dung	0914610555	dsphuongdung@gmail.com
5	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Vận dụng được kiến thức về kiểm nghiệm dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu
MT HP2	Kiểm nghiệm được một số chỉ tiêu chất lượng dược liệu, bán thành phẩm và các dạng bào chế có nguồn gốc dược liệu cụ thể trên thị trường.
MT HP3	Có kỹ năng phân biệt, thuyết trình, viết báo cáo theo cá nhân và theo nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)	(4)
MT HP1	3	3	3	3
MT HP2	3	3	3	3
MT HP2	1	1	1	1

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Vận dụng được kiến thức về kiểm nghiệm dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu
CLO2	Kiểm nghiệm được một số chỉ tiêu chất lượng của dược liệu, bán thành phẩm, thành phẩm của các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO3	Có kỹ năng phân biệt, thuyết trình, viết báo cáo theo cá nhân và theo nhóm trong học tập

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
CLO 1		2	3					2	1	2			
CLO 2		2	3					2	1	2	2	2	3
CLO 3		2	3					2	1	2		2	3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)
2	Máy sắc ký bản mỏng hiệu năng cao (HPTLC)
3	Máy sắc ký khí (GC)
4	Cân phân tích
5	Cân kỹ thuật
6	Máy đo pH
7	Bể siêu âm
8	Bộ lọc hút chân không
9	Máy cất nước 1 lần
10	Máy cất nước 2 lần
12	Bộ triển khai sắc ký lớp mỏng
13	Máy UV-VIS
14	Máy đo độ rắn
15	Máy đo phân cực kế

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
16	Bộ dụng cụ đo tỷ trọng kế/ picnomet
17	Bộ sắc ký lớp mỏng (bình dm/ bản mỏng silicagel/bình phun thuốc thử)
18	Bộ thử độ trùng bằng phương pháp nuôi cấy vi sinh vật.

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Kiểm nghiệm dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu trang bị cho người học kiến thức về kiểm nghiệm dược liệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền và thuốc dược liệu; từ đó người học có thể phân tích quy trình và phương pháp kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm có nguồn gốc từ dược liệu phục vụ phát triển nghề nghiệp.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1/1	Chương 1: Đảm bảo chất lượng dược liệu, thuốc dược liệu và thuốc cổ truyền 1. Quy định về chất lượng dược liệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền 2. Quy định thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu	4/0/12	1. Trình bày được các quy định về việc lấy mẫu thuốc cổ truyền để kiểm nghiệm đối với cơ sở kiểm nghiệm và cơ sở inh doanh. 2. Hiểu được các quy định liên quan đến kiểm nghiệm dược liệu, vị thuốc và thuốc cổ truyền	CLO1	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 4. Hướng dẫn phân tự đọc	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi 2. Suy nghĩ - Trả lời; 3. Nghe, ghi chép, suy nghĩ - trả lời 4. Tự đọc phân [*]	Không

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
1/2	chuan khai thac duoc lieu tự nhiên	4/0/12	3. Trình bày được Tiêu chuẩn GACP – WHO và quy trình trồng được liệu theo tiêu chuẩn GACP	CLO1	Thảo luận nhóm	- Chuẩn bị nội dung thảo luận theo phân công - Trình chiếu slide thuyết trình vấn đề - Tham gia thảo luận, phản biện - Trả lời vấn đáp	Bài đánh giá thường xuyên số 1
	Chương 2: Các phương pháp kiểm nghiệm dùng trong kiểm nghiệm dược liệu, vị thuốc cổ truyền và thuốc cổ truyền 1. Kiểm nghiệm được liệu bằng phương pháp hiển vi 2. Kiểm nghiệm được liệu bằng		Hiệu được phương pháp kiểm nghiệm được liệu bằng phương pháp hiển vi, sắc ký,				

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
	phương pháp sắc ký						
2/1	3. Kiểm nghiệm được liệu bằng phương pháp quang phổ	2/0/6	Hiểu được phương pháp kiểm nghiệm được liệu bằng phương pháp quang phổ	CLO1	Thảo luận nhóm	- Chuẩn bị nội dung thảo luận theo phân công - Trình chiếu slide thuyết trình vấn đề - Tham gia thảo luận, phản biện - Trả lời vấn đáp	Bài đánh giá thường xuyên số 1
2/1	Chương 3: Kiểm nghiệm các dạng thuốc cổ truyền 1. Kiểm nghiệm thuốc dạng còn thuốc, rượu thuốc, chè thuốc.	2/0/6	Hiểu được kiểm nghiệm được thuốc dạng còn thuốc, rượu thuốc, chè thuốc.	CLO1	Thảo luận nhóm	- Chuẩn bị nội dung thảo luận theo phân công - Trình chiếu slide thuyết trình vấn đề - Tham gia thảo luận, phản biện	Bài đánh giá thường xuyên số 2

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
2/2	<p>2. Kiểm nghiệm thuốc dạng cao thuốc, thuốc hoàn, siro, thuốc dán thấm qua da và cao dán.</p>	3/0/9	1. Hiểu được kiểm nghiệm được thuốc dạng cao thuốc, thuốc hoàn, siro.	CLO1	Thảo luận nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời vấn đáp - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo phân công - Trình chiếu slide thuyết trình vấn đề - Tham gia thảo luận, phản biện - Trả lời vấn đáp 	<p>Bài đánh giá thường xuyên số 2</p>
	Tiểu luận	5,0 tiết					

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1/1 1/2 1/3	Bài 1: Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu của được liệu Diệp hạ châu đắng	15/0/5	Kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng 1. Vi phẫu 2. Bột 3. Định tính 4. Độ ẩm 5. Tro toàn phần 6. Tỷ lệ vụn nát 7. Chất chiết được trong DL 8. Định lượng	CLO2 CLO3		1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến	1. Chuẩn bị bài hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 1

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
2/1 2/2 2/3	Bài 2: Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu của Cao đặc Diệp hạ châu đắng	15/0/5	Kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng 1. Mô tả 2. Định tính 3. Mật khối lượng do làm khô 4. Tro toàn phần 5. Tro không tan trong HCl 6. Cặn không tan trong nước 7. pH 8. Kim loại nặng 9. Định lượng	CLO2 CLO3		trình thực hành 5. Ván đáp 1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến	1. Chuẩn bị bài hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 2

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
3/1	Bài 3: Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu của dược liệu Chè dây (Lá)	15/0/5	Kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng 1. Mô tả 2. Vi phẫu 3. Bột 4. Định tính 5. Độ ẩm 6. Tro toàn phần 7. Tạp chất 8. Kim loại nặng 9. Định lượng	CLO2 CLO3		trình thực hành 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 3
3/2								
3/3								

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
4/1 4/2 4/3	Bài 4: Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu của Cao khô Chè dây	15/0/5	Kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng 1. Mô tả 2. Định tính 3. Mật khối lượng do làm khô 4. Kim loại nặng 5. Tro sulfat 6. Giới hạn nhiễm khuẩn 7. Định lượng	CLO2 CLO3		trình thực hành 5. Vấn đáp	1. Chuẩn bị bài thực hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 4

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng day đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
5/1 5/2 5/3	Bài 5: Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu của tinh dầu quế	15/0/5	Kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng 1. Tính chất 2. Tỷ trọng 3. Chỉ số khúc xạ 4. Góc quay cực riêng 5. Định tính 6. Rosin 7. Kim loại nặng 8.. Định lượng	CLO2 CLO3		trình thực hành 5. Ván đáp 1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết ván đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến	1. Chuẩn bị bài hành 2.Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4.Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 5

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
6/1 6/2 6/3	Bài 6: Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu của tinh dầu trầm	15/0/5	Kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng 1. Tính chất 2. Tỷ trọng 3. Chỉ số khúc xạ 4. Góc quay cực riêng 5. Định tính 6. Giới hạn aldehyd 7. Kim loại nặng 8.. Định lượng	CLO2 CLO3		trình thực hành 5. Ván đáp 1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến	1. Chuẩn bị bài hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 6

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
7/1 7/2 7/3	Bài 7: Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu của được liệu ích mẫu	15/0/5	Kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng 1. Mô tả 2. Vi phẫu 3. Bột 4. Định tính 4. Độ ẩm 5. Tỷ lệ vụn nát 6. Tạp chất 7. Tro toàn phần 8. Tro không tan trong acid Chất chiết được trong được liệu 9. Định lượng	CLO2 CLO3		trình thực hành 5. Vấn đáp 1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến	1. Chuẩn bị bài thực hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 7

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
8/1 8/2 8/3	Bài 8: Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu của Cao đặc ích mẫu	15/0/5	Kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng 1. Mô tả 2. Định tính 3. Mất khối lượng do làm khô 4. Tro toàn phần 5. Tro không tan trong acid 6. Cấn không tan trong nước 7. pH 8. Định lượng	CLO2 CLO3		trình thực hành 5. Ván đáp 1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến	1. Chuẩn bị bài thực hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 8

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
9/1 9/2 9/3	Bài 9: Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu của Cao ích mẫu	15/0/5	Kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng 1. Tính chất 2. Định tính 3. Độ trong và độ đồng nhất 4. Tỷ trọng 5. Hàm lượng ethanol	CLO2 CLO3		trình thực hành 5. Vấn đáp 1. Thuyết trình ngắn kèm câu hỏi và kiểm tra nội dung thông tin lý thuyết đã học 2. Giải quyết vấn đề 3. Làm mẫu 4. Quan sát, theo dõi tiến	1. Chuẩn bị bài thực hành 2. Nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi 3. Quan sát 4. Tiến hành thực hành 5. Báo cáo kết quả thực hành	Đánh giá cho điểm bài 9

Tuần/ Buổi (6 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
10/1 10/2 10/3	Bài 10: Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho một số thuốc cổ truyền	15/0/40	Biết xây dựng TCCS cho một số thuốc cổ truyền	CLO2 CLO3		trình thực hành 5. Vấn đáp Thảo luận nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo công - Trình chiếu slide thuyết trình vấn đề - Tham gia thảo luận, phản biện - Trả lời vấn đáp 	Đánh giá cho điểm bài 10

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1. Đánh giá thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Mức độ				
			8,5 - 10 điểm	7,0 - 8,4 điểm	7,0 - 8,4 điểm	4,0 - 5,4 điểm	0 - 3,9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic
2	Hình thức các slides	10%	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi 	
3	Kỹ năng trình bày	25%	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít 	<ul style="list-style-type: none"> Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Mức độ			
			8,5 - 10 điểm	7,0 - 8,4 điểm	7,0 - 8,4 điểm	4,0 - 5,4 điểm
4	Trả lời câu hỏi	10%	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung không chính xác - Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Ít chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Giám sát thành viên

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Mức độ				
			8,5 - 10 điểm	7,0 - 8,4 điểm	7,0 - 8,4 điểm	4,0 - 5,4 điểm	0 - 3,9 điểm
			8,5 - 10 điểm - Đánh giá thành viên	7,0 - 8,4 điểm - Chưa đánh giá thành viên	7,0 - 8,4 điểm - Chưa đánh giá thành viên	4,0 - 5,4 điểm - Chưa đánh giá thành viên	0 - 3,9 điểm - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên

Rubric 2: Đánh giá bài tập thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm	
			8,5 - 10,0 điểm	6,5 - 8,4 điểm	4,0 - 6,4 điểm	0 - 3,9 điểm		
Thái độ tham dự	20	CLO 2 CLO 3	Tích cực nghe, quan ghi chép, quan sát, thực hiện việc thực hành đúng theo yêu cầu	Tích cực nghe, ghi chép, quan sát; thực hiện việc thực hành đúng theo yêu cầu còn sai sót nhỏ	Chưa chú ý nghe, ghi chép, quan sát; thực hiện việc thực hành đúng theo yêu cầu còn sai sót 1 vài bước quan trọng	Không chú ý nghe, ghi chép, quan sát; thực hiện việc thực hành còn cấu thả	100%	
Kết quả thực hành	40		Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đủ/Không đáp ứng yêu cầu		
	30		Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng		
Báo cáo thực hành	10		Đúng format và đúng hạn	Điểm tùy theo mức độ đáp ứng				

Rubric 3: Đánh giá Tiêu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ chất lượng			Điểm
				Giỏi 8.5-10	Khá 7.0-8.4	Trung bình 5.0-6.9	
Nội dung	Đặt vấn đề	10%	CLO1	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiêu luận và dài không quá 1,5 trang.	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt tương đối tốt để đưa ra được mục tiêu phù hợp tên luận và dài không quá 2 trang.	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt để đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.	Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.
	Tổng quan tài liệu	20%		Đáp ứng yêu cầu đầy đủ cả 3 nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và nước ngoài	- Thiếu 1 nội dung; hoặc - Cả 3 nội dung trình bày cơ bản đáp ứng yêu cầu	Trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu	- Thiếu hai nội dung; hoặc - 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu
	Phương pháp và nghiên cứu (chiếm 20% độ dài tiêu luận)	20%		Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác	- Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu; hoặc	Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu	- Thiếu 1 nội dung; hoặc - Cả hai nội dung không

		Mức độ chất lượng			Điểm	
		Giỏi 8.5 -10	Khá 7.0-8.4	Trung bình 5.0-6.9		Yếu 0-4.9
Tiêu chí	hành và kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với mục tiêu - Tương đối chính xác 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc - Thiếu 2 nội dung 	
	Kết luận và đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả - Đáp ứng được mục tiêu - Trung thực, đáng tin cậy - Minh chứng rõ ràng, chính xác - Nhận xét, bàn luận ngắn gọn, logic, xác đáng 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc - cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3 nội dung đạt trên 75% 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc - Thiếu 2 nội dung 	
Tài liệu tham khảo		<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung - Đề xuất đúng vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70% 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả 2 nội dung đáp ứng yêu cầu trên 50% 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung ; Hoặc - Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu 	
		<ul style="list-style-type: none"> - Trích dẫn đủ, đúng quy định 	<ul style="list-style-type: none"> - Trích dẫn đúng quy định trong đó có cả tài liệu tham khảo trong 	<ul style="list-style-type: none"> - Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong 	<ul style="list-style-type: none"> - Mắc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết 	

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ chất lượng			Điểm	
				Giỏi 8.5 -10	Khá 7.0-8.4	Trung bình 5.0-6.9		Yếu 0-4.9
	<ul style="list-style-type: none"> - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài 			số tài liệu > 20, trích dẫn đúng quy định về cách viết và vào phần nội dung tiêu chí, có cả tài liệu trong nước và nước ngoài	và ngoài nước với số lượng 10-20	đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 5-9 hoặc chỉ có tài liệu trong nước hoặc nước ngoài	tài liệu tham khảo sai quy định hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (<5)	
Trình bày	<ul style="list-style-type: none"> - Fomat đúng quy định - Bảng biểu rõ ràng, chính xác - Lỗi chính tả: 	10%	CLO3	Đúng và chính xác cả 3 nội dung yêu cầu	Fomat đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10	<ul style="list-style-type: none"> - Fomat một vài chỗ chưa đúng quy định, - Bảng biểu rời mắt khó hiểu, - Lỗi chính tả 11-20 	<ul style="list-style-type: none"> - Fomat > 5 chỗ chưa đúng quy định, - Nhiều Bảng biểu rời mắt khó hiểu hoặc viết sai - Lỗi chính tả > 20 	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Kiểm tra thường xuyên	Bài kiểm tra thường xuyên	100%	Rubric 1	CLO 1 CLO 3	Theo KH của bộ môn
Điểm lý thuyết	60%	Điểm báo cáo tiểu luận	Tiểu luận	100%	Rubric 3	CLO 1 CLO 3	Theo lịch thi của Học viện
Điểm thực hành	30%	Đánh giá các bài thực hành tại cơ sở thực hành/phòng thí nghiệm	Điểm trung bình cộng từng bài thực hành	100%	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5)

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

- [1] Bộ Y tế (2019), *Dược điển Việt Nam V*, Nhà xuất bản Y Học
- [2] Bộ Y tế (2016), *Luật dược năm 2016*
- [3] Bộ Y tế (2021), *Thông tư 38/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021*, Quy định về chất lượng dược liệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền
- [4] Bộ Y tế (2019), *Thông tư 19/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 7 năm 2019*, Quy định thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên

[5] Bộ Y tế (2018), *Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04 tháng 5 năm 2018*, Quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc

[6] Nguyễn Việt Thân (2003), *Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hiển vi*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Phạm Luận (2014), *Phương pháp phân tích sắc ký và chiết tách*, NXB Bách Khoa.

11. Hướng dẫn thực hiện


- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ môn đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

P. BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Văn Anh

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
---	-----------------------

Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
---	-----------------------

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
HỆ THỐNG HÓA CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT TRONG Y DƯỢC HỌC
CỔ TRUYỀN

Trình độ đào tạo: Chuyên Khoa I Ngành: Dược học Mã số đào tạo:

15

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Hệ thống hóa các quy định pháp luật trong Y Dược học cổ truyền

* Tiếng Anh: The systematization of legal provisions in Traditional Medicine and Pharmacy

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 2 (1,0 LT/1,0 TH)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 45 tiết

+ Lý thuyết: 15 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: 30 tiết

+ Bài tập:..... tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: tiết

- Đối tượng học : chuyên khoa 1

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước: Pháp chế dược, Dược cổ truyền, Bào chế 1 và 2

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Văn Quân	0975399782	quanphuongduoc@gmail.com
2	ThS Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
3			

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Trang bị kiến thức về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực Y Dược học cổ truyền, giúp người học hiểu và nắm rõ các quy định hiện hành, có thể áp dụng đúng vào trong thực tế công việc của mình.

- Kiến thức

MT1: Trình bày và phân tích được các loại văn bản theo các lĩnh vực khác nhau: phát triển nguồn nhân lực; phát triển dược liệu, bài thuốc; phát triển mạng lưới y tế liên quan tới YHCT; phát triển Hội đồng y và hành nghề YHCT, lương y, lương dược; chuẩn hóa sản xuất thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu, cung ứng, phân phối, đảm bảo chất lượng thuốc YHCT; xuất nhập khẩu thuốc YHCT; thanh tra hành nghề về YHCT.

MT2: Trình bày được đường lối chính sách và chiến lược phát triển YHCT ở Việt Nam hiện nay.

MT3: Trình bày được những văn bản pháp quy của Bộ Y tế ban hành liên quan tới lĩnh vực YHCT hiện nay: hệ thống y tế liên quan tới YHCT; hành nghề YHCT, lương y, lương dược, thuốc gia truyền; các thông tư quản lý thuốc YHCT; đấu thầu thuốc YHCT; các hoạt động liên quan tới cơ sở khám chữa bệnh bằng YHCT

- Kỹ năng

MT4: Thực hiện được phân loại thuốc kiểm soát đặc biệt có nguồn gốc dược liệu, các chế phẩm hóa dược được chiết xuất từ dược liệu.

MT5: Thực hiện được thực hành kê đơn thuốc có nguồn gốc dược liệu, thiết kế nhãn nguyên liệu và nhãn thuốc YHCT

MT6: Xây dựng được kế hoạch triển khai một văn bản pháp luật liên quan tới YHCT tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở kinh doanh thuốc YHCT.

MT7: Xây dựng được một văn bản liên quan tới hoạt động YHCT tại cấp cơ sở.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT8: Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ trong quá trình áp dụng các văn bản pháp quy vào việc phân loại và xây dựng kế hoạch triển khai một văn bản pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Hiểu và phân tích được các loại văn bản theo các lĩnh vực khác nhau: phát triển nguồn nhân lực; phát triển dược liệu, bài thuốc; phát triển mạng lưới y tế liên quan tới YHCT; phát triển Hội đồng y và hành nghề YHCT, lương y, lương dược; chuẩn hóa sản xuất thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu, cung ứng, phân phối, đảm bảo chất lượng thuốc YHCT; xuất nhập khẩu thuốc YHCT; thanh tra hành nghề về YHCT.
CLO2	Hiểu được đường lối chính sách và chiến lược phát triển YHCT ở Việt Nam hiện nay.
CLO3	Hiểu được những văn bản pháp quy của Bộ Y tế ban hành liên quan tới lĩnh vực YHCT hiện nay: hệ thống y tế liên quan tới YHCT; hành nghề YHCT, lương y, lương dược, thuốc gia truyền; các thông tư quản lý thuốc YHCT; đấu thầu thuốc YHCT; các hoạt động liên quan tới cơ sở khám chữa bệnh bằng YHCT
CLO4	Thực hiện được phân loại thuốc kiểm soát đặc biệt có nguồn gốc dược liệu, các chế phẩm hóa dược được chiết xuất từ dược liệu.
CLO5	Thực hiện được thực hành kê đơn thuốc có nguồn gốc dược liệu, thiết kế nhãn nguyên liệu và nhãn thuốc YHCT
CLO6	Xây dựng được kế hoạch triển khai một văn bản pháp luật liên quan tới YHCT tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở kinh doanh thuốc YHCT.

CLO7	Xây dựng được một văn bản liên quan tới hoạt động YHCT tại cấp cơ sở.
CLO8	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ trong quá trình áp dụng các văn bản pháp quy vào việc phân loại và xây dựng kế hoạch triển khai một văn bản pháp luật.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thực (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
CLO 1			2											
CLO 2			2											
CLO 3			2											
CLO 4						3	2		2					
CLO 5						3	2		2					
CLO6						3	2		2					
CLO7						3	2		2					
CLO8														2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo

Máy chiếu, máy tính / laptop, loa, mic...

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...

6.2. Yêu cầu đối với Học viên

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập/ thực hành/ thảo luận: Học viên chuẩn bị bài từng chương, làm bài tập đầy đủ, trau dồi kỹ năng làm việc nhóm để chuẩn bị bài thảo luận, tham gia đầy đủ các bài thực hành/ thảo luận.

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi lên lớp

- Tự học: Chủ động giờ tự học ở nhà

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tối thiểu 80% có mặt tham gia trên lớp học đối với lý thuyết và đạt 100% bài thực hành (seminar).

- Phải tham dự thi kết thúc học phần

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về marketing – marketing dược và quản lý thuốc có nguồn gốc dược liệu, đặc điểm triết học của thuốc dược liệu từ đó đưa ra các giải pháp ứng dụng trong thực hiện các chính sách marketing thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền. Khai thác những đặc trưng của marketing thuốc có nguồn gốc dược liệu để phân biệt với marketing thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
PHẦN I							
	<p>Chương 1: Văn kiện và văn bản pháp lý về YHCT từ 1945 đến nay MỞ BÀI</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Phân loại các văn bản theo các lĩnh vực khác nhau</p> <p>3. Phân tích các loại văn bản sau đây:</p> <p>3.1. Phát triển nguồn nhân lực</p> <p>3.2. Phát triển dược liệu, bài thuốc</p> <p>3.3. Phát triển mạng lưới y tế liên quan tới YHCT</p> <p>3.4. Phát triển Hội đồng y và hành nghề YHCT, lương y, lương dược.</p> <p>3.5. Chuẩn hóa sản xuất thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu, cung ứng, phân phối, đảm bảo chất lượng thuốc YHCT</p> <p>3.6. Xuất nhập khẩu thuốc YHCT</p> <p>3.7. Thanh tra hành nghề về YHCT</p> <p>KẾT LUẬN</p>	6	- Trình bày và phân tích được các loại văn bản theo các lĩnh vực khác nhau	CLO1	<p>Phương pháp thuyết trình;</p> <p>Phương pháp thảo luận nhóm;</p> <p>Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM...</p>	<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>	
	<p>Chương 2: Đường lối chính sách và chiến</p>	4	- Trình bày được	CLO2	<p>Phương pháp</p>	<p>Chuẩn bị bài trước cả</p>	

	<p>lược phát triển YHCT ở Việt Nam hiện nay</p> <p>MỞ BÀI</p> <p>1. Những nội dung trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng.</p> <p>2. Chính sách quốc gia về thuốc liên quan đến YHCT</p> <p>- Luật Dược</p> <p>- Nghị định Chính phủ</p> <p>3. Kết quả đã thực hiện</p> <p>KẾT LUẬN</p>		<p>đường lối chính sách và chiến lược phát triển YHCT ở Việt Nam hiện nay.</p>		<p>thuyết trình;</p> <p>Phương pháp thảo luận nhóm;</p> <p>Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM...</p>	<p>về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>	
	<p>Chương 3: Những văn bản pháp quy của Bộ Y tế ban hành liên quan tới lĩnh vực YHCT hiện nay</p> <p>MỞ BÀI</p> <p>1. Hệ thống y tế liên quan tới YHCT hiện nay.</p> <p>2. Văn bản pháp quy liên quan đến các lĩnh vực YHCT</p> <p>2.1. Hành nghề YHCT, lương y, lương dược, thuốc gia truyền</p> <p>2.2. Các thông tư quản lý thuốc YHCT (GACP, DM thuốc độc, cây độc, ...)</p> <p>2.3. Đăng ký lưu hành thuốc YHCT, quảng cáo thông tin thuốc</p> <p>2.4. Đấu thầu thuốc YHCT</p> <p>2.5. Hoạt động của các cơ sở khám chữa bệnh bằng YHCT (dùng thuốc, không dùng thuốc, dùng kết hợp thuốc hóa dược và thuốc YHCT, trang thiết bị</p>	<p>5</p>	<p>- Trình bày được những văn bản pháp quy của Bộ Y tế ban hành liên quan tới lĩnh vực YHCT hiện nay</p>	<p>CLO3</p>	<p>Phương pháp thuyết trình;</p> <p>Phương pháp thảo luận nhóm;</p> <p>Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM...</p>	<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>	

đầu tư cho khám chữa bệnh bằng YHCT)							
KẾT LUẬN							

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/ b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của người học	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bài 1: Phân loại thuốc kiểm soát đặc biệt có nguồn gốc dược liệu	4	Thực hiện được phân loại thuốc kiểm soát đặc biệt có nguồn gốc dược liệu, các chế phẩm hóa dược được chiết xuất từ dược liệu.	CLO4 CLO8	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	Phòng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết 4quả, phân 4biện	
2	Bài 2: Phân loại các chế phẩm hóa dược được	4	Thực hiện được việc phân loại các chế phẩm hóa dược	CLO4 CLO8	Máy chiếu, máy tính,	Phòng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết	Se4minar nhó4m, tự làm 4silde theo n4hóm, trìn4h bày báo4 cáo,	

	chiết xuất từ dược liệu		được chiết xuất từ dược liệu		phấn, bảng	quả trình bày	báo cáo kết quả, phản biện 1 sản phẩm cụ thể	
3	Bài 3: Thực hành kê đơn thuốc có nguồn gốc dược liệu	4	Thực hiện được thực hành kê đơn thuốc có nguồn gốc dược liệu	CLO5 CLO8	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	Phòng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phản biện 1 sản phẩm cụ thể	
4	Bài 4: Thiết kế nhãn nguyên liệu và nhãn thuốc YHCT	4	Thực hiện được việc thiết kế nhãn nguyên liệu và nhãn thuốc YHCT	CLO5 CLO8	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	Phòng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phản biện 1 sản phẩm cụ thể	
5	Bài 5: Xây dựng kế hoạch triển khai một văn bản pháp luật liên quan tới YHCT tại cơ sở khám chữa bệnh	4	Xây dựng được kế hoạch triển khai một văn bản pháp luật liên quan tới YHCT tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO6 CLO8	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	Phòng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phản biện 1 sản phẩm cụ thể	
6	Bài 6: Xây dựng kế hoạch triển khai một văn bản	4	Xây dựng được kế hoạch triển khai một văn bản pháp luật	CLO6 CLO8	Máy chiếu, máy tính,	Phòng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phản	

	pháp luật liên quan tới YHCT tại cơ sở kinh doanh thuốc YHCT		liên quan tới YHCT tại cơ sở kinh doanh thuốc YHCT.		phần, bảng	quả trình bày	biện 1 sản phẩm cụ thể	
7	Bài 7: Xây dựng một văn bản liên quan tới hoạt động YHCT tại cấp cơ sở	6	Xây dựng được một văn bản liên quan tới hoạt động YHCT tại cấp cơ sở	CLO7 CLO8	Máy chiếu, máy tính, phần, bảng	Phòng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phần biện 1 sản phẩm cụ thể	

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/LS/KT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, lâm sàng, bài tập, thảo luận, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, tìm trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	50	Điểm chuyên cần	Đi ít nhất 80% (10		CLO ...	
		Điểm thảo luận nhóm, bài tập lớn,	2 bài tối thiểu 4/10	30			
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	Tối thiểu 4/10	60			
Thực hành/ Lâm sàng	50	Điểm chuyên cần	Đi đủ 100%				
		Điểm bài thực hành/ lâm sàng	Đạt Tối thiểu 4/10 điểm				
		Điểm thi thực hành, lâm sàng	Đạt Tối thiểu 4/10 điểm				

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Bộ môn Quản lý & Kinh tế dược, Học viện YDHCT Việt Nam (2021), *Bài giảng Hệ thống hóa các quy định pháp luật trong YHCT*, Tài liệu lưu hành nội bộ

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược - Trường Đại học Dược Hà Nội (2013), *Pháp chế dược*

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/ MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BIÊN SOẠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/ tháng/ năm</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/ tháng/ năm</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Sử dụng thuốc cổ truyền điều trị một số bệnh thường gặp

Trình độ đào tạo: DSCKI, Ngành: Dược liệu-DHCT. Mã số đào tạo: DSCKI9720

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Sử dụng thuốc cổ truyền điều trị một số bệnh thường gặp

* Tiếng Anh: Using traditional Pharmacy to treat some common disease

- Mã học phần: CN-16

- Số tín chỉ: 6TC trong đó: LT 3; TH: 3 TC

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 90 tiết

+ Lý thuyết: 45 tiết

+ Thực hành: 45 tiết

+ Bài tập:..... tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết

+ Kiểm tra:.....tiết

+ Thời gian tự học:tiết

- Đối tượng học (năm thứ): DSCKI

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Tài nguyên cây thuốc, Dược liệu

16

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	Ducloi82@gmail.com
2	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
4	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn (PGS.TS. Trần Thị Thu Vân, PGS.TS. Đoàn Minh Thụy, TS. Nguyễn Tiến Chung...)		

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

MT kiến thức:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp theo nguyên tắc YHCT.

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về thuốc cổ truyền điều trị bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp theo nguyên tắc YHCT.

MT Kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Xác định được chỉ tiêu đánh giá bệnh.

- Xác định được thuốc cổ truyền thường dùng trong điều trị bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp theo nguyên tắc YHCT.

- Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và bào chế một số dạng thuốc YHCT nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về về bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp theo nguyên tắc YHCT.

CLO2	Trình bày được các kiến thức cơ bản về thuốc cổ truyền điều trị bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp theo nguyên tắc YHCT.
CLO3	Xác định được chỉ tiêu đánh giá bệnh các bệnh trên.
CLO4	Xác định được thuốc cổ truyền thường dùng trong điều trị bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp theo nguyên tắc YHCT.
CLO5	Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và bào chế các dạng thuốc YHCT nói riêng.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modul (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thực (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	3	4	7	8	11	12	13	Ghi chú
CLO 1	3	3						Không đóng góp cho các PLO khác
CLO 2	3	3						
CLO 3			3	3				
CLO 4			3	3				
CLO 5					3	3	3	

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết:

VD: Máy chiếu, loa, mic, bảng, ...

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy vi tính/laptop, máy chiếu, loa, mic, phần mềm giảng online
2	Các thuốc cổ truyền thường dùng điều trị bệnh nội tiết, tiêu hóa, hô hấp, xương khớp.

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: theo quy định chung của Học viện
- Bài tập: chuẩn bị ở nhà
- Tự học: có thời gian học viên tự học tập nghiên cứu tài liệu.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: theo quy định chung của Học viện

7. Mô tả chung học phần

Học phần dành cho đối tượng DS sau đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo DS chuyên khoa I ngành DL-DHCT, cung cấp cho người học các nội dung về các bệnh nội tiết, tiêu hóa, hô hấp, xương khớp và các thuốc cổ truyền điều trị các bệnh này. Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại được các nhóm thuốc và vị thuốc, dạng thuốc cổ truyền điều trị các bệnh trên, có kỹ năng sử dụng các vị thuốc, một số dạng thuốc cổ truyền trong điều trị các bệnh trên.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tuần 1	I. Đặc điểm bệnh nội tiết,	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao	hoạt động nhóm/động	Bài kiểm tra giữa kỳ

	tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp				đổi dựa trên vấn đề	nã/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 2	II. Các chỉ tiêu đánh giá các bệnh trên	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động nã/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 3	III. Các thuốc cổ truyền điều trị bệnh nội tiết	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động nã/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 4	IV. Các thuốc cổ truyền điều trị bệnh tiêu hóa	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động nã/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 5	IV. Các thuốc cổ truyền điều trị bệnh cơ xương khớp, hô hấp	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động nã/ học dựa trên vấn đề	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tuần	Bài 1:	2	CLO 3,4	7,8,11,	Mục 2	Trao	Thực	Đánh

2	Xác định các chỉ tiêu đánh giá bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp			12,13		đôi/hướng dẫn	hành/thảo luận nhóm/báo cáo	giá kết quả các bài thực hành
Tuần 3	Bài 2: Thuốc cổ truyền trong điều trị bệnh nội tiết	2	CLO 3,4	7,8,11, 12,13	Mục 3	Trao đôi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	
Tuần 4	Bài 3: Thuốc cổ truyền trong điều trị bệnh tiêu hóa	2	CLO 3,4	7,8,11, 12,13	Mục 4	Trao đôi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	
Tuần 5	Bài 4: Thuốc cổ truyền trong điều trị bệnh cơ xương khớp	2	CLO 3,4	7,8,11, 12,13	Mục 5	Trao đôi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	
Tuần 6	Bài 5: Thuốc cổ truyền trong điều trị bệnh hô hấp	5	CLO 3,4, 5	7,8,11, 12,13	Mục 5	Trao đôi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo	

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/LS/KT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, lâm sàng, bài tập, thảo luận, kiểm

tra của từng chương

- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR

- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.....).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự <70% buổi học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuyên cần	CLO 5	10%	Đến đúng giờ quy định ----- Đến muộn trên 15 phút				
Chuẩn bị lý thuyết	CLO 2,3	20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu	CLO 4	50%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm, xử lý số liệu sai	
Kết quả TN và trả lời câu hỏi	CLO 4, 5	20%	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 50% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Hình thức	CLO 3, 4,5	10%	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định	-----		Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định	
Bố cục	CLO 3,4,5	10%	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic	-----		Không theo quy định, không lô-gic	
Tài liệu tham khảo	CLO 3, 4	10%	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	-----		Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức	
Nội dung chính 1:	CLO 3,4	30%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Nội dung chính 2:	CLO 3,4	20%					
Nội dung chính 3:	CLO 3,4	20%					
ĐIỂM TỔNG							

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	10 + 60	Điểm chuyên cần		10%		CLO5	
		Điểm thảo luận nhóm, bài tập lớn,					
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...		60%		CLO 1,2,3	
Thực hành	30	Điểm chuyên cần					
		Điểm bài thực hành		30%		CLO 3,4,5	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần

Cấp độ Tên Chủ đề (nội dung, chương...)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
	TNKQ	TNKQ	TNKQ	TNKQ	
Chủ đề 1: Đặc điểm bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp	Chuẩn KT, KN cần kiểm tra (Ch)				
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 20 Số điểm:	Số câu 28 Số điểm	Số câu: 27 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 75 ... điểm=.16.66%
Chủ đề 2: Các chỉ tiêu đánh giá các bệnh trên					
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 41 Số điểm	Số câu: 108 Số điểm	Số câu: 40 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 189 ... điểm=.36,67..%
Chủ đề 3: Các thuốc cổ truyền thường dùng điều trị các bệnh nội tiết, tiêu hóa					
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 51 Số điểm	Số câu 107 Số điểm	Số câu: 43 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 201 ... điểm=36,67%
Chủ đề 4: Các thuốc cổ truyền thường dùng điều trị các bệnh cơ xương khớp, hô hấp					
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 16 Số điểm	Số câu: 24 Số điểm	Số câu: 11 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 51 ... điểm=.10,0%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 161 Số điểm 15 %	Số câu: 235 Số điểm 70 %	Số câu: 120 Số điểm 15 %		Số câu: 516 Số điểm

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm lý thuyết và Điểm thực hành theo bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2010), Một số chuyên đề thuốc cổ truyền, NXB Y học, Hà Nội
2. Bộ Y tế (2014), *Dược học cổ truyền* – Sách đào tạo Dược sỹ đại học, NXB Y học, Hà Nội
3. Bộ môn Dược học cổ truyền – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam – *Thực hành Dược cổ truyền* – Tài liệu lưu hành nội bộ.
4. Vũ Đức Lợi (2017), *Thực hành thực vật, dược liệu, dược cổ truyền*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đỗ Tất Lợi (2005), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học
2. Nguyễn Trung Hòa (2009), *Đông y toàn tập*, NXB Thuận Hóa
3. Phan Văn Chiếu (2009), *Đông Nam Dược Nghiệm phương*, NXB Thuận Hóa
4. Phạm Xuân Sinh (2010), *Một số chuyên đề thuốc cổ truyền*, NXB Y học
5. Viện Y học cổ truyền Việt Nam (1993), *Phương pháp bào chế và sử dụng đông dược*, NXB Y học, Hà Nội
6. Viện trung y Bắc Kinh (1998), *Phương tế học giảng nghĩa*, NXB Y học (TS. Dương Trọng Hiếu dịch)
7. Thuốc cổ truyền trong điều trị bệnh nội tiết, tiêu hóa, cơ xương khớp, hô hấp (TL lưu hành nội bộ)

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng ... năm 202...

PHỤ TRÁCH KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Văn Quân

PGS.TS. Vũ Đức Lợi



13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
---	-----------------------

<p>Cập nhật đề cương chi tiết lần 2:</p> <p><i>Ngày/tháng/năm.</i></p>	<p>Người cập nhật</p>
--	------------------------------

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền

Trình độ đào tạo: Chuyên khoa cấp I, Ngành: Dược học. Mã số đào tạo: CKI9720206

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền

* Tiếng Anh: Methods of building traditional remedies

- Mã học phần: CN-20

- Số tín chỉ: 4TC trong đó: LT 2; TH: 2 TC

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 60 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành: 30 tiết

+ Bài tập:..... tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết

+ Kiểm tra:.....tiết

+ Thời gian tự học:tiết

- Đối tượng học (năm thứ): 2

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Tài nguyên cây thuốc, chiết xuất Dược liệu, kỹ thuật bào

20

chế vị thuốc cổ truyền,....

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	Ducloi82@gmail.com
2	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
4	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn		

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

MT kiến thức:

-Trình bày được các kiến thức cơ bản về phương thuốc cổ truyền.

-Trình bày được các kiến thức cơ bản về xây dựng phương thuốc cổ truyền

MT Kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Xây dựng được một số phương thuốc cổ truyền

- Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và phương thuốc cổ truyền nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	-Trình bày được các kiến thức cơ bản về phương thuốc cổ truyền.
CLO2	-Trình bày được các kiến thức cơ bản về xây dựng phương thuốc cổ truyền
CLO3	- Xây dựng được một số phương thuốc cổ truyền
CLO4	- Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược học cổ truyền nói chung và phương thuốc cổ truyền nói riêng.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modul (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thực (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	3	4	7	8	11	12	13	Ghi chú
CLO 1	3	3						Không đóng góp cho các PLO khác
CLO 2	3	3						
CLO 3			3	3				
CLO 4			3	3	2	2	2	

6. Yêu cầu của học phần

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần:

6.1.1. Lý thuyết:

VD: Máy chiếu, loa, mic, bảng, ...

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy vi tính/laptop, máy chiếu, loa, mic, phần mềm giảng online
2	Chảo gang, bếp đun, dầm sàng, dao cầu.
3	Soxhlet, nồi cách thủy, dao, bếp điện, khay inox, chày cối, bản mỏng silicagel, dụng cụ thủy tinh.
4	Chảo gang, bản mỏng silicagen, cối chày, máy xay, dầm, sàng, dao cầu
5	Tủ sấy, dao cầu, khay inox sấy máy xay, bộ rây, dụng cụ thủy tinh

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: theo quy định chung của Học viện
- Bài tập: chuẩn bị ở nhà
- Tự học: có thời gian học viên tự học tập nghiên cứu tài liệu.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: theo quy định chung của Học viện

7. Mô tả chung học phần

Học phần dành cho đối tượng Dược sĩ sau đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Dược liệu-Dược cổ truyền, cung cấp cho người học các nội dung về các phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền. Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại được các bài thuốc và có kỹ năng tạo được phương thuốc cổ truyền.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tuần 1	I. Khái niệm phương thuốc cổ truyền	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	Bài kiểm tra giữa kỳ
Tuần 2	II. phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên	

					đề	vấn đề	
Tuần 3	III. Phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền (tiếp)	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 4	IV. Phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền (tiếp)	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	
Tuần 5	V. Phương pháp xây dựng phương thuốc cổ truyền (tiếp)	3	CLO 1, 2	3, 4	Thuyết trình/trao đổi dựa trên vấn đề	hoạt động nhóm/động não/ học dựa trên vấn đề	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (.... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tuần 2	Bài 1: Xây dựng phương thuốc theo nhóm bệnh 1	2	CLO 3,4	7,8,11, 12,13	Mục 2	Trao đổi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luyện nhóm/báo cáo	Đánh giá kết quả các bài thực hành
Tuần	Bài 2:	2	CLO 3,4	7,8,11,	Mục 3	Trao	Thực	

3	Xây dựng phương thuốc theo nhóm bệnh 2			12,13		đôi/hướng dẫn	hành/thảo luận nhóm/báo cáo
Tuần 4	Bài 3: Xây dựng phương thuốc theo nhóm bệnh 3	2	CLO 3,4	7,8,11, 12,13	Mục 4	Trao đôi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo
Tuần 5	Bài 4: Xây dựng phương thuốc theo nhóm bệnh 4	2	CLO 3,4	7,8,11, 12,13	Mục 5	Trao đôi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo
Tuần 6	Xây dựng phương thuốc theo nhóm bệnh 5	5	CLO 3,4, 5	7,8,11, 12,13	Mục 5	Trao đôi/hướng dẫn	Thực hành/thảo luận nhóm/báo cáo

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/LS/KT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, lâm sàng, bài tập, thảo luận, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự 80-90% buổi học	Tham dự 70-80% buổi học	Tham dự <70% buổi học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Chuyên cần	CLO 5	10%	Đến đúng giờ quy định ----- Đến muộn trên 15 phút				
Chuẩn bị lý thuyết	CLO 2,3	20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 50% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 50% số câu hỏi	
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu	CLO 4	50%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm, xử lý số liệu sai	
Kết quả TN và trả lời câu hỏi	CLO 4, 5	20%	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 50% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG							

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Hình thức	CLO 3, 4,5	10%	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định ----- Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định				

Bộ cục	CLO 3,4,5	10%	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic	-----	Không theo quy định, không lô-gic	
Tài liệu tham khảo	CLO 3,4	10%	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	-----	Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức	
Nội dung chính 1:	CLO 3,4	30%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu
Nội dung chính 2:	CLO 3,4	20%				
Nội dung chính 3:	CLO 3,4	20%				
ĐIỂM TỔNG						

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CĐR của học phần (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	10 + 60	Điểm chuyên cần		10%		CLO5	
		Điểm thảo luận nhóm, bài tập lớn,					
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...		60%		CLO 1,2,3	
Thực hành	30	Điểm chuyên cần					
		Điểm bài thực hành		30%		CLO 3,4,5	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Cộng
--------	-----------	------------	----------	------

Tên Chủ đề (nội dung, chương...)			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
	TNKQ	TNKQ	TNKQ	TNKQ	
Chủ đề 1: Đặc điểm và yêu cầu của việc sử dụng thuốc YHCT	Chuẩn KT, KN cần kiểm tra (Ch)				
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 20 Số điểm:	Số câu 28 Số điểm	Số câu: 27 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 75 ... điểm=.16.66%
Chủ đề 2: Chế biến thuốc YHCT và ý nghĩa của việc chế biến					
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 41 Số điểm	Số câu: 108 Số điểm	Số câu: 40 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 189 ... điểm=.36,67..%
Chủ đề 3: Phương pháp và kỹ thuật chế biến vị thuốc cổ truyền Phân loại TYHCT					
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 51 Số điểm	Số câu 107 Số điểm	Số câu: 43 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 201 ... điểm=36,67%
Chủ đề 4: Tiêu chuẩn hóa vị thuốc cổ truyền và kỹ thuật, phương pháp tiêu chuẩn hóa					
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 16 Số điểm	Số câu: 24 Số điểm	Số câu: 11 Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu: 51 ... điểm=.10,0%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 161 Số điểm 15 %	Số câu: 235 Số điểm 70 %	Số câu: 120 Số điểm 15 %		Số câu: 516 Số điểm

9.5. Điểm học phần

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2010), Một số chuyên đề thuốc cổ truyền, NXB Y học, Hà Nội
2. Bộ Y tế (2014), *Dược học cổ truyền* – Sách đào tạo Dược sỹ đại học, NXB Y học, Hà Nội
3. Bộ môn Dược học cổ truyền – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam – *Thực hành Dược cổ*

truyền – Tài liệu lưu hành nội bộ.

4. Vũ Đức Lợi (2017), *Thực hành thực vật, dược liệu, dược cổ truyền*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Đỗ Tất Lợi (2005), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học
2. Nguyễn Trung Hòa (2009), *Đông y toàn tập*, NXB Thuận Hóa
3. Phan Văn Chiêu (2009), *Đông Nam Dược Nghiệm phương*, NXB Thuận Hóa
4. Phạm Xuân Sinh (2010), *Một số chuyên đề thuốc cổ truyền*, NXB Y học
5. Viện Y học cổ truyền Việt Nam (1993), *Phương pháp bào chế và sử dụng đông dược*, NXB Y học, Hà Nội
6. Viện trung y Bắc Kinh (1998), *Phương tế học giảng nghĩa*, NXB Y học (TS. Dương Trọng Hiếu dịch)

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng ... năm 2022

PHỤ TRÁCH KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Văn Quân

PGS.TS. Vũ Đức Lợi

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
---	-----------------------

Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
---	-----------------------

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
THỰC HÀNH TỐT TRONG SẢN XUẤT, CUNG ỨNG THUỐC Y HỌC CỔ
TRUYỀN VÀ MARKETING DƯỢC THUỐC THẢO DƯỢC

Trình độ đào tạo: Dược sĩ chuyên khoa cấp 1 Ngành: Dược học Mã số đào tạo:

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Thực hành tốt trong sản xuất, cung ứng thuốc YHCT và marketing dược thuốc thảo dược

* Tiếng Anh: Good practices in drug manufacturing, supply of traditional medicine and marketing of herbal medicines.

- Mã học phần/ mô đun: PHAR

- Số tín chỉ: 4 (2LT/20,0 TH)

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 90 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng: tiết

+ Bài tập:..... tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 60 tiết

+ Kiểm tra: tiết

+ Thời gian tự học: tiết

- Đối tượng học : Chuyên khoa I

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

						□
--	--	--	--	--	--	---

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Pháp chế Dược, Quản lý và kinh tế dược

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Văn Quân	0975399782	quanphuongduoc@gmail.com
2	ThS Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Trang bị kiến thức cho sinh viên về các GPs trên cơ sở qui định của pháp luật, văn bản chuyên môn; Người học hiểu và nắm được những nội dung cơ bản của GMP, GSP, GPP, GLP, GDP. Ngoài ra, học phần này sẽ cung cấp các kiến thức liên quan đến marketing thuốc thảo dược.

Cụ thể:

+ *Kiến thức:*

MT1. Hiểu và vận dụng được các nội dung của GLP, GSP, GDP, GPP.

MT2. Hiểu được nguyên tắc thiết kế kho thuốc, sắp xếp hàng hóa trong kho thuốc, phòng chống cháy, nổ trong kho thuốc.

MT3. Hiểu được nguyên tắc bảo quản nguyên liệu, thành phẩm thuốc, dụng cụ y tế và các dược liệu khô.

MT4. Hiểu được các qui định của GMP liên quan đến nhà xưởng, thiết bị, nhân sự, hồ sơ và qui trình trong quá trình sản xuất và bảo quản thuốc tại nhà máy sản xuất dược phẩm. MT5.

Hiểu được về các mô hình tổ chức và quản lý nhà nước về dược; các mô hình công ty, sản xuất kinh doanh thuốc; mô hình quản lý chất lượng thuốc liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.

MT5: Xây dựng các hồ sơ về GPs

MT6: Trình bày được các hoạt động trong marketing thuốc thảo dược

+ *Kỹ năng:*

MT7. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc và dụng cụ y tế trong quá trình tồn trữ.

MT8. Quản lý được các quy trình thao tác chuẩn trong sản xuất, kiểm nghiệm, phân phối, bán lẻ thuốc, hóa chất dụng cụ y tế.

MT9. Thực hiện được các quy định về thực hành trong các lĩnh vực quản lý chất lượng thuốc, thông tin thuốc và đăng ký thuốc.

MT10: Thực hiện được việc đưa những hoạt động marketing cụ thể cho một thuốc thảo dược
+ *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT11. Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các nguyên tắc GPs nhằm đảm bảo tính chính xác, cẩn thận khi hành nghề dược.

MT12. Áp dụng được những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, thực
Có trách nhiệm làm việc nhóm, phản biện, chủ động và trách nhiệm khi thực hiện GPs và marketing thuốc thảo dược.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Hiểu và vận dụng được các nội dung của GLP, GSP, GDP, GPP
CLO2	Hiểu được nguyên tắc thiết kế kho thuốc, sắp xếp hàng hóa trong kho thuốc, phòng chống cháy, nổ trong kho thuốc.
CLO3	Hiểu được nguyên tắc bảo quản nguyên liệu, thành phẩm thuốc, dụng cụ y tế và các dược liệu khô.
CLO4	Hiểu được các quy định của GMP liên quan đến nhà xưởng, thiết bị, nhân sự, hồ sơ và qui trình trong quá trình sản xuất và bảo quản thuốc tại nhà máy sản xuất dược phẩm.
CLO5	Hiểu được về các mô hình tổ chức và quản lý nhà nước về dược; các mô hình công ty, sản xuất kinh doanh thuốc; mô hình quản lý chất lượng thuốc liên quan đến hoạt động nghề nghiệp
CLO 6	Hiểu biết kiến thức về marketing và marketing dược, nguồn lực marketing, quản trị kế hoạch marketing; Phân tích được các đặc trưng của thuốc thảo dược và thị trường thuốc thảo dược để Ứng dụng được các chính sách marketing và marketing dược vào marketing thuốc thảo dược với hiệu quả xác định được
CLO7	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc và dụng cụ y tế trong quá trình tồn trữ.

CLO8	Quản lý được các quy trình thao tác chuẩn trong sản xuất, kiểm nghiệm, phân phối, bán lẻ thuốc, hóa chất dụng cụ y tế.
CLO9	Thực hiện được các qui định về thực hành trong các lĩnh vực quản lý chất lượng thuốc, thông tin thuốc và đăng ký thuốc và marketing thuốc thảo dược
CLO10	Vận dụng các hiểu biết về văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới lĩnh vực dược tại cơ sở khám chữa bệnh, thể hiện kỹ năng chuẩn bị các bản báo cáo khoa học, cách thức trình bày, báo cáo, thảo luận, phản biện dễ hiểu và truyền cảm và sáng tạo.
CLO11	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các nguyên tắc GPs nhằm đảm bảo tính chính xác, cẩn thận khi hành nghề dược
CLO12	Áp dụng được những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người cán bộ y tế trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thực (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
CLO 1			2	2										
CLO 2			2	2										
CLO3			2	2										
CLO 4			2	2										
CLO 5			2	2										
CLO6			2	2										
CLO7						2			2					
CLO8						2			2					
CLO9						2			2					
CLO10										2				2
CLO11										2				2
CLO12										2				2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo

Máy chiếu, máy vi tính/ laptop, loa, mic...

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.2. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập/ thực hành/ thảo luận: Sinh viên chuẩn bị bài từng chương, làm bài tập đầy đủ, trau dồi kỹ năng làm việc nhóm để chuẩn bị bài thảo luận, tham gia đầy đủ các bài thực hành/ thảo luận. Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi lên lớp

- Tự học: Chủ động giờ tự học ở nhà

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tối thiểu 80% có mặt tham gia trên lớp học, thực hành, thảo luận phải tham dự đủ 100% bài thực hành, thảo luận.

- Phải tham dự thi kết thúc học phần

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Gồm 6 bài. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc, các tiêu chuẩn bắt buộc cần phải đạt được đối với một doanh nghiệp, một công ty trong lĩnh vực sản xuất, bảo quản dược phẩm. Đồng thời người học cũng sẽ nắm bắt được các yếu tố có tác động xấu ảnh hưởng đến chất lượng thuốc, và các biện pháp khắc phục hạn chế sự tác động của các yếu tố này.

Mặt khác, học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về marketing – marketing dược và quản lý thuốc có nguồn gốc dược liệu, đặc điểm triết học của thuốc dược liệu từ đó đưa ra các giải pháp ứng dụng trong thực hiện các chính sách marketing thuốc dược liệu, thuốc

cổ truyền. Khai thác những đặc trưng của marketing thuốc có nguồn gốc dược liệu để phân biệt với marketing thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương) / chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1. NGUYÊN TẮC “THỰC HÀNH TỐT SẢN XUẤT THUỐC”	3	Hiểu biết về mục đích, vai trò và nguyên tắc xây dựng danh mục thuốc	CLO1 CLO4 CLO8 CLO1 0 CLO1 1 CLO1 2	Phương pháp thuyết trình; Phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp	
2	Bài 2. NGUYÊN TẮC “THỰC HÀNH TỐT PHÒNG KIỂM NGHIỆM THUỐC”	3	Hiểu biết được các tiêu chí và căn cứ để lựa chọn thuốc vào danh mục	CLO1 CLO5 CLO7 CLO8 CLO9 CLO1 0 CLO1 1 CLO1 2	Phương pháp thuyết trình; Phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp	

3	Bài 3. NGUYỄN TẮC “THỰC HÀNH TỐT BẢO QUẢN THUỐC”	3	Phân tích được các phương pháp phân tích danh mục thuốc	CLO1 CLO2 CLO3 CLO7 CLO1 0 CLO1 1 CLO1 2	Phương pháp thuyết trình; Phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp	
4	Bài 4. NGUYỄN TẮC “THỰC HÀNH TỐT PHÂN PHỐI THUỐC”	3	Hiểu biết về nhu cầu thuốc, các yếu tố ảnh hưởng tới nhu cầu thuốc và phân tích được các phương pháp xác định nhu cầu thuốc	CLO1 CLO2 CLO4 CLO7 CLO1 0 CLO1 1 CLO1 2	Phương pháp thuyết trình; Phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp	
5	Bài 5. NGUYỄN TẮC “THỰC HÀNH TỐT NHÀ THUỐC”	3	Phân tích được lựa chọn thuốc vào danh mục thuốc theo nhóm tác dụng được lý	CLO1 CLO2 CLO9 CLO4 CLO1 0 CLO1 1 CLO1 2	Phương pháp thuyết trình; Phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp	
PHẦN 2							

6	<p>Chương 6: Marketing và Marketing Dược MỞ BÀI 1. Đại cương marketing và marketing dược 2. Các nguồn lực marketing 3. Quản trị marketing 3.1. Các phân tích quản trị 3.2. Các yếu tố trong quản trị doanh nghiệp ảnh hưởng tới marketing 3.3. Xây dựng kế hoạch marketing KẾT LUẬN</p>	4	Hiểu biết để lập báo cáo thuyết trình được về vai trò của dược sĩ nhà thuốc, kỹ năng giao tiếp và quản lý chất lượng dịch vụ dược tại nhà thuốc	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	Phương pháp thuyết trình; Phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp	
7	<p>Chương 7: THUỐC NGUỒN GỐC TỰ NHIÊN MỞ BÀI 1. Đặc điểm 2. Các nhóm thuốc từ dược liệu 3. Thị trường dược liệu và thuốc dược liệu 4. Thuốc cổ truyền 4.1. Quan điểm triết học 4.2. Quản lý nhà nước về Thuốc cổ truyền và thuốc dược liệu KẾT LUẬN</p>	4		CLO1 CLO4 CLO5	Phương pháp thuyết trình; Phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....	Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp	

8	<p>Chương 8: PHÁT TRIỂN CÁC CHÍNH SÁCH MARKETING TRONG KINH DOANH THUỐC THẢO DƯỢC MỞ BÀI</p> <p>1. Chính sách sản phẩm 2. Chính sách giá 3. Chính sách phân phối 4. Chính sách xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh 4.1. Quảng cáo 4.2. Tổ chức sự kiện 4.3. Xây dựng thương hiệu 4.4. Bán hàng cá nhân 4.5. Truyền miệng 4.6. Khuyến mại, chiết khấu 4.7. Thương mại điện tử 5. Các chính sách khác 6. Phân biệt marketing thuốc có nguồn gốc dược liệu với marketing thực phẩm bảo vệ sức khỏe.</p> <p>KẾT LUẬN</p>	4		CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	<p>Phương pháp thuyết trình; Phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....</p>	<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>	<p>Kiểm tra định kỳ + Hình thức: Tự luận, tham gia thảo luận, kiểm tra 45 phút, nộp bài tập lớn + Thời điểm: (sau khi kết thúc chương 2) + Hệ số 2</p>
9	<p>Chương 9: ĐO LƯỜNG KẾT QUẢ MARKETING MỞ BÀI</p> <p>1. Các chỉ báo đo lường 2. Công cụ đo lường</p>	3		CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	<p>Phương pháp thuyết trình; Phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp giảng dạy online</p>	<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng</p>	

	3. Phương pháp đo lường 4. Hiệu quả của marketing KẾT LUẬN				sử dụng LMS, ZOOM....	sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp	
--	--	--	--	--	-----------------------------	--	--

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/L S/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của người học	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Xây dựng hồ sơ sản xuất tốt thuốc viên	4	Trang bị cách thức tiến hành, phân tích, sắp xếp hồ sơ sản xuất tốt thuốc viên	CLO7 CLO8 CLO10 CLO11 CLO12	Máy chiếu, máy tính, phần, bảng	Phỏng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phản biện	
2	Xây dựng hồ sơ thực hành tốt	4	Trang bị cách thức tiến hành, phân tích,	CLO7 CLO8 CLO10 CLO11 CLO12	Máy chiếu, máy tính,	Phỏng vấn, kiểm tra chuẩn bị	Se4minar nhó4m, tự làm 4silde	

	sản xuất thuốc nước		sắp xếp hồ sơ sản xuất tốt thuốc nước		phần, bảng	bài, kết quả trình bày	theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phản biện 1 sản phẩm cụ thể	
3	Xây dựng hồ sơ máy móc liên quan tới thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc	4	Trang bị cách thức tiến hành, phân tích, sắp xếp hồ sơ máy móc liên quan tới kiểm nghiệm thuốc tốt	CLO7 CLO8 CLO10 CLO11 CLO12	Máy chiếu, máy tính, phần, bảng	Phỏng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phản biện 1 sản phẩm cụ thể	
4	Xây dựng hồ sơ kỹ thuật liên quan tới thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc viên	4	Trang bị cách thức tiến hành, phân tích, sắp xếp hồ sơ kỹ thuật liên quan tới kiểm nghiệm thuốc viên	CLO7 CLO8 CLO10 CLO11 CLO12	Máy chiếu, máy tính, phần, bảng	Phỏng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phản biện 1 sản	

							phẩm cụ thể	
5	Thực hành tốt tồn trữ thuốc tại khoa dược bệnh viện	4	Trang bị cách thức tiến hành, phân tích, sắp xếp hồ sơ trong thực hành tốt tồn trữ bảo quan thuốc tại khoa dược	CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12	Máy chiếu, máy tính, phần, bảng	Phỏng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phản biện 1 sản phẩm cụ thể	
6	Xây dựng Hồ sơ thực hành tốt trong lưu thông thuốc	4	Nắm vững kiến thức vận dụng xây dựng hồ sơ thực hành tốt lưu thông thuốc	CLO7 CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12	Máy chiếu, máy tính, phần, bảng	Phỏng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phản biện 1 sản phẩm cụ thể	
7	Xử lý các tình huống trong thực hành tốt phân phối thuốc	4	Nắm vững kiến thức vận dụng xử lý một số tình huống trong thực	CLO1 CLO5 CLO10 CLO11 CLO12	Máy chiếu, máy tính, phần, bảng	Phỏng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo,	

			hành tốt trong phân phối thuốc				báo cáo kết quả, phản biện 1 sản phẩm cụ thể	
8	Phân tích chi phí liên quan tới thực hành tốt nhà thuốc	4	Phân tích được các chi phí của nhà thuốc GPP	CLO1 CLO5 CLO10 CLO11 CLO12	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	Phỏng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phản biện 1 sản phẩm cụ thể	
9	Bài 7: Lập kế hoạch marketing	4	Nắm vững kiến thức xây dựng kế hoạch marketing	CLO3 CLO4 CLO5	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	Phỏng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phản biện 1 sản phẩm cụ thể	
10	Bài 8: Phân tích SWOT,	4	Trang bị được kiến thức và chủ	CLO3 CLO4 CLO5	Máy chiếu, máy	Phỏng vấn, kiểm tra chuẩn bị	Se4minar nhóm, tự làm	

	SMART trong marketing 1 thuốc thảo dược		động thực một kết quả từ sản phẩm thực tiễn		tính, phần, bảng	bài, kết quả trình bày	4silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phần biện 1 sản phẩm cụ thể	
11	Bài 10: Phân tích 3C , 7S trong marketing 1 thuốc thảo dược	4	Trang bị được kiến thức và chủ động thực một kết quả từ sản phẩm thực tiễn	CLO3 CLO4 CLO5	Máy chiếu, máy tính, phần, bảng	Phỏng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phần biện 1 sản phẩm cụ thể	
12	Bài 11: Phân tích PEST trong marketing 1 thuốc thảo dược	4	Trang bị được kiến thức và chủ động thực một kết quả từ sản phẩm thực tiễn	CLO3 CLO4 CLO5	Máy chiếu, máy tính, phần, bảng	Phỏng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phần biện 1 sản	

							phẩm cụ thể	
13	Bài 13: Phân tích cách thức quảng cáo nhóm thuốc thảo dược trên VTV	4	Trang bị được kiến thức và chủ động thực một kết quả từ sản phẩm thực tiễn	CLO3 CLO4 CLO5	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	Phỏng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phản biện 1 sản phẩm cụ thể	
14	Bài 14: Thương mại điện tử ứng dụng trong marketing thuốc thảo dược	4	Trang bị được kiến thức và chủ động thực một kết quả từ sản phẩm thực tiễn	CLO3 CLO4 CLO5	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	Phỏng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày	Seminar nhóm, tự làm silde theo nhóm, trình bày báo cáo, báo cáo kết quả, phản biện 1 sản phẩm cụ thể	
15	Thi thực hành	4		CLO1 - CLO12	Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng	Phỏng vấn, kiểm tra chuẩn bị bài, kết quả trình bày		

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/LS/KT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, lâm sàng, bài tập, thảo luận, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số. ...).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần

Đi học đạt tối thiểu 80% số tiết lý thuyết trong học phần được tính: 8 điểm.

Nếu chuẩn bị bài đầy đủ theo yêu cầu thêm 2 điểm

Đi học đạt tối thiểu 80% số tiết lý thuyết trong học phần thi kết thúc phòng lý thuyết không được dự

Thực hành không được vắng mặt buổi nào, vắng hoặc trượt bài nào phải thực tập bù bài đó theo qui định.

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

Thực hành không được vắng mặt buổi nào, vắng hoặc trượt bài nào phải thực tập bù bài đó theo qui định.

Tiêu chí	Mức độ thể hiện (A,B,C,D,F là mức điểm theo thang điểm 4)				
	A	B	C	D	F
Chuẩn bị bài	Đầy đủ, chất lượng tốt	Thiếu đầu mục nhưng chất lượng tốt	Thiếu những đầu mục nhỏ, chất lượng trung bình	Thiếu 1-2 đầu mục lớn, chất lượng còn sai sót mức	Không chuẩn bị hoặc chuẩn bị không chu đáo, chất lượng bài

				độ điều chỉnh được	chuẩn bị kém, hoặc sai
Báo cáo kết quả	Đúng theo yêu cầu một bài giải, khoa học, logic, đúng kết quả, phản biện tốt	Đúng theo yêu cầu một bài giải, khoa học, logic, đúng kết quả, phản biện chấp nhận được	Đúng cơ bản theo yêu cầu một bài giải, có tính khoa học, đúng kết quả, phản biện chấp nhận được	Đúng trình tự bài giải, có kết quả đúng, chưa thể hiện rõ tính phản biện kết quả	Bài giải sơ sài, thiếu tính khoa học, thiếu logic, không phản biện được kết quả
Trả lời vấn đáp	Đúng, nhanh, có lý luận tốt, chặt chẽ, sáng tạo, phản biện tốt	Đúng, có lý luận xác đáng, phản biện tốt	Có thể chấp nhận được, nhanh, có hướng giải quyết	Hiểu kiến thức rõ về hiệu bài, nhưng trình bày thiếu quyết đoán, còn phân vân,	Không đạt các yêu cầu như trả lời sai, phản biện kém, không trả lời được

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	CDR của học phần/mô đun (CLO)	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	50	Điểm chuyên cần	Đi ít nhất 80% (10		CLO ...	
		Điểm thảo luận nhóm,	2 bài tối thiểu 4/10	30			

		bài tập lớn,					
		Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính/ Tự luận/ Báo cáo tiểu luận...	Tối thiểu 4/10	60			
Thực hành/ Lâm sàng	50	Điểm chuyên cần	Đi đủ 100%				
		Điểm bài thực hành/ lâm sàng	Đạt Tối thiểu 4/10 điểm				
		Điểm thi thực hành, lâm sàng	Đạt Tối thiểu 4/10 điểm				

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Bộ môn Quản lý & Kinh tế dược, Khoa Dược, Trường ĐH Nam Cần Thơ (2018), Bài giảng Nhóm GPs (GMP, GLP, GSP, GDP, GPP).

2. Bộ môn Bộ môn Quản lý & Kinh tế dược, Học viện YDHCT Việt Nam (2021), Bài giảng Marketing thuốc thảo dược, Tài liệu lưu hành nội bộ

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược - Trường đại học dược Hà Nội (2013), *Pháp chế dược*

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/ MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BIÊN SOẠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/ tháng/ năm</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/ tháng/ năm</i>	Người cập nhật